

TÔN THÂN - NGUYỄN THỊ NGÂN HOA - NGUYỄN KIM HIỀN

ÔN TẬP HÈ
Toán - Ngữ văn - Tiếng Anh
lớp 6

(Tái bản lần thứ hai)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Lời Nhà xuất bản

Nhằm giúp các em học sinh có sách để tự ôn tập hoặc học hè ở trên lớp, các giáo viên và phụ huynh có tài liệu để hướng dẫn học sinh và con em mình ôn tập trong thời gian hè, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã tổ chức biên soạn và xuất bản bộ sách *Ôn tập hè cấp THCS*.

Các tác giả bộ sách là : PGS.TS. Tôn Thân (biên soạn phần Toán), TS. Nguyễn Thị Ngân Hoa (biên soạn phần Ngữ văn), ThS. Nguyễn Kim Hiền (biên soạn phần Tiếng Anh). Đây là các nhà giáo, nhà nghiên cứu có nhiều kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, đồng thời cũng là các tác giả, chủ biên của SGK và nhiều cuốn STK khác.

Bộ sách *Ôn tập hè cấp THCS* gồm 3 cuốn :

- *Ôn tập hè : Toán – Ngữ văn – Tiếng Anh lớp 6*
- *Ôn tập hè : Toán – Ngữ văn – Tiếng Anh lớp 7*
- *Ôn tập hè : Toán – Ngữ văn – Tiếng Anh lớp 8*

Cuốn sách *Ôn tập hè : Toán – Ngữ văn – Tiếng Anh lớp 6* được biên soạn thành 5 bài học tương ứng với 5 tuần ôn tập hè. Mỗi bài đều có các phần : Toán, Ngữ văn và Tiếng Anh. Những câu hỏi, ví dụ, bài tập trong sách được trình bày, diễn đạt dưới nhiều hình thức khác nhau với mục đích giúp cho việc học hè trở nên vui, hấp dẫn, không gây căng thẳng, nặng nề trong quá trình học tập mà vẫn đảm bảo tốt mục tiêu ôn tập. Ngoài ra, trong sách cũng có một số lượng thích hợp các bài tập dành cho học sinh khá, giỏi giúp các em có thể hiểu sâu và rộng hơn các kiến thức đã học.

Hi vọng rằng cuốn sách sẽ đáp ứng được yêu cầu của đông đảo các em học sinh lớp 6, các thầy cô giáo và các bậc phụ huynh.

Mặc dù các tác giả và biên tập viên đã rất cố gắng, nhưng khó tránh khỏi những thiếu sót. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam mong nhận được những góp ý của các thầy cô giáo, các bậc phụ huynh và các em học sinh để lần tái bản sau sách được tốt hơn.

Thư góp ý xin gửi về : Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội – Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam – 187B Giảng Võ - Hà Nội.

Xin chân thành cảm ơn.

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



BÀI 1

TOÁN

CÁC PHÉP TÍNH TRONG TẬP HỢP CÁC SỐ TỰ NHIÊN

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Phép cộng và phép nhân

- Phép cộng và phép nhân đều có các tính chất giao hoán và kết hợp :

– Giao hoán : $a + b = b + a$; $a \cdot b = b \cdot a$;

– Kết hợp : $(a + b) + c = a + (b + c)$; $(a \cdot b) \cdot c = a \cdot (b \cdot c)$.

- Nếu $a \cdot b = 0$ thì có ít nhất một trong hai thừa số a hoặc b bằng 0.

- Giữa phép nhân và phép cộng có tính chất phân phối :

$$a \cdot (b + c) = ab + ac.$$

2. Phép trừ và phép chia

- Phép trừ : $a - b = x$

(số bị trừ) (số trừ) (hiệu)

Điều kiện để thực hiện được phép trừ là $a \geq b$.

- Phép chia hết và phép chia có dư :

$$a = b \cdot q + r$$

(số bị chia) (số chia) (thương) (số dư)

Số chia bao giờ cũng khác 0 ($b \neq 0$).

Số dư bao giờ cũng nhỏ hơn số chia ($r < b$).

Nếu $r = 0$ ta được phép chia hết ($a = b \cdot q$).

Nếu $r \neq 0$ ta được phép chia có dư ($a = b \cdot q + r, 0 < r < b$).

3. Lũy thừa với số mũ tự nhiên

- Khi nhân hai lũy thừa cùng cơ số, ta giữ nguyên cơ số và cộng các số mũ.

$$a^m \cdot a^n = a^{m+n}.$$



- Khi chia hai lũy thừa cùng cơ số khác 0, ta giữ nguyên cơ số và trừ các số mũ.

$$a^m : a^n = a^{m-n} \quad (a \neq 0 \text{ và } m \geq n).$$

Ta quy ước : $a^0 = 1$ ($a \neq 0$).

4. Thứ tự thực hiện các phép tính

- Trường hợp biểu thức không có dấu ngoặc :

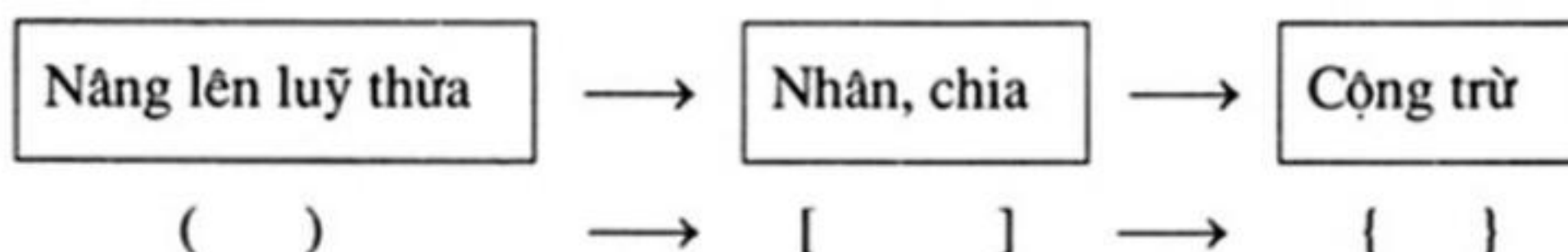
– Nếu chỉ có phép cộng, trừ hoặc chỉ có phép nhân, chia, ta thực hiện phép tính theo thứ tự từ trái sang phải.

– Nếu có các phép tính cộng, trừ, nhân chia, nâng lên lũy thừa, ta thực hiện phép nâng lên lũy thừa trước, rồi đến nhân và chia, cuối cùng đến cộng và trừ.

- Trường hợp biểu thức có dấu ngoặc

Ta thực hiện phép tính trong ngoặc tròn () trước rồi thực hiện phép tính trong dấu ngoặc vuông [], cuối cùng thực hiện phép tính trong dấu ngoặc nhọn { }.

Sơ đồ về thứ tự thực hiện các phép tính



B. MỘT SỐ VÍ DỤ

Ví dụ 1. Tìm số tự nhiên x, biết :

- | | |
|--|------------------------------|
| a) $x < 3$; | b) $2 < x \leq 5$; |
| c) x là số chẵn sao cho $12 \leq x < 20$; | d) $x \notin \mathbb{N}^*$. |

Giải.

- a) $x \in \mathbb{N}$ và $x < 3$ nên $x \in \{0 ; 1 ; 2\}$.
 b) $x \in \mathbb{N}$ và $2 < x \leq 5$ nên $x \in \{3 ; 4 ; 5\}$.
 c) x là số chẵn và $12 \leq x < 20$ nên $x \in \{12 ; 14 ; 16 ; 18\}$.
 d) $x \in \mathbb{N}$ và $x \notin \mathbb{N}^*$ nên $x = 0$.

Ví dụ 2. Tìm các số tự nhiên a và b sao cho :

- a) $13 < a < b < 16$; b) $13 < a < b < 17$.

Giải.

- a) Vì $13 < 14 < 15 < 16$ nên $a = 14, b = 15$.



b) Ta có các trường hợp sau :

Vì $13 < 14 < 15 < 17$ nên $a = 14, b = 15$

Vì $13 < 14 < 16 < 17$ nên $a = 14, b = 16$

Vì $13 < 15 < 16 < 17$ nên $a = 15, b = 16$.

Ví dụ 3. Tính nhanh :

$$A = 34 + 19 + 21 + 46 ;$$

$$B = 103 + 931 + 588 + 297 + 12 ;$$

$$C = 25 \cdot 7 \cdot 4 + 2 \cdot 23 \cdot 50.$$

Giải. $A = 34 + 19 + 21 + 46$

$$= (34 + 46) + (19 + 21)$$

$$= 80 + 40$$

$$= 120.$$

$$B = 103 + 931 + 588 + 297 + 12$$

$$= (103 + 297) + (588 + 12) + 931$$

$$= 400 + 600 + 931$$

$$= 1931.$$

$$C = 25 \cdot 7 \cdot 4 + 2 \cdot 23 \cdot 50$$

$$= (25 \cdot 4) \cdot 7 + (2 \cdot 50) \cdot 23$$

$$= 100 \cdot 7 + 100 \cdot 23$$

$$= 100 \cdot (7 + 23)$$

$$= 3000.$$

Ví dụ 4. So sánh A và B mà không tính cụ thể giá trị của chúng :

a) $A = 3214 + 5789 ; \quad B = 5765 + 3238.$

b) $A = 2011 \cdot 2011 ; \quad B = 2010 \cdot 2012.$

Giải.

a) *Cách 1* : $A = 3214 + 5789 = (3214 + 24) + (5789 - 24) = 3238 + 5765 = B.$

Vậy $A = B.$

Cách 2 : $A = 3214 + 5789 = 3214 + (24 + 5765) = (3214 + 24) + 5765$

$$= 3238 + 5765 = B$$

b) $A = 2011 \cdot 2011 = 2011 \cdot (2010 + 1) = 2011 \cdot 2010 + 2011 \quad (1).$

$$B = 2010 \cdot 2012 = 2010 \cdot (2011 + 1) = 2010 \cdot 2011 + 2010 \quad (2).$$

So sánh (1) và (2) ta thấy A lớn hơn B.



Ví dụ 5. Tính nhanh tổng của 51 số tự nhiên đầu tiên.

Giải. Gọi S là tổng của 51 số tự nhiên đầu tiên. Ta có :

$$S = 0 + 1 + 2 + 3 + \dots + 50.$$

Gọi S' là tổng của 50 số tự nhiên từ 1 đến 50.

Ta có : $S' = 1 + 2 + 3 + \dots + 49 + 50$ (1)

$$S' = 50 + 49 + \dots + 2 + 1. \quad (2)$$

Cộng (1) với (2) và áp dụng tính chất giao hoán và kết hợp của phép cộng ta được :

$$\begin{aligned} S' + S' &= (1 + 50) + (2 + 49) + \dots + (49 + 2) + (50 + 1) \\ &= 51 + 51 + \dots + 51 + 51. \end{aligned}$$

Do đó $2S' = 51 \cdot 50$ suy ra $S' = 51 \cdot 50 : 2 = 1275$.

Vậy $S = 0 + S' = 0 + 1275 = 1275$.

Ví dụ 6. Tìm số tự nhiên x , biết :

$$\text{a) } (x - 37) \cdot 25 = 0 ; \quad \text{b) } (x - 42) \cdot (x - 21) = 0.$$

Giải.

a) Tích $(x - 37) \cdot 25$ bằng 0 mà $25 \neq 0$ nên $x - 37 = 0$. Suy ra $x = 37$.

b) Tích $(x - 42) \cdot (x - 21)$ bằng 0 nên hoặc $x - 42 = 0$, hoặc $x - 21 = 0$. Suy ra $x = 42$ hoặc $x = 21$.

Ví dụ 7.

a) Cho $8762 + 3974 = A$. Không làm phép tính, hãy tìm giá trị của các hiệu $A - 8762$ và $A - 3974$.

b) Cho $7359 - 2897 = B$. Không làm phép tính, hãy tìm giá trị của tổng $B + 2897$ và hiệu $7359 - B$.

Giải.

a) $8762 + 3974 = A$ nên $A - 8762 = 3974$ và $A - 3974 = 8762$.

b) $7359 - 2897 = B$ nên $B + 2897 = 7359$ và $7359 - B = 2897$.

Ví dụ 8. Tìm số tự nhiên x , biết :

$$\begin{aligned} \text{a) } x : 13 &= 21 ; & \text{b) } 2125 : x &= 17 ; \\ \text{c) } 0 : x &= 0 ; & \text{d) } x : 5 &= x : 6. \end{aligned}$$



Giải.

a) $x : 13 = 21$

$$x = 13 \cdot 21$$

$$x = 273.$$

b) $2125 : x = 17$

$$x = 2125 : 17$$

$$x = 125.$$

c) $0 : x = 0$

x là số tự nhiên bất kì khác 0.

d) $x : 5 = x : 6$ (1)

Nhân hai vế của (1) với 30 ta được :

$$(1) \Leftrightarrow 6x = 5x \Leftrightarrow 6x - 5x = 0 \Leftrightarrow x = 0.$$

Ví dụ 9. Viết kết quả các phép tính sau dưới dạng một lũy thừa :

a) $5^4 \cdot 5^2$;

b) $2^8 \cdot 2^8$;

c) $36^5 \cdot 6^2$;

d) $5^4 : 5^2$;

e) $2^8 : 2^8$;

g) $36^5 : 6^2$.

Giải.

a) $5^4 \cdot 5^2 = 5^{4+2} = 5^6$.

b) $2^8 \cdot 2^8 = 2^{8+8} = 2^{16}$.

c) $36^5 \cdot 6^2 = 36^5 \cdot 36 = 36^{5+1} = 36^6$.

d) $5^4 : 5^2 = 5^{4-2} = 5^2$.

e) $2^8 : 2^8 = 2^{8-8} = 2^0$.

g) $36^5 : 6^2 = 36^5 : 36 = 36^{5-1} = 36^4$.

Ví dụ 10. Tính giá trị của biểu thức :

$$A = 120 + 20 : 4 - 2^2 \cdot 3;$$

$$B = (120 + 20) : 4 - 2^2 \cdot 3.$$

$$C = 120 + (20 : 4 - 2^2) \cdot 3;$$

$$D = (120 + 20 : 4 - 2^2) \cdot 3.$$

Giải.

$$A = 120 + 20 : 4 - 2^2 \cdot 3$$

$$= 120 + 5 - 4 \cdot 3$$

$$= 120 + 5 - 12$$

$$= 125 - 12$$

$$= 113.$$

$$B = (120 + 20) : 4 - 2^2 \cdot 3$$

$$= 140 : 4 - 4 \cdot 3$$

$$= 35 - 12$$

$$= 23.$$



$$\begin{aligned}C &= 120 + (20 : 4 - 2^2) \cdot 3 \\&= 120 + (5 - 4) \cdot 3 \\&= 120 + 3 \\&= 123.\end{aligned}$$

$$\begin{aligned}D &= (120 + 20 : 4 - 2^2) \cdot 3 \\&= (120 + 5 - 4) \cdot 3 \\&= 121 \cdot 3 \\&= 363.\end{aligned}$$

C. BÀI TẬP

- Điền vào chỗ trống để được ba số tự nhiên liên tiếp tăng dần :
a) ; 27 ; b) 15 ; ;
c) ; ; 92 d) ; ; $a + 3$ ($a \in \mathbb{N}$).
- Viết tập hợp bốn số tự nhiên liên tiếp lớn hơn 25 nhưng không vượt quá 31.
- Số 400 là số :
(A) Có số chục là 0 ; (B) Có số đơn vị là 0 ;
(C) Có chữ số hàng chục là 0 ; (D) Có chữ số hàng chục là 40.
Hãy chọn phương án đúng.
- Với bài toán : Viết tích $12 \cdot 5 \cdot 6$ thành tích của ba số tự nhiên khác, một học sinh đã viết các kết quả sau :
(A) $1 \cdot 10 \cdot 36$; (B) $3 \cdot 8 \cdot 15$; (C) $3 \cdot 10 \cdot 12$; (D) $2 \cdot 10 \cdot 16$.
Hãy chỉ ra kết quả sai.
- Tính nhẩm :
a) $28 \cdot 25$; b) $125 \cdot 72$; c) $99 + 59$; d) $457 - 98$.
- Nêu ba cách tính nhẩm $600 : 12$.
- Đố vui* : Bé Nam rất không thích tính nhẩm. Khi giải bài toán chia đều 40 cái kẹo cho 8 bạn, bé đã viết tính chia như sau :

$$\begin{array}{r|l}40 & 8 \\- 32 & 41 \\ \hline 8 & \\- 8 & \\ \hline 0 & \end{array}$$

Kết quả tìm được đã làm bé Nam bối rối. Bé hiểu rõ là mỗi bạn không thể nhận được số kẹo nhiều hơn số kẹo của cả 8 bạn nhưng bé không hiểu sai lầm trong phép chia là ở đâu. Đố em phát hiện ra chỗ sai ?



8. "Hai lần hai là năm".

Ta có đẳng thức hiển nhiên : $4 : 4 = 5 : 5$. (1)

Đưa ra ngoài dấu ngoặc thừa số chung của mỗi vế ở đẳng thức (1) ta sẽ có :

$$4 \cdot (1 : 1) = 5 \cdot (1 : 1)$$

hay $(2 \cdot 2) \cdot (1 : 1) = 5 \cdot (1 : 1)$. (2)

Vì $1 : 1 = 1$ nên đẳng thức (2) trở thành :

$$2 \cdot 2 = 5 (!).$$

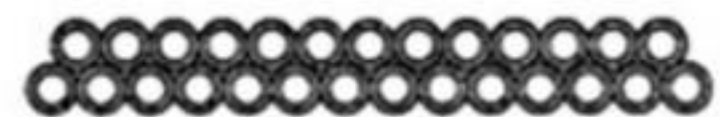
Em có biết sai ở đâu không ?

9. Dùng năm chữ số giống nhau, dấu các phép tính, dấu ngoặc để viết biểu thức có giá trị bằng 100.

10. Trong các nhà máy luyện kim hay nhà máy gỗ, những ống thép hay cây gỗ tròn thường được xếp rất đều đặn như hình 1 :

Xếp như vậy không những đẹp mắt mà lại còn đếm rất tiện.

Ví dụ : Có một đống ống thép có kích thước như nhau, anh công nhân chỉ cần đếm xem ở đáy có bao nhiêu ống là lập tức có thể biết đống thép ấy có bao nhiêu ống.



Hình 1

- Nếu hàng dưới cùng có 30 ống thép, hàng ngay trên nó có 29 ống, hàng trên tiếp theo có 28 ống hàng trên cùng chỉ có 1 ống thì tất cả có bao nhiêu ống thép ?
- Nếu hàng dưới cùng có 30 ống thép và cũng xếp như ở câu a) nhưng hàng trên cùng có 17 ống thì tất cả có bao nhiêu ống thép ?

NGŨ VĂN

A. VĂN BẢN

Thủy Tinh đến sau, không lấy được vợ, dùng dùng nổi giận, đem quân đuổi theo đòi cướp Mị Nương. Thần hô mưa, gọi gió làm thành dông bão rung chuyển cả đất trời, dâng nước sông lên cuồn cuộn đánh Sơn Tinh. Nước ngập ruộng đồng, nước ngập nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lên trên một biển nước.



Sơn Tinh không hề nao núng. Thần dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành lũy đất, ngăn chặn dòng nước lũ. Nước sông dâng lên bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu. Hai bên đánh nhau ròng rã mấy tháng trời, cuối cùng Sơn Tinh vẫn vững vàng mà sức Thủy Tinh đã kiệt. Thần Nước đành rút quân.

Từ đó, oán nặng, thù sâu, hằng năm Thủy Tinh làm mưa gió, bão lụt dâng nước đánh Sơn Tinh. Nhưng năm nào cũng vậy, Thần Nước đánh mỗi một, chán chê vẫn không thắng nổi Thần Núi để cướp Mị Nương, đành rút quân về.

(Trích *Sơn Tinh, Thủy Tinh*, theo Huỳnh Lý)

B. BÀI TẬP

I. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Văn bản *Sơn Tinh, Thủy Tinh* thuộc thể loại truyện nào ?
 - A. Truyền thuyết
 - B. Truyện cổ tích
 - C. Truyện ngụ ngôn
 - D. Truyện cười
2. *Sơn Tinh, Thủy Tinh* giải thích hiện tượng nào trong tự nhiên ?
 - A. Hiện tượng động đất
 - B. Hiện tượng mưa gió
 - C. Hiện tượng lũ lụt
 - D. Hiện tượng đông bão
3. Chi tiết nào **không phải** là chi tiết tưởng tượng, kì ảo trong đoạn trích trên ?
 - A. Thủy Tinh hô mưa, gọi gió, dâng nước đánh Sơn Tinh.
 - B. Nước ngập ruộng đồng, nước ngập nhà cửa, nước dâng lên lưng đồi, sườn núi, thành Phong Châu như nổi lênh trên một biển nước.
 - C. Sơn Tinh bốc đồi, dời núi để ngăn dòng nước lũ.
 - D. Thần Nước và Thần Núi đánh nhau ròng rã mấy tháng trời.
4. Qua truyền thuyết trên, tác giả dân gian muốn gửi gắm điều gì ?
 - A. Giải thích hiện tượng lũ lụt
 - B. Thể hiện sức mạnh, ước mong của người Việt cổ muốn chế ngự thiên tai
 - C. Suy tôn, ca ngợi công lao dựng nước của các vua Hùng
 - D. Cả A, B và C
5. Đây là điểm khác biệt giữa truyền thuyết và truyện cổ tích?
 - A. Các chi tiết hoang đường, kì ảo
 - B. Sự thật lịch sử
 - C. Thái độ của nhân dân đối với sự thật lịch sử
 - D. Cả B và C



6. Hãy kể tên một số truyền thuyết (em đã học hoặc đã đọc). Cho biết những truyền thuyết đó kể về sự thật lịch sử nào.

7*. Qua một số truyền thuyết vừa tìm được ở bài tập 6, hãy cho biết dân gian đã thể hiện thái độ đánh giá của mình đối với các nhân vật lịch sử, sự kiện lịch sử bằng cách nào ?

II. TIẾNG VIỆT

1. Sắp xếp những từ sau thành hai nhóm (từ ghép và từ láy) :

hiếm hoi, trông nom, chăm chỉ, ngắm nghĩ, giúp đỡ, dọn dẹp, lo lắng, hí hửng, tức tối, vừa vặn, lo liệu, xinh đẹp

2. Từ nào sau đây **không** phải là từ mượn tiếng Hán ?

A. gia nhân

B. tuần tú

C. đèn sách

D. trạng nguyên

3. Hãy giải nghĩa và đặt câu với từ *tuần tú*.

4. Tìm những từ ghép chứa tiếng cho sẵn theo công thức : "tiếng cho sẵn" + x.

Tiếng	Từ ghép ("tiếng cho sẵn" + x)
<i>học</i>	M : <i>học sinh, học hành,...</i>
<i>xe</i>	
<i>giáo</i>	
<i>bơi</i>	

5. Cho các câu sử dụng các từ in đậm theo nghĩa gốc ở cột A. Viết câu sử dụng các từ in đậm đó theo nghĩa chuyển vào cột B.

A	B
(1) Em ăn bữa trưa ở trường cùng các bạn.	(1) M : Tàu vào cảng ăn than.
(2) Trên đầu không hề đội nón, nó bước dưới trời nắng chang chang.	
(3) Chẩu chàng giương đôi mắt lồi cuồn lơ lảo.	
(4) Ra khỏi lớp, Lan chạy ngay về nhà để khoe với mẹ điểm mười tươi rói.	
(5) Giọt sương long lanh trên lá.	



6. Điền các từ sau vào chỗ trống để hoàn chỉnh đoạn văn : *Thuận Thiên, chủ tướng, sáng rực, khởi nghĩa, gia nhập, báu vật.*

Về sau Thận ...(1)... đoàn quân ...(2)... Lam Sơn. Chàng hăng hái, gan dạ, không nể nguy hiểm. Một hôm ...(3)... Lê Lợi cùng mấy người tùy tùng đến nhà Thận. Trong túp lều tối om, thanh sắt hôm đó tự nhiên ...(4)... lên ở xó nhà. Lấy làm lạ, Lê Lợi cầm lên xem và thấy có hai chữ "... (5) ..." khắc sâu vào lưỡi gươm. Song tất cả mọi người vẫn không biết đó là ...(6)... (Theo Sự tích Hồ Gươm)

7. Nối từ ở cột A với ý nghĩa tương ứng của chúng ở cột B.

A	B
(1) Mưa rào	a) Mưa dai dẳng vào tháng bảy âm lịch.
(2) Mưa phùn	b) Mưa trong đó có những cục nước kết băng rơi xuống.
(3) Mưa dầm	c) Mưa to một hồi rồi tạnh.
(4) Mưa ngâu	d) Mưa hạt nhỏ về mùa rét.
(5) Mưa đá	e) Mưa kéo dài nhiều ngày.

8. Phân tích giá trị của các từ láy trong những câu thơ sau :

*Họ vui vẻ kéo hàng trên cỏ biếc
 Những thằng cu áo đỏ chạy lon xon,
 Vài cụ già chống gậy bước lom khom
 Cô yếm thắm che môi cười lặng lẽ.*

(Đoàn Văn Cừ, *Chợ tết*)

9. Chỉ ra những từ dùng sai hoặc viết sai trong các câu sau và sửa lại cho đúng.

- Nếu học hành chăm chỉ các em sẽ có một tương lai sáng lạng.*
- Đường lên núi quanh co, khúc khuỷu.*
- Mẹ đã giành hết tình yêu thương cho các con.*
- Do sử dụng chất thải không hợp lí nên nguồn nước bị ô nhiễm rất nghiêm trọng.*
- Hai xã đã sát nhập làm một.*

III. TẬP LÀM VĂN

- Viết một đoạn văn (5 – 7 dòng) kể tóm tắt truyền thuyết *Sơn Tinh, Thủy Tinh*.
- Đóng vai Sơn Tinh, hãy kể lại trận chiến với Thủy Tinh cho Mị Nương nghe.



TIẾNG ANH

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

- Present simple tense
- Questions
- Imperative (command)
- Indefinite articles: *a/an*
- Personal pronouns
- Numbers, greetings
- *This is... and that is ...*
- *There is ... and there are ...*

1. Present simple tense (Thì hiện tại đơn)

Cách dùng:

- Diễn tả một hành động lặp lại hay một sự việc thường hay xảy ra.
He *does* morning exercise every day.
We *go* to school five days a week.
- Diễn tả một sự việc có thực trong một khoảng thời gian dài.
I *live* in Ha Noi.
My father *works* for a construction company.
- Diễn tả một chân lí hoặc một sự thật hiển nhiên.
Water *boils* at 100⁰C. (degree Celsius)
The Earth *goes* round the Sun.
- Nói về một hành động trong tương lai đã được lập kế hoạch trước.
The new school year *starts* on 5 September.
The last bus *leaves* at 7 p.m.
- Nói về một hành động tương lai trong mệnh đề bắt đầu bằng *if* hoặc *when*.
If the weather *is* fine tomorrow, I'll go to the beach with my parents.
When I *arrive* there, I'll phone you.

**Ghi nhớ:**

Các trạng từ sau đây thường được dùng với thời hiện tại:

always, usually, often, sometimes, occasionally, seldom, rarely, never

I *always* go to school on time.

My mother *usually* gets up early in the morning.

My brother *often* plays football in the afternoon.

My father *sometimes* helps my mother with the housework.

My grandfather *occasionally* goes to the theatre.

My grandmother *seldom* eats meat. She *often* eats fish.

She *rarely* eats bread.

She *never* goes to the beach.

2. Indefinite articles: a/an

- *a/an* được dùng với một danh từ số ít và nghề nghiệp của một người.

There is *a* pen on the table. (*a* dùng trước danh từ bắt đầu bằng phụ âm.)

My mother is *an* engineer. (*an* dùng trước danh từ bắt đầu bằng nguyên âm.)

- *a/an* được dùng khi người nghe không biết đích xác chúng ta muốn nói đến cái nào.

Have you got *a* car?

She is looking for *a* job.

B. BÀI TẬP MINH HOẠ**I. Choose the best option A, B, C or D to complete the sentence.**

1. He _____ Nam.

- A. be B. are C. is D. to be

2. My name _____ Lan.

- A. are B. is C. am D. be

3. Say "hello" _____ your friends.

- A. at B. to C. of D. on

4. How _____ you?

- A. is B. be C. to be D. are



5. I _____ fine, thanks.
A. is B. be C. am D. to be
6. How _____ are you?
A. old B. fine C. good D. nice
7. I _____ eleven.
A. be B. am C. is D. are
8. Hello, Miss Linh. This _____ my friend, Nga.
A. are B. am C. is D. be
9. Open _____ book.
A. he B. you C. she D. your
10. My name's Linh. What's your _____? - I'm Nam.
A. name B. book C. number D. classmate
11. Where _____ you live?
A. is B. do C. are D. am
12. I live _____ Quang Trung Street.
A. on B. to C. in D. of
13. What's your name? - My name's Loan.
How do you _____ it?
A. do B. spell C. say D. speak
14. _____ do you spell your name?
A. What B. How C. Where D. Which
15. _____ that your school?
A. Are B. Do C. To be D. Is
16. Yes. _____ is my school.
A. That B. How C. Where D. What
17. What is _____? - It's a table.
A. this B. those C. these D. table
18. _____ are those? - They're armchairs.
A. What B. Where C. Who D. How
19. What's _____ name? - Her name's Mai.
A. his B. her C. your D. its
20. How _____ people are there in your family?
A. old B. nice C. good D. many



II. Put *a* or *an* before these words.

- | | |
|--------------------|--------------------|
| 1. _____ notebook | 6. _____ bookshelf |
| 2. _____ classroom | 7. _____ desk |
| 3. _____ armchair | 8. _____ stereo |
| 4. _____ student | 9. _____ eraser |
| 5. _____ school | 10. _____ engineer |

III. Fill in the blanks with the question words.

- | | |
|---|--------------------------------|
| 1. _____ is your name? | – My name's Vinh. |
| 2. _____ are you? | – I'm fine, thank you. |
| 3. _____ old are you? | – I'm nine years old. |
| 4. _____ do you spell his name? | – N-A-M. Nam. |
| 5. _____ are these? | – They're chairs. |
| 6. _____ is that? | – That's my sister. |
| 7. _____ is this? | – It's a desk. |
| 8. _____ many people are there in her family? | – There are four. |
| 9. _____ does he do? | – He is a doctor. |
| 10. _____ are your parents? | – They are in the living room. |

IV. Fill in the blanks with the given words and then answer the questions below.

<i>people</i>	<i>They</i>	<i>of</i>	<i>are</i>	<i>of</i>
---------------	-------------	-----------	------------	-----------

This is the picture (1) _____ my family. We (2) _____ in our living room. There are four (3) _____ in my family. (4) _____ are my father, my mother, my sister and me. This is my father. He is thirty-eight. He is a doctor. This is my mother. She is thirty-four. She is a teacher. My sister is eight. She is a student (5) _____ Thang Long Primary School.

Answer the question.

6. *How many people are there in his family?*

_____.

7. *Where are his family?*

_____.

8. *How old is his father?*

_____.



9. *What does he do?*

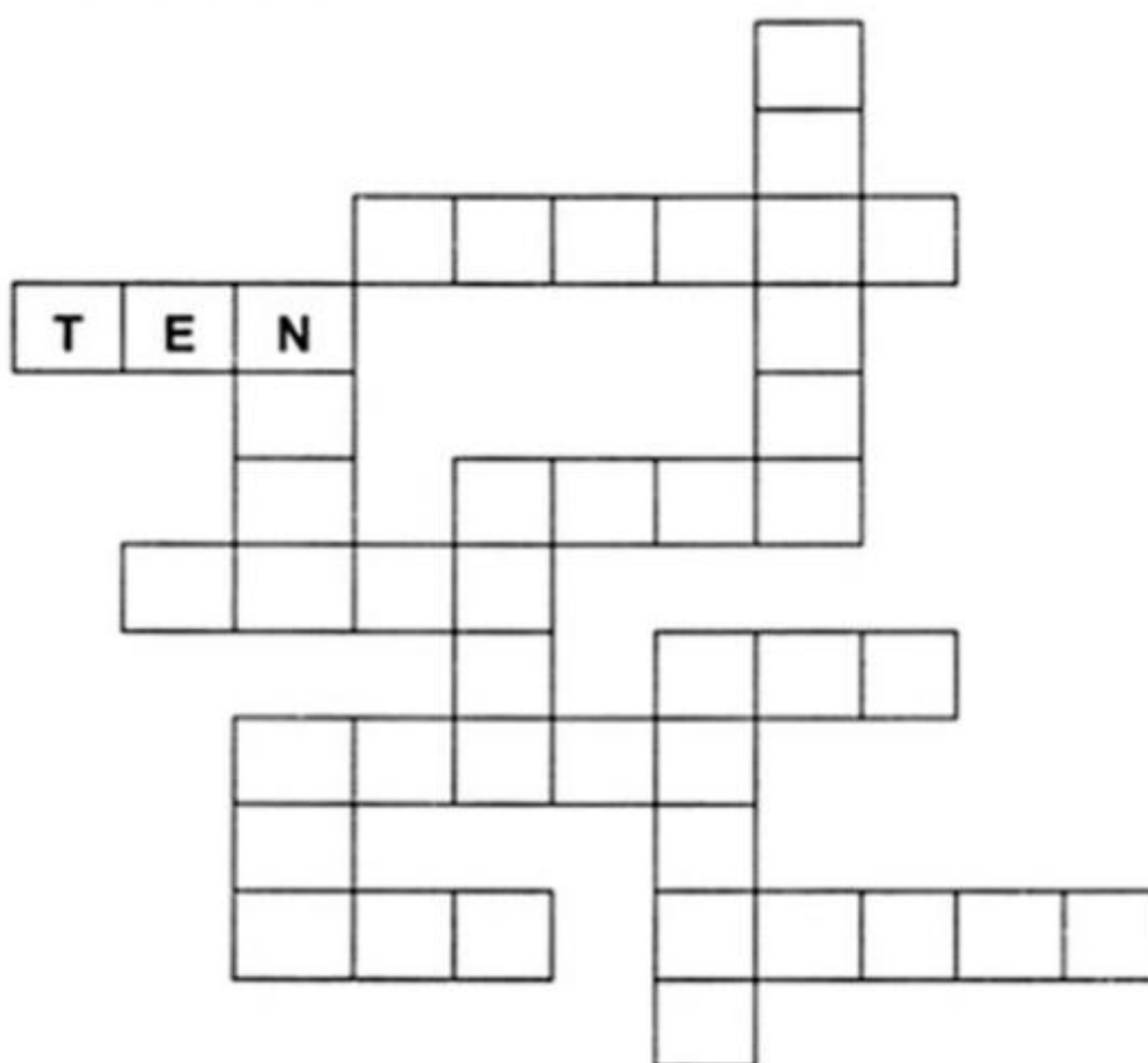
10. *Where does his sister study?*

C. GÓC ĐỒ VUI

1. Find as many words you know as possible.

C	T	H	I	S	E	E	F	E	S	O
N	E	O	N	E	W	M	I	V	Q	P
A	M	W	H	E	R	E	N	E	U	E
M	E	H	E	L	L	O	E	N	A	N
E	E	O	L	D	O	H	T	I	R	E
H	T	S	P	E	L	L	H	N	E	D
E	N	U	M	B	E	R	A	G	M	E
G	O	O	D	M	O	R	N	I	N	G
S	T	A	N	D	U	P	K	E	E	P
G	O	O	D	B	Y	E	B	O	O	K

2. Write the numbers from zero to twelve in words in the suitable blanks.
Each blank fills one letter.



**BÀI 2****TOÁN****TÍNH CHẤT CHIA HẾT. ƯỚC VÀ BỘI. SỐ NGUYÊN TỐ.
HỢP SỐ. ƯỚC CHUNG, BỘI CHUNG****A. KIẾN THỨC CƠ BẢN****1. Định nghĩa**

- $a : b \Leftrightarrow a = b \cdot k \Leftrightarrow a \in B(b) \Leftrightarrow b \in U(a)$ ($a, b, k \in \mathbb{N}, b \neq 0$).
- Số nguyên tố là số tự nhiên lớn hơn 1, chỉ có hai ước là 1 và chính nó.
- Hợp số là số tự nhiên lớn hơn 1, có nhiều hơn hai ước.
- Ước chung của hai hay nhiều số là ước của tất cả các số đó :

$$x \in UC(a, b) \text{ nếu } a : x, b : x.$$

- Ước chung lớn nhất của hai hay nhiều số là số lớn nhất trong các ước chung của các số đó :

$$ƯCLN(a, b) = d \text{ nếu } \begin{cases} d \in UC(a, b) \\ d \text{ lớn nhất.} \end{cases}$$

- Bội chung của hai hay nhiều số là bội của tất cả các số đó :

$$x \in BC(a, b) \text{ nếu } x : a, x : b.$$

Bội chung nhỏ nhất của hai hay nhiều số là số nhỏ nhất khác 0 trong tập hợp các bội chung của các số đó :

$$BCNN(a, b) = m \text{ nếu } \begin{cases} m \in BC(a, b) \\ m \text{ nhỏ nhất khác 0.} \end{cases}$$

2. Tính chất chia hết

- Tính chất 1 : $a : m, b : m \Rightarrow (a + b) : m$ và $(a - b) : m$
 $a : m, b : m, c : m \Rightarrow (a + b + c) : m$



- Tính chất 2 : $a \vdots m, b \vdots m \Rightarrow (a + b) \vdots m$ và $(a - b) \vdots m$
 $a \vdots m, b \vdots m, c \vdots m \Rightarrow (a + b + c) \vdots m$

3. Các dấu hiệu chia hết

- $a \vdots 2 \Leftrightarrow a$ có chữ số tận cùng bằng một trong các chữ số : 0, 2, 4, 6, 8.
- $a \vdots 5 \Leftrightarrow a$ có chữ số tận cùng bằng 0 hoặc bằng 5.
- $a \vdots 9 \Leftrightarrow a$ có tổng các chữ số chia hết cho 9.
- $a \vdots 3 \Leftrightarrow a$ có tổng các chữ số chia hết cho 3.

4. Cách tìm ƯCLN và BCNN

Tìm ƯCLN	Tìm BCNN
– Phân tích các số ra thừa số nguyên tố – Chọn các thừa số nguyên tố <i>chung</i> – Lập tích các thừa số đã chọn, mỗi thừa số lấy với số mũ <i>nhỏ nhất</i>.	– Phân tích các số ra thừa số nguyên tố – Chọn các thừa số nguyên tố <i>chung và riêng</i> – Lập tích các thừa số đã chọn, mỗi thừa số lấy với số mũ <i>lớn nhất</i>.

B. MỘT SỐ VÍ DỤ

Ví dụ 1. Không tính giá trị của biểu thức, hãy xét xem các tổng sau có chia hết cho 3 không ?

$$A = 18 + 27 + 123$$

$$B = 15 + 32 + 78$$

$$C = 44 + 40 + 300.$$

Giải. Tổng A có $18 \vdots 3, 27 \vdots 3, 123 \vdots 3$ nên $A \vdots 3$ (Tính chất 1).

Tổng B có $15 \vdots 3, 32 \nmid 3, 78 \vdots 3$ nên $B \nmid 3$ (Tính chất 2).

$$\begin{aligned} C &= 44 + 40 + 300 = (44 + 1) + (40 - 1) + 300 \\ &= 45 + 39 + 300. \end{aligned}$$

Do đó C có $45 \vdots 3, 39 \vdots 3, 300 \vdots 3$ nên $C \vdots 3$ (Tính chất 1).

Ví dụ 2. Khi chia số a cho 24 ta được số dư là 16. Hỏi :

a) Số a có chia hết cho 8 không ?

b) Số a có chia hết cho 6 không ?

Giải. Số a chia cho 24 dư 16 nên ta có :

$$a = 24k + 16 \quad (k \in \mathbb{N}).$$



- a) Vì $24k : 8$ và $16 : 8$ nên $(24k + 16) : 8$. Vậy số a chia hết cho 8.
b) $24k : 6$ nhưng $16 \nmid 6$ nên $(24k + 16) \nmid 6$. Vậy số a không chia hết cho 6.

Ví dụ 3. Chứng tỏ rằng số có dạng $\overline{aabb}$ bao giờ cũng chia hết cho 11.

Giải. Cách 1 : $\overline{aabb} = 1000a + 100a + 10b + b = 1100a + 11b$

Ta có $1100a : 11$, $11b : 11$ nên $(1100a + 11b) : 11$ hay số có dạng $\overline{aabb}$ bao giờ cũng chia hết cho 11.

Cách 2 : $\overline{aabb} = \overline{aa00} + \overline{bb} = (a.1100 + b.11) : 11$.

Cách 3 : $\overline{aabb} = \overline{a0b0} + \overline{a0b} = \overline{a0b}.10 + \overline{a0b} = \overline{a0b}.11 : 11$.

Ví dụ 4. Thay dấu * bởi chữ số thích hợp để số $\overline{59*}$:

- a) Chia hết cho 2 ;
b) Chia hết cho 5 ;
c) Chia hết cho cả 2 và 5 ;
d) Không chia hết cho cả 2 và 5 ;
e) Chia hết cho 3 mà không chia hết cho 9 ;
g) Chia hết cho 9.

Giải.

a) Thay dấu * bởi các chữ số 0, 2, 4, 6, 8 ta được các số chia hết cho 2 là : 590 ; 592 ; 594 ; 596 ; 598.

b) Thay dấu * bởi các chữ số 0, 5 ta được các số chia hết cho 5 là : 590 ; 595.

c) Thay dấu * bởi chữ số 0 ta được số 590 chia hết cho cả 2 và 5.

d) Thay dấu * bởi các chữ số 1, 3, 7, 9 ta được các số không chia hết cho cả 2 và 5 là : 591 ; 593 ; 597 ; 599.

e) Thay dấu * bởi các chữ số 1, 7 ta được các số chia hết cho 3 mà không chia hết cho 9 là : 591 ; 597.

g) Thay dấu * bởi chữ số 4 ta được số 594 chia hết cho 9.

Ví dụ 5. Dùng ba trong bốn chữ số 1, 2, 6, 7 để viết tất cả các số tự nhiên có ba chữ số chia hết cho cả ba số 2 ; 3 ; 9.

Giải. Ta chọn ba chữ số có tổng chia hết cho 9, đó là 1, 2, 6. Các số được viết bằng ba chữ số này vừa chia hết cho 3, vừa chia hết cho 9.

Để viết số chia hết cho 2, ta đặt chữ số 2 hoặc 6 ở vị trí tận cùng.



Nếu chữ số tận cùng là 2, ta có hai số : 612, 162.

Nếu chữ số tận cùng là 6, ta có hai số : 216, 126.

Vậy ta viết được tất cả bốn số : 612, 162, 216, 126.

Ví dụ 6. Tìm các số tự nhiên x sao cho :

a) $x \in B(11)$ và $30 < x < 70$;

b) $x \in U(20)$ và $x > 4$.

Giải.

a) Do $x \in B(11)$ nên $x = 11k$ ($k \in \mathbb{N}$). Vì $30 < x < 70$ nên $k \in \{3 ; 4 ; 5 ; 6\}$.

Do đó $x \in \{11 \cdot 3 ; 11 \cdot 4 ; 11 \cdot 5 ; 11 \cdot 6\}$ tức là $x \in \{33 ; 44 ; 55 ; 66\}$.

b) Do $x \in U(20)$ nên $x \in \{1 ; 2 ; 4 ; 5 ; 10 ; 20\}$.

Vì x lớn hơn 4, vậy $x \in \{5 ; 10 ; 20\}$.

Ví dụ 7. Trong các số sau, số nào là số nguyên tố, số nào là hợp số : 0 ; 1 ; 91 ; 97 ; 561 ; 1287 ?

Giải. Số 0 và số 1 không là số nguyên tố và cũng không là hợp số.

Số 97 là số nguyên tố vì 97 lớn hơn 1 và chỉ có hai ước là 1 và chính nó.

Số 91 là hợp số vì 91 lớn hơn 7 và chia hết cho 7.

Số 561 là hợp số vì 561 lớn hơn 3 và chia hết cho 3.

Số 1287 là hợp số vì 1287 lớn hơn 3 và chia hết cho 3.

Ví dụ 8. Thay dấu $*$ bằng chữ số thích hợp để được hợp số :

a) $\overline{1*}$; b) $\overline{4*}$.

Giải.

a) Trong các số có dạng $\overline{1*}$ có 11, 13, 17, 19 là số nguyên tố, các số còn lại đều là hợp số. Do đó $\overline{1*} \in \{10 ; 12 ; 14 ; 15 ; 16 ; 18\}$.

b) Trong các số có dạng $\overline{4*}$ có 41, 43, 47 là số nguyên tố, các số còn lại đều là hợp số. Do đó $\overline{4*} \in \{40 ; 42 ; 44 ; 45 ; 46 ; 48 ; 49\}$.

Ví dụ 9. Tìm ước chung lớn nhất của 648 và 540 rồi tìm tất cả các ước chung của 648 và 540.

Giải. Phân tích ra thừa số nguyên tố :

$$648 = 2^3 \cdot 3^4$$

$$540 = 2^2 \cdot 3^3 \cdot 5$$



$$\text{ƯCLN}(648 ; 540) = 2^2 \cdot 3^3 = 108.$$

Vì ước chung của 648 và 540 chính là ước của $\text{ƯCLN}(648 ; 540)$ nên ta có :

$$\text{ƯC}(648 ; 540) = \text{Ư}(108) = \{1 ; 2 ; 3 ; 4 ; 6 ; 9 ; 12 ; 18 ; 27 ; 36 ; 54 ; 108\}.$$

Ví dụ 10. Tìm các bội chung nhỏ hơn 2000 của ba số 68, 85 và 170.

Giải. Ta có nhận xét $170 \cdot 2 = 340$; $340 : 68$ và $340 : 85$ nên

$$\text{BCNN}(68 ; 85 ; 170) = 340.$$

Để tìm bội chung của ba số 68 ; 85 và 170 ta chỉ việc nhân

$$\text{BCNN}(68 ; 85 ; 170) \text{ lần lượt với } 0 ; 1 ; 2 ; 3 ; \dots$$

$$\text{Ta có } \text{BC}(68 ; 85 ; 170) = \{0 ; 340 ; 680 ; 1020 ; 1360 ; 1700 ; 2040 ; \dots\}$$

Các bội chung nhỏ hơn 2000 của 68 ; 85 và 170 là 0 ; 340 ; 680 ; 1020 ; 1360 và 1700.

C. BÀI TẬP

1. Không tính giá trị của biểu thức, hãy xét xem các tổng sau có chia hết cho 7 không ?

$$A = 14 + 35 + 63 ; \quad B = 21 + 42 + 50 ; \quad C = 17 + 31 + 57.$$

2. Khi chia số a cho 18 ta được số dư là 6. Hỏi :

a) Số a có chia hết cho 6 không ? b) Số a có chia hết cho 9 không ?

3. Không tính giá trị của biểu thức, hãy xét xem các hiệu sau có chia hết cho 9 không ?

$$\text{A} = 423 - 198 ; \quad \text{B} = 620 - 594 ; \quad \text{C} = 134 - 98.$$

4. Dùng cả ba chữ số 8, 0, 5 để ghép thành các số tự nhiên có ba chữ số chia hết cho 5. Số các số như trên có thể lập được là :

$$(A) 1 ; \quad (B) 2 ; \quad (C) 3 ; \quad (D) 4.$$

Hãy chọn phương án đúng.

5. Trong các khẳng định sau, khẳng định nào đúng, khẳng định nào sai ?

(A) Số chia hết cho 3 thì chia hết cho 9 ;

(B) Số chia hết cho 9 thì chia hết cho 3 ;

(C) Số chia hết cho 5 thì tận cùng bằng 5 ;

(D) Số tận cùng bằng 0 thì chia hết cho 2.

6. Số 13 là số nguyên tố có tính chất : nếu đổi chỗ hai chữ số của nó thì ta lại được một số nguyên tố, đó là số 31. Trong các số nguyên tố nhỏ hơn 100, những số nào cũng có tính chất như số 13 ?



7. Để $\overline{7x}$ là hợp số, chữ số x là :
 (A) 1 ; (B) 3 ; (C) 7 ; (D) 9 .
 Hãy chọn phương án đúng.
8. Tổng của hai số nguyên tố có thể bằng 4025 được không ?
9. Tìm số tự nhiên x , biết rằng 403 chia cho x thì dư 12, còn 217 chia cho x thì dư 13.
10. Người ta đếm trứng trong một rổ. Nếu đếm theo từng chục cũng như đếm theo tá (12 quả) hoặc đếm từng 15 quả một thì lần nào cũng còn lại 1 quả. Tính số trứng trong rổ, biết rằng số trứng chưa đến 100.

NGŨ VĂN

A. VĂN BẢN

Từ hôm đó, bác Tai, cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay không làm gì nữa. Một ngày, hai ngày, rồi ba ngày, cả bọn thấy mệt mỏi, rã rời. Cậu Chân, cậu Tay không còn muốn cất mình lên để chạy nhảy, vui đùa như trước nữa ; cô Mắt thì ngày cũng như đêm lúc nào cũng lơ đãng, thấy hai mi nặng trĩu như buồn ngủ mà ngủ không được. Bác Tai trước kia hay đi nghe hò nghe hát, nghe tiếng gì cũng rõ, nay bỗng thấy lúc nào cũng ù ù như xay lúa ở trong. Cả bọn lờ đờ mệt mỏi như thế, cho đến ngày thứ bảy thì không thể chịu được nữa, đành họp nhau lại để bàn. Bác Tai nói với cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay :

– Chúng ta lầm rồi các cháu ạ. Chúng ta nếu không làm cho lão Miệng có cái ăn thì chúng ta sẽ bị tê liệt cả. Lão Miệng không đi làm, nhưng lão có công việc là nhai. Như vậy cũng là làm việc chứ không phải là ăn không ngồi rồi. Trước kia sống với nhau thân thiết như thế, nay tự dưng chúng ta gây nên chuyện. Lão Miệng có ăn thì chúng ta mới khoẻ khoắn được. Chúng ta nên đến nói lại với lão, các cháu có đi không ?

(Trích *Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng*)

B. BÀI TẬP

I. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Chân, Tay, Tai, Mắt trở nên như thế nào sau khi "đình công" ?
- | | |
|-------------------------|--------------------|
| A. Bực dọc, bất bình | B. Lờ đờ, mệt mỏi |
| C. Khoan khoái, dễ chịu | D. Ăn năn, hối lỗi |



2. Theo lời bác Tai, lão Miệng không phải là ăn không ngồi rồi, lão cũng có công việc của lão là nhai. Chính công việc có vẻ như chỉ "hường thụ" đó của lão đã mang lại sự khoẻ khoắn cho tất cả mọi người. Đúng hay sai ?

A. Đúng

B. Sai

3. Bài học rút ra qua truyện ngụ ngôn trên là gì ?

A. Mọi người đều phải cần cù, chăm chỉ lao động.

B. Muốn hiểu biết sự vật thì phải xem xét một cách toàn diện.

C. Tự lo cho mình, không ỷ lại vào người khác.

D. Phải biết hợp tác và tôn trọng công sức của nhau.

4. Ý nào sau đây **không** đúng khi nói về truyện ngụ ngôn ?

A. Truyện ngụ ngôn có thể được viết bằng văn vần hoặc văn xuôi.

B. Truyện ngụ ngôn chỉ đơn thuần kể chuyện về loài vật, đồ vật...

C. Thông qua câu chuyện về loài vật, đồ vật hay chính bản thân con người, truyện ngụ ngôn ngụ ý về con người.

D. Đằng sau mỗi câu chuyện ngụ ngôn đều có một bài học đạo đức.

5. Mối quan hệ giữa Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng gợi cho em suy nghĩ gì về mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng ?

6. Kể tên một số truyện ngụ ngôn em đã học hoặc đã đọc. Nêu bài học đạo đức rút ra từ những truyện ngụ ngôn đó.

7. Tìm một số câu tục ngữ khuyên răn con người nên đoàn kết, hợp tác với nhau trong cuộc sống.

II. TIẾNG VIỆT

1. Tại sao ở câu chuyện trên, các danh từ *chân, tay, tai, mắt, miệng* lại được viết hoa ?

2. Cụm từ "*bỗng thấy lúc nào cũng ù ù như xay lúa ở trong*" thuộc loại nào sau đây ?

A. Cụm danh từ

B. Cụm động từ

C. Cụm tính từ

D. Cả A, B và C đều sai

3. Thế nào là "*ăn không ngồi rồi*" ? Tìm những câu thành ngữ có nội dung tương tự với câu thành ngữ trên.

♦ Đọc đoạn văn sau và trả lời các câu hỏi 4, 5, 6, 7 bên dưới.

Con Bé lại leo lên ngọn dừa. Nó đứng hẳn lên một bẹ lá, dòm ra xa. Gió và nắng trên cao đã làm mắt nó long lanh ướt. Nó lắng nghe những âm thanh dội



lại từ phía trước mặt. Tiếng bom nổ tiếng rít của máy bay phản lực tiếng dò máy chạy ngoài sông tiếng trời chuyển kéo dài... tất cả đều dậy lên rồi chìm đi ngay trong khoảng không bao la của buổi ban trưa. Nó đang chờ những tiếng nổ rõ hơn. Đó là những tiếng súng trường thường mở đầu cho một trận đánh, nghe chắc như tiếng chày nện đất, rất quen thuộc của chị em. Ồ, những tiếng ấy sao mãi chưa nổi lên.

(Theo Nguyễn Thi, *Mẹ vắng nhà*)

4. Những từ in đậm thuộc từ loại nào ?

A. Danh từ

B. Động từ

C. Tính từ

D. Chỉ từ

5. Trong đoạn văn trên có một câu văn bị bỏ đi một số dấu phẩy. Hãy tìm và đặt dấu phẩy cho câu văn đó.

6. Gạch chân và nêu chức năng ngữ pháp của những chỉ từ tìm được trong các câu văn sau :

Đó là những tiếng súng trường thường mở đầu cho một trận đánh, nghe chắc như tiếng chày nện đất, rất quen thuộc của chị em. Ồ, những tiếng ấy sao mãi chưa nổi lên.

7. Tìm và phân tích cấu tạo của các cụm danh từ, động từ, tính từ trong đoạn văn trên theo bảng mô hình :

Phần trước	Phần trung tâm	Phần sau
M : <i>những</i>	<i>tiếng</i>	<i>ấy</i>

8. Cho câu văn sau :

Thuyền chúng tôi chèo thoát qua kênh Bọ Mắt, đổ ra con sông Cửa Lớn, xuôi về Năm Căn. (Đoàn Giỏi, Đất rừng phương Nam)

a) Tìm những động từ chỉ hoạt động của con thuyền có trong câu văn trên.

b) Nhận xét về trật tự của các động từ đó.

III. TẬP LÀM VĂN

1. Kể lại một truyện ngụ ngôn mà em đã được học (đọc).

2. Chúng ta học được rất nhiều bài học từ "trường học cuộc sống". Hãy kể lại một bài học mà em đã học được từ ngôi trường cuộc sống đó.



TIẾNG ANH

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

- Present progressive tense
- Adjectives
- Adverbs of time
- Present simple tense (Review)
- Prepositions
- Indefinite articles: a/an (Review)
- Must/ must not
- Can/ can't

1. Present progressive tense. (Thì hiện tại tiếp diễn)

Cách dùng:

- Diễn tả một hành động hay một sự việc xảy ra lúc nói.
Please don't talk loudly. The baby *is sleeping*.
Sorry. He can't answer the phone. He *is having* a bath now.
- Diễn tả một hành động hoặc một sự việc xảy ra quanh thời điểm hiện tại.
A: What *are you doing* at the moment?
B: Oh, I'm *revising* all the old lessons.
He often goes to work by motorbike. Today it *is raining* heavily so he *is going* to work by bus.
- Diễn tả một hành động sẽ xảy ra trong một tương lai gần.
What *are you doing* tomorrow?
I *am going* to the zoo with my close friend.

Ghi nhớ:

- Các động từ sau đây không được dùng ở thì hiện tại tiếp diễn:
love, like, prefer, dislike, hate, want, wish, please, satisfy, surprise, guess, doubt, imagine, know, mean, realize, understand, believe, remember, belong, depend, fit, seem, v.v ...
I *love* this country. (Không dùng: I am loving this country.)
I *need* a bicycle. (Không dùng: I am needing a bicycle.)



- Các động từ sau đây dùng được ở hai hình thức: hiện tại và hiện tại tiếp diễn nhưng nghĩa khác nhau.

I see what you mean. (Tôi hiểu ý anh muốn gì.)

I am seeing him tomorrow. (Mai tôi sẽ gặp anh ấy.)

We think you are right. (Chúng tôi nghĩ rằng anh đúng.)

What are you thinking about? (Cậu đang nghĩ gì thế?)

The food smells delicious. (Thức ăn có mùi thơm quá.)

Why is she smelling the fish? (Tại sao cô ấy lại ngửi cá?)

I feel we shouldn't go there. (Tôi cảm thấy chúng ta không nên đi đến đây.)

I am feeling better today. (Hôm nay tôi cảm thấy khá hơn.)

2. Adjectives (Tính từ)

- Tính từ bổ nghĩa cho danh từ và đi trước danh từ, có chức năng định ngữ.

She is a nice girl.

This is a long river.

- Tính từ có chức năng bổ ngữ đi sau một động từ như: *be, become, seem, look, sound, feel, get, appear, stay, taste, smell.*

She looks tired. (Cô ấy trông có vẻ mệt mỏi.)

It's getting cold. (Trời trở lạnh.)

- Hầu hết các tính từ có thể vừa có chức năng định ngữ và bổ ngữ.

She is a beautiful girl. và *The girl is beautiful.*

It is a large garden. và *The garden is large.*

3. Adverbs (Trạng từ)

- Trạng từ bổ nghĩa cho động từ.

She dances beautifully.

He runs fast.

- Trạng từ tận cùng bằng *-ly* thường được dùng để diễn tả sự việc xảy ra như thế nào.

My sister does her homework carefully.

She speaks English fluently.

Trật tự của trạng từ

- Trạng từ thường đi trước các động từ thường.

He often gets up at 5 o'clock in the morning.

She rarely eats fish.



- Trạng từ thường đi sau các động *to be* và các động từ đặc biệt.
She is *always* on time.
He can *never* get up early in the morning.
- Trạng từ được đặt ở cuối câu khi diễn tả ý như thế nào, ở đâu và khi nào.
He played the guitar *very well*.
He works *in the lab on Sundays*.
- Trạng từ không được đặt ở giữa động từ và tân ngữ của nó.
He speaks Chinese *very quickly*.
Can you do your exercises *now*?

4. Prepositions of position (Giới từ chỉ nơi chốn)

a) In:

+ Được dùng để nói một người hoặc một vật ở trong một chỗ nào hoặc nơi nào đó.
in the kitchen/ bathroom/ garden/ pub/ town/ city/ country/ cinema/ restaurant/ book/ lesson/ picture/ newspaper/ pocket/ bottle/ sky/ row/ world

Today is the Mother's Day so my father is cooking *in the kitchen* now.

There are a lot of flowers *in my garden*.

I like the food *in this restaurant*. It's really delicious.

+ Được dùng với một số danh từ không có mạo từ để cho biết ai đang ở một địa điểm nào đó.

in bed/ in hospital/ prison

He had an accident. He is *in hospital* now.

Don't stay *in bed*. Get up and play football with me.

b) On:

+ Được dùng cho bề mặt của một vật, một nơi chốn:

on the wall/ floor/ ceiling/ table/ chair/ map/ ground/ pavement/ farm/ road/ platform

There is a very nice picture *on the wall*.

He lives *on the third floor* of that building.

I like sitting *on this chair*. It's very comfortable.

+ Được dùng để tạo thành một cụm giới từ chỉ nơi chốn.

on the right/ left/ back of something

In my country, people drive *on the right* of the street.

She writes her name *on the back* of the book.



+ Dùng cho đường phố

I live *on Tran Hung Dao Street*.

He met his teacher *on Regant Road*.

+ Dùng cho các phương tiện giao thông đi lại.

on a bus/ train/ ship/ plane/ bicycle/ motorbike

I met him *on the last bus* yesterday.

Minh passed me *on his new bicycle*.

c) At:

+ Được dùng cho một vị trí, một địa điểm:

at school/ home/ college/ university/ work

at the traffic lights/ the station/ the door/ the window/ the office/ the bus stop/ the meeting/ the party/ the concert/ the airport/ the seaside/

My mother is not *at work* today. She is *at home*.

Where is Mr. Nam? – Oh, he is *at the meeting* now.

I live *at 144 Pham Van Dong Street*.

+ Được dùng để tạo thành một cụm giới từ chỉ nơi chốn.

at the corner of the room/ at the back of the queue/ at the bottom of the page/ at the end of the road/ at the top of the tower.

I found this pen *at the corner of the room*.

Her house is *at the end of the street*.

d) Ngoài các giới từ *IN, ON, AT*, chúng ta còn có những giới từ chỉ nơi chốn sau:

near (gần): There is a river *near* my house.

above (phía trên): The ceiling is *above* us.

opposite (đối diện): His house is *opposite* a bookstore.

next to (bên cạnh): A tall handsome man sat *next to* me on the plane to Hue.

over (ở trên): Long Bien Bridge is *over* the Red River.

under (ở dưới): Look. The cat is *under* the bed.

inside (phía trong): Go *inside* the garden, you will see a very big tree.

outside (phía ngoài): I am not inside the house. I am *outside* it now.

between (ở giữa): My house is *between* the drugstore and the restaurant.

among (trong đám): She is standing *among* the boys.

**B. BÀI TẬP MINH HOẠ****I. Choose the best option A, B, C or D to complete the sentence.**

1. My school _____ four floors.
A. have B. has C. is having D. to have
2. My classroom is _____ the third floor.
A. at B. to C. of D. on
3. What time _____ she get up every day?
A. are B. is C. does D. do
4. _____ classes do you have on Tuesday?
A. Which B. What C. Who D. When
5. There is a hotel _____ my house.
A. on B. near C. in D. of
6. There are many trees and flowers _____ the National Park.
A. on B. at C. in D. of
7. _____ of the house, there is a big yard.
A. Before B. At front C. Front D. In front
8. Where did you meet him last Sunday? - I met him _____ a train.
A. with B. on C. by D. in
9. What is she _____ now?
A. do B. does C. to do D. doing
10. _____ they playing soccer?
A. Are B. Is C. Do D. Does
11. The roads are very crowded. You _____ go fast.
A. must B. can C. must not D. cannot
12. _____ the left of my house, there is a lake.
A. On B. At C. To D. In
13. There is _____ flower garden in front of her house.
A. a B. an C. any D. Ø
14. Is there a river near your house? - Yes, _____.
A. there are B. there is C. it is D. they are
15. _____ is behind your house? - The garden is.
A. Where B. Who C. What D. How



II. Put the verbs in brackets in the right tense form. (Present simple or present progressive tense.)

1. My sister (do) _____ her homework in her study room now. She (do) _____ it every day.
2. Ms. Hoa often (teach) _____ us English, but this morning Mr. Quang (teach) _____ us.
3. You can use my bike. I (use) _____ it every day but today I (not use) _____ it.
4. Quang and Thanh (play) _____ football now. They often (play) _____ it after school.
5. My grandfather (live) _____ with my aunt now. He usually (live) _____ with her at weekends.

III. Make up the question for the underlined words in each sentence.

1. My mother is cooking in the kitchen now.

_____.

2. My grandparents live in the country.

_____.

3. Mr. Hung goes to work by car every day.

_____.

4. There are eighteen classrooms in my school.

_____.

5. My sister is six years old.

_____.

IV. Fill in each blank with a suitable word.

My house is (1) _____ a big town, (2) _____ Tran Hung Dao Street. Opposite my house, there is a bookstore. (3) _____ the right of my house, there is a toystore. (4) _____ to the toystore, there is a supermarket. In the neighbourhood, (5) _____ is a drugstore, a restaurant and a post-office. The post-office is (6) _____ the drugstore and the restaurant. In (7) _____ of the restaurant, there is a hotel. To the left of my house, it is (8) _____ intersection. It is (9) _____ dangerous place. You (10) _____ be careful when crossing the road.



C. GÓC ĐỒ VUI

1. Put the meaning of each road sign under the right picture.

1. No right turn

2. Traffic lights

3. Parking area

4. No stopping

5. No left turn

6. No entry

7. Men at work

8. Children

9. No cycling



2. 007 is a spy. Read the secret message and help him find the codes by replacing the picture with the suitable word.

JAMES BOND



007



Go by  Train and  _____ foot.

There is a message on the  _____ at the station. Then go to the

 _____ by  _____. Go by  _____,
_____  and  _____.

Tom is waiting for you.

Where is Tom waiting? (Look at the first letter of each word)

Tom is waiting __ the ____.

BÀI 3

TOÁN

SỐ NGUYÊN

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Tập hợp gồm các số nguyên âm, số 0 và các số nguyên dương gọi là tập hợp các số nguyên, kí hiệu là $\mathbb{Z}$.

$$\mathbb{Z} = \{ \dots ; -3 ; -2 ; -1 ; 0 ; 1 ; 2 ; 3 ; \dots \}.$$

2. Khoảng cách từ điểm a đến điểm 0 trên trục số là giá trị tuyệt đối của số nguyên a, kí hiệu là $|a|$.

Nếu $a = 0$ thì $|a| = 0$. Nếu $a > 0$ thì $|a| = a$. Nếu $a < 0$ thì $|a| = -a$.



3. Trong hai số nguyên âm, số nào có giá trị tuyệt đối (GTTĐ) nhỏ hơn thì số đó lớn hơn.

4. Cộng hai số nguyên.

a) Nếu một trong hai số bằng 0 thì tổng bằng số còn lại.

b) Muốn cộng hai số nguyên cùng dấu, ta cộng hai GTTĐ với nhau, còn dấu là dấu chung.

c) Hai số nguyên đối nhau có tổng bằng 0.

d) Muốn cộng hai số nguyên khác dấu không đối nhau, ta lấy GTTĐ lớn trừ GTTĐ nhỏ, rồi đặt trước kết quả tìm được dấu của số có GTTĐ lớn.

Tính chất của phép cộng các số nguyên :

Giao hoán : $a + b = b + a$;

Kết hợp : $(a + b) + c = a + (b + c)$;

Cộng với số 0 : $a + 0 = 0 + a = a$;

Cộng với số đối : $a + (-a) = 0$.

5. Trừ hai số nguyên

Muốn trừ số nguyên a cho số nguyên b, ta cộng a với số đối của b.

$$a - b = a + (-b)$$

6. Quy tắc dấu ngoặc

Khi bỏ dấu ngoặc có dấu "-" đằng trước, ta phải đổi dấu tất cả các số hạng trong dấu ngoặc.

Trong một tổng đại số, ta có thể :

– Thay đổi tùy ý vị trí các số hạng kèm theo dấu của chúng.

– Đặt dấu ngoặc để nhóm các số hạng một cách tùy ý theo quy tắc dấu ngoặc nêu ở trên.

7. Quy tắc chuyển vế

Khi chuyển một số hạng từ vế này sang vế kia của một đẳng thức, ta phải đổi dấu số hạng đó.

8. Nhân hai số nguyên

a) Nếu một trong hai thừa số bằng 0 thì tích bằng 0.

b) Muốn nhân hai số nguyên cùng dấu, ta nhân hai GTTĐ của chúng.

c) Muốn nhân hai số nguyên khác dấu, ta nhân hai GTTĐ của chúng, rồi đặt dấu "-" trước kết quả.

Tính chất của phép nhân các số nguyên :

Giao hoán : $a \cdot b = b \cdot a$.

Kết hợp : $(a \cdot b) \cdot c = a \cdot (b \cdot c)$.

Nhân với số 1 : $a \cdot 1 = 1 \cdot a = a$.

Phân phối của phép nhân đối với phép cộng : $a \cdot (b + c) = ab + ac$.



- Khi nhân nhiều thừa số khác 0, cần nhớ quy tắc về dấu
- Nếu số thừa số âm chẵn thì tích là số dương.
- Nếu số thừa số âm lẻ thì tích là số âm.

9. Bội và ước của một số nguyên.

$a : b \Leftrightarrow a = b \cdot k \Leftrightarrow a$ là bội của $b \Leftrightarrow b$ là ước của a
 ($a, b, k \in \mathbb{Z}, b \neq 0$).

Các tính chất chia hết cần nhớ :

$a : b$ và $b : c \Rightarrow a : c$
 $a : b \Rightarrow a \cdot m : b (m \in \mathbb{Z})$
 $a : c$ và $b : c \Rightarrow (a + b) : c$
 $a : c$ và $b \nmid c \Rightarrow (a + b) \nmid c$.

B. MỘT SỐ VÍ DỤ

Ví dụ 1. Điền dấu "+" hoặc dấu "-" vào chỗ trống (...) để được kết quả đúng :

- a) $0 > \dots 3$; b) $0 < \dots 7$; c) $\dots 6 > \dots 7$; d) $\dots 12 < \dots 5$.

Giải.

- a) $0 > -3$; b) $0 < +7$;
 c) $+6 > -7$; hoặc $-6 > -7$;
 d) $-12 < +5$ hoặc $-12 < -5$.

Ví dụ 2. Điền dấu "+" hoặc dấu "-" vào chỗ trống (...) để được kết quả đúng :

- a) $(\dots 20) + (\dots 3) = (\dots 23)$;
 b) $(\dots 20) + (\dots 3) = (\dots 17)$.

Giải.

- a) *Cách 1* : $(+20) + (+3) = (+23)$; *Cách 2* : $(-20) + (-3) = (-23)$.
 b) *Cách 1* : $(+20) + (-3) = (+17)$; *Cách 2* : $(-20) + (+3) = (-17)$.

Ví dụ 3. Vận dụng tính chất giao hoán và kết hợp để tính các tổng sau :

$$A = 89 + (-36) + (-8) + 29 + 15 + (-34)$$

$$B = 407 + (-689) + (-207) + 489.$$



Giải.

$$\begin{aligned}A &= 89 + (-36) + (-8) + 29 + 15 + (-34) \\&= (89 + 29 + 15) + [(-36) + (-34) + (-8)] \\&= 133 + (-78) \\&= 55.\end{aligned}$$

$$\begin{aligned}B &= 407 + (-689) + (-207) + 489. \\&= [407 + (-207)] + [(-689) + 489] \\&= 200 + (-200) \\&= 0.\end{aligned}$$

Ví dụ 4. Một thủ quỹ ghi số tiền thu chi trong ngày (đơn vị nghìn đồng), thu ứng với dấu "+", chi ứng với dấu "-" như sau : + 215 ; - 530 ; + 650 ; - 100 ; - 85 ; + 400. Đầu ngày trong kết có 750 nghìn đồng. Hỏi cuối ngày trong kết có bao nhiêu ?

Giải. Tổng số tiền thu, chi trong ngày là :

$$\begin{aligned}(&+ 215) + (- 530) + (+ 650) + (- 100) + (- 85) + (+ 400) \\&= (215 + 650 + 400) + [(- 530 + (- 100) + (- 85))] \\&= 1265 + (- 715) \\&= 550.\end{aligned}$$

Cuối ngày số tiền có trong kết là : $750 + 550 = 1300$ (nghìn đồng).

Ví dụ 5. Tìm x, biết :

a) $17 - (2 + x) = 3$;

b) $(6 + x) - (17 - 23) = - 11$.

Giải

$$\begin{aligned}\text{a) } 17 - (2 + x) &= 3 \\17 - 2 - x &= 3 \\15 - x &= 3 \\15 - 3 &= x \\x &= 12.\end{aligned}$$

$$\begin{aligned}\text{b) } (6 + x) - (17 - 23) &= - 11 \\6 + x - 17 + 23 &= - 11 \\x + 12 &= - 11 \\x &= - 11 - 12 \\x &= - 23.\end{aligned}$$

Ví dụ 6. Không thực hiện phép tính, hãy tìm các cặp biểu thức có giá trị bằng nhau :

A = $93 - (278 - 369)$;

B = $93 - 278 - 369$;

C = $93 - 369 + 278$;

D = $93 - (278 + 369)$;

E = $93 + 369 - 278$.



Giải.

$$A = 93 - (278 - 369) = 93 - 278 + 369 = 93 + 369 - 278 = E.$$

$$B = 93 - 278 - 369 = 93 - (278 + 369) = D.$$

Ví dụ 7. Tìm số nguyên x , biết rằng : a) $|x - 2| = 4$; b) $|x - 2| < 3$.

Giải.

a) $|x - 2| = 4$ suy ra $x - 2 = 4$ hoặc $x - 2 = -4$

Nếu $x - 2 = 4$ thì $x = 4 + 2 = 6$.

Nếu $x - 2 = -4$ thì $x = -4 + 2 = -2$.

Vậy $x = 6$ hoặc $x = -2$.

b) $|x - 2| < 3$ mà với $x \in \mathbb{Z}$ thì $|x - 2| \in \mathbb{N}$, suy ra $|x - 2| \in \{0; 1; 2\}$.

Nếu $|x - 2| = 0$ thì $x - 2 = 0$ suy ra $x = 2$.

Nếu $|x - 2| = 1$ thì $x - 2 = 1$ hoặc $x - 2 = -1$ suy ra $x = 3$ hoặc $x = 1$.

Nếu $|x - 2| = 2$ thì $x - 2 = 2$ hoặc $x - 2 = -2$ suy ra $x = 4$ hoặc $x = 0$.

Vậy $x \in \{0; 1; 2; 3; 4\}$.

Ví dụ 8. So sánh A và B , biết rằng :

$$A = (-120) \cdot 7 \cdot 13 \cdot (-15) \cdot (-21) \cdot 630 ; \quad B = 519 \cdot (-14) \cdot 6 \cdot (-12) \cdot 3.$$

Giải. Trong tích A có 3 thừa số âm nên $A < 0$ (1).

Trong tích B có 2 thừa số âm nên $B > 0$ (2).

Từ (1) và (2) suy ra $A < B$.

Ví dụ 9. Tìm số nguyên x , biết rằng $x - 1$ là ước của 6.

Giải. Ta có $U(6) = \{\pm 1; \pm 2; \pm 3; \pm 6\}$.

Do đó $x - 1 \in \{-6; -3; -2; -1; 1; 2; 3; 6\}$.

Suy ra $x \in \{-5; -2; -1; 0; 2; 3; 4; 7\}$.

Ví dụ 10. Tìm các số nguyên x và y sao cho $(x - 1)(y + 2) = 5$.

Giải. Ta có $x - 1$ và $y + 2$ là các số nguyên và là ước của 5.

$U(5) = \{\pm 1; \pm 5\}$. Ta có bảng sau :

$x - 1$	1	-1	5	-5
$y + 2$	5	-5	1	-1



Suy ra

x	2	0	6	-4
y	3	-7	-1	-3

C. BÀI TẬP

1. Điền Đ (đúng) hoặc S (sai) vào ô vuông trong mỗi câu sau đây :

- a) Nếu $a \in \mathbb{N}$ thì $a \in \mathbb{Z}$ ☐ ; b) Nếu $a \in \mathbb{N}$ thì $a \in \mathbb{N}^*$ ☐ ;
 c) Nếu $a \in \mathbb{Z}$ thì $a \in \mathbb{N}$ ☐ ; d) Nếu $a \notin \mathbb{Z}$ thì $a \notin \mathbb{N}$ ☐.

2. Điền số thích hợp vào chỗ trống (...) trong mỗi câu sau đây :

- a) Số liền sau của số -5 là ... ; b) Số liền trước của số -2 là ... ;
 c) Giá trị tuyệt đối của số -7 là ... ; d) Số đối của 0 là ...

3. Tính giá trị của các biểu thức :

- a) $|-6| + |+6|$; b) $|-5| - |-2|$;
 c) $|-7| \cdot |-4|$; d) $|-15| : |+3|$.

4. Tìm số nguyên a biết $a + |a| = 4$.

5. Tìm tổng các số nguyên x thỏa mãn $-10 < x < 12$.

6. Đặt dấu ngoặc một cách thích hợp để tính nhanh các tổng đại số sau :

$$A = 879 - 1876 + 1865 - 2879 ;$$

$$B = 6 - 7 - 8 + 9 - 10 + 11 + 12 - 13 + 14 - 15 - 16 + 17 - 18.$$

7. Tìm số nguyên x sao cho $x \cdot (x + 3) < 0$.

8. Trên mặt đồng hồ có 12 số từ 1 đến 12. Em hãy đặt dấu "+", dấu "-" trước các số để tổng đại số của các số ấy bằng 0.

9. *Đố vui* : Chứng minh $5 = 7$!

Lấy hai số dương tùy ý a, b sao cho $2a = 3b$. (1)

Từ (1) suy ra $10a = 15b$ và $14a = 21b$.

Trừ hai đẳng thức này theo từng vế tương ứng ta được :

$$14a - 10a = 21b - 15b. \quad (2)$$

Chuyển vế từ (2) ta được :

$$15b - 10a = 21b - 14a. \quad (3)$$



Đặt thừa số chung ở mỗi vế của (3) :

$$5(3b - 2a) = 7(3b - 2a). \quad (4)$$

Chia hai vế của (4) cho $(3b - 2a)$ ta được $5 = 7$ (!).

Em hãy giải thích tại sao lại có kết quả vô lí này !

10. Đố vui : Chứng minh : *Mọi số đều bằng nhau.*

Giả sử $a > b$ thế thì $a - b = c$ ($c > 0$) hay $a = b + c$ (1).

Nhân hai vế của (1) với $(a - b)$ ta được :

$$a(a - b) = (a - b)(b + c)$$

$$a^2 - ab = ab + ac - b^2 - bc$$

$$a^2 - ab - ac = ab - b^2 - bc$$

$$a(a - b - c) = b(a - b - c). \quad (2)$$

Chia hai vế của đẳng thức (2) cho $(a - b - c)$ ta được $a = b$ (!).

Đố em tìm được chỗ sai trong chứng minh trên.

NGŨ VĂN

A. VĂN BẢN

Càng đổ dần về hướng mũi Cà Mau thì sông ngòi, kênh rạch càng bủa giăng chi chít như mạng nhện. Trên thì trời xanh, dưới thì nước xanh, chung quanh mình cũng chỉ toàn một sắc xanh cây lá. Tiếng rì rào bất tận của những khu rừng xanh bốn mùa, cùng tiếng sóng rì rào từ biển Đông và vịnh Thái Lan ngày đêm không ngớt vọng về trong hơi gió muối – thứ âm thanh đơn điệu triền miên ấy ru ngủ thính giác, càng làm mòn mỏi và đuối dần đi tác dụng phân biệt của thị giác con người trước cái quang cảnh chỉ lặng lẽ một màu xanh đơn điệu.

[...] Dòng sông Năm Căn mênh mông, nước ầm ầm đổ ra biển ngày đêm như thác, cá nước bơi hàng đàn đen trũi nhô lên hụp xuống như người bơi ếch giữa những đầu sóng trắng. Thuyền xuôi giữa dòng con sông rộng hơn ngàn thước, trông hai bên bờ, rừng đước dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận.



Cây đước mọc dài theo bãi, theo từng lứa trái rụng, ngọn bằng tăm tắp, lớp này chồng lên lớp kia ôm lấy dòng sông, đắp từng bậc màu xanh lá mạ, màu xanh rêu, màu xanh chai lọ,... loà nhoà ẩn hiện trong sương mù và khói sóng ban mai.

(Đoàn Giỏi, *Đất rừng phương Nam*)

B. BÀI TẬP

I. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

- Đoạn văn trên sử dụng phương thức biểu đạt chính nào ?
 - Tự sự
 - Miêu tả
 - Biểu cảm
 - Thuyết minh
- Nội dung chính của đoạn văn trên là gì ?
 - Miêu tả màu xanh bất tận của Cà Mau
 - Miêu tả dòng sông Năm Căn
 - Miêu tả cảnh rừng đước
 - Cái nhìn bao quát cảnh sông nước Cà Mau và dòng sông Năm Căn
- Để miêu tả nổi bật đặc điểm của các sự vật, tác giả dùng biện pháp nghệ thuật chính nào ?
 - Ẩn dụ
 - Nhân hoá
 - So sánh
 - Hoán dụ
- Ấn tượng ban đầu, bao trùm về sông nước Cà Mau là gì ?
 - Sông ngòi, kênh rạch bủa giăng chi chít.
 - Những âm thanh rì rào không ngớt.
 - Rộng lớn, hùng vĩ.
 - Màu xanh choáng ngợp, rộng lớn như phủ lên toàn cảnh bức tranh sông nước và cây lá Cà Mau.
- Những chi tiết nào thể hiện sự rộng lớn, hùng vĩ của dòng sông và rừng đước ?
 - Nước âm âm đổ ra biển ngày đêm như thác, cá bơi hàng đàn đen trũi.
 - Rừng đước dựng lên cao ngất như hai dãy trường thành vô tận.
 - Đước mọc dài theo bãi, lớp này chồng lên lớp kia ôm lấy dòng sông.
 - Cả A, B và C.
- Nhận xét cách miêu tả màu sắc của tác giả trong đoạn văn trên.



II. TIẾNG VIỆT

1. Tìm những cụm từ so sánh trong đoạn văn trên. Sự liên tưởng, so sánh của tác giả có gì đặc sắc ?

2. Nối các câu ở cột A với tên gọi phép tu từ thích hợp ở cột B.

A
(1) <i>Lúa đã chen vai đấm cẳng cả dầy.</i> (Trần Đăng)
(2) <i>Thuyền về có nhớ bến chăng Bến thì một dạ khăng khăng đợi thuyền</i> (Ca dao)
(3) <i>Trẻ em như búp trên cành</i> (Hồ Chí Minh)
(4) <i>Ngoài thềm rơi chiếc lá đa Tiếng rơi rất mỏng như là rơi nghiêng</i> (Trần Đăng Khoa)
(5) <i>Núi cao chi lắm núi ơi ! Núi che mặt trời chẳng thấy người thương</i> (Ca dao)
(6) <i>Kháng chiến ba ngàn ngày không nghỉ Bắp chân, đầu gối vẫn sẵn gân</i> (Tố Hữu)

B
a) Ẩn dụ
b) Hoán dụ
c) Nhân hoá (dùng từ vốn chỉ hoạt động của con người để chỉ hoạt động của vật)
d) So sánh
e) Nhân hoá (trò chuyện, xưng hô với vật như đối với người)

3. Điền các từ, cụm từ thích hợp vào chỗ trống để được các thành ngữ :

- Tối như ...
- Mong như ...
- Cãi nhau như ...
- Khoẻ như ...
- Nhanh như ...

4. Phát hiện và chữa lỗi sai trong các câu sau :

a) Qua bài thơ "Lượm" của Tố Hữu đã khắc hoạ thành công hình ảnh của một chú bé liên lạc hồn nhiên, yêu đời và dũng cảm.



- b) Hà Nội, một thành phố vì hoà bình.
- c) Em sinh ra và lớn lên ở một vùng quê đồng chiêm trũng.
- d) Cô bác ních là nhà triết học, khoa học thiên tài.
- e) Trong học kì vừa qua, em đã đạt danh hiệu học sinh giỏi và được nhà trường tặng bằng khen.

5. Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới :

À, trời vừa mưa xong. Ở những mặt sân đất, sỏi bong bóng. Trong các lỗ, giun ngấp nước **quần quai** tòi lên. Trong các bụi cây tối và ướt, từng đàn nhái và từng đàn châu chấu nhảy ra. Nhờ có trời mưa ngấp nước, con giun, con sâu **nhoi** lên, chúng ra kiếm ăn. Những con nhái cồm mình lấm tấm xanh. Những con nhái chỉ dòng dọc trắng chạy suốt lưng. Những ông nhái cụ, to và đen như con cóc, nhảy **oai vệ** và **chậm chạp**. Châu cũng đủ các hạng to nhỏ nhưng chúng lớn hơn nhái, da dẻ **bóng mỡ**, thân hình có cạnh, có góc rõ ràng. Đôi mắt lồi cườm **lơ láo**. Vòng chân xếp lại, nhảy **thoăn thoắt**, rất **nhẹ**. Chúng dớp kiến và giun nhanh quá. Cái mồm há ra **đỏ hây**, tép một cái lại ngậm. Tép, tép, tép. Chúng dớp **nhoay nhoáy**. Chúng kéo ra kiếm ăn.

(Theo Tô Hoài)

- a) Gạch chân dưới những phó từ tìm được trong đoạn văn.
- b) Nhận xét hiệu quả của việc lựa chọn và sử dụng những từ in đậm trong đoạn văn trên của tác giả.

6. Hãy cho biết phép nhân hoá trong câu văn sau được tạo nên bằng cách nào và nêu tác dụng của nó.

Cây được mọc dài theo bãi, theo từng lứa trái rụng, ngọn bằng tăm tắp, lớp này chồng lên lớp kia ôm lấy dòng sông, đắp từng bậc màu xanh lá mạ, màu xanh rêu, màu xanh chai lọ,... loài nhòà ẩn hiện trong sương mù và khói sóng ban mai.

(Đoàn Giỏi)

III. TẬP LÀM VĂN

1. Viết một đoạn văn (8 – 10 dòng) miêu tả một con vật mà em yêu thích.
2. Hãy viết bài văn miêu tả quang cảnh nơi em ở vào một buổi sáng đẹp trời.



TIẾNG ANH

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

- Present simple tense (continued)
- Present progressive tense (continued)
- Adjectives
- Quantifiers: *a, an, some, any*
- Adverbs of frequency
- Partitives: *a box of..., a can of ..., etc.*
- *want, need*

1. *Some* và *any*:

- Một cách tổng quát, chúng ta dùng *some* trong câu xác định (affirmative) và *any* trong câu phủ định (negative).

He is buying *some* new pens.

I have *some* interesting books.

They haven't got *any* children.

She doesn't do *any* housework. She is very lazy.

- Trong câu hỏi (question), chúng ta thường dùng *any*, không dùng *some*.

Has she got *any* English books?

Have you got *any* money?

- Chúng ta dùng *some* trong các câu hỏi khi chúng ta đề nghị hay yêu cầu điều gì.

Would you like *some* coffee?

Can I have *some* of those oranges?

2. *want* và *need*: cần, muốn cái gì hoặc làm gì

- *want something/to do something*
need something/to do something
I *want* to go home early.



He *wants* a cup of warm tea.

She *needs* to buy a new dictionary.

He *needs* some money.

- Chúng ta chỉ dùng *want* và *need* ở thời hiện tại (present tense) và thời quá khứ (past tense).

Did you *want* to meet him?

He *needed* the computer this morning.

B. BÀI TẬP MINH HOẠ

I. Choose the best option A, B, C or D to complete the sentence.

1. My brother is very _____. He is at least 175 cm.
A. high B. tall C. long D. height
2. The children _____ playing with their toys.
A. are B. be C. is D. to be
3. What time does Linh usually wake _____ in the morning?
A. up B. at C. of D. out
4. My sister has _____.
A. black hair long B. long black hair
C. black long hair D. hair black long
5. What color _____ her eyes?
A. does B. do C. is D. are
6. He is _____ but his father is short.
A. old B. short C. tall D. nice
7. My brother isn't weak. He is _____.
A. fat B. strong C. thin D. beautiful
8. I'm very _____. Is there anything to eat?
A. hunger B. hungry C. thirsty D. hot
9. We would like _____ water.
A. any B. many C. some D. a lot



10. Would you like something to _____? - Yes, a glass of water, please.
A. have B. drink C. eat D. smell
11. There aren't _____ tomatoes left in the kitchen.
A. no B. any C. some D. much
12. May I have _____ sugar, please?
A. a B. an C. one D. some
13. Minh usually _____ lunch at school.
A. does B. have C. has D. is having
14. I don't want much sugar in my tea. Just _____, please.
A. few B. little C. a little D. a few
15. It was very serious illness and Peter still feels very _____.
A. good B. well C. weak D. strong
16. If my tooth doesn't stop hurting, I'll go and see my _____.
A. teacher B. dentist C. writer D. baker
17. Could you pass me some salt? - Certainly. Here _____.
A. this is B. are you C. there is D. you are
18. Are you listening to the news _____ the radio?
A. at B. by C. in D. on
19. My friend is a _____.
A. gymnast B. gymnasts C. gymnastic D. gymnasium
20. My mother usually goes _____ a walk in the morning.
A. on B. to C. for D. in

II. Put the adjectives in the box into six groups: eyes, hair, face, lips, build, appearance.

blue	blond	oval	gray	short
fat	beautiful	long	young	old
tall	full	big	small	black
round	good-looking	thin	heavy	light



eyes	hair	face	lips	build	appearance

III. Put *a*, *an*, *some* or *any* in each space to complete the following sentences.

1. I like _____ milk with my breakfast.
2. I want to make _____ steak, but I don't have _____ beef.
3. We have _____ friends to come. Do we have _____ apples in the fridge?
4. Nga: Lan, do you have _____ coffee?
Lan: No, I'm sorry. I have some tea over there, but I don't have _____ coffee.
5. Are there _____ tomatoes and potatoes in the kitchen?
6. Is there _____ cheese at the canteen?
7. A: Can I help you?
B: Yes, I'd like _____ eggs, please.
A: How many do you want?
B: _____ dozen, please.
A: Here you are.
B: Thank you.
8. She is watering _____ flowers in the garden.
9. We have _____ rice and fish for lunch.
10. The Browns don't have _____ children. They'd like to have _____.



IV. Fill in the blanks with the given words and then answer the questions.

is some needs matter want

What's the (1) _____ with Lien? She (2) _____ feeling cold. She (3) _____ some hot water. Would she like (4) _____ noodles? No, she wouldn't. She is tired and she doesn't (5) _____ to eat anything.

Answer the question.

6. *What's the matter with Lien?*

_____.

7. *What does she need?*

_____.

8. *Would she like to eat noodles?*

_____.

9. *How is she?*

_____.

10. *Does she want to eat something?*

_____.

C. GÓC ĐỒ VUI

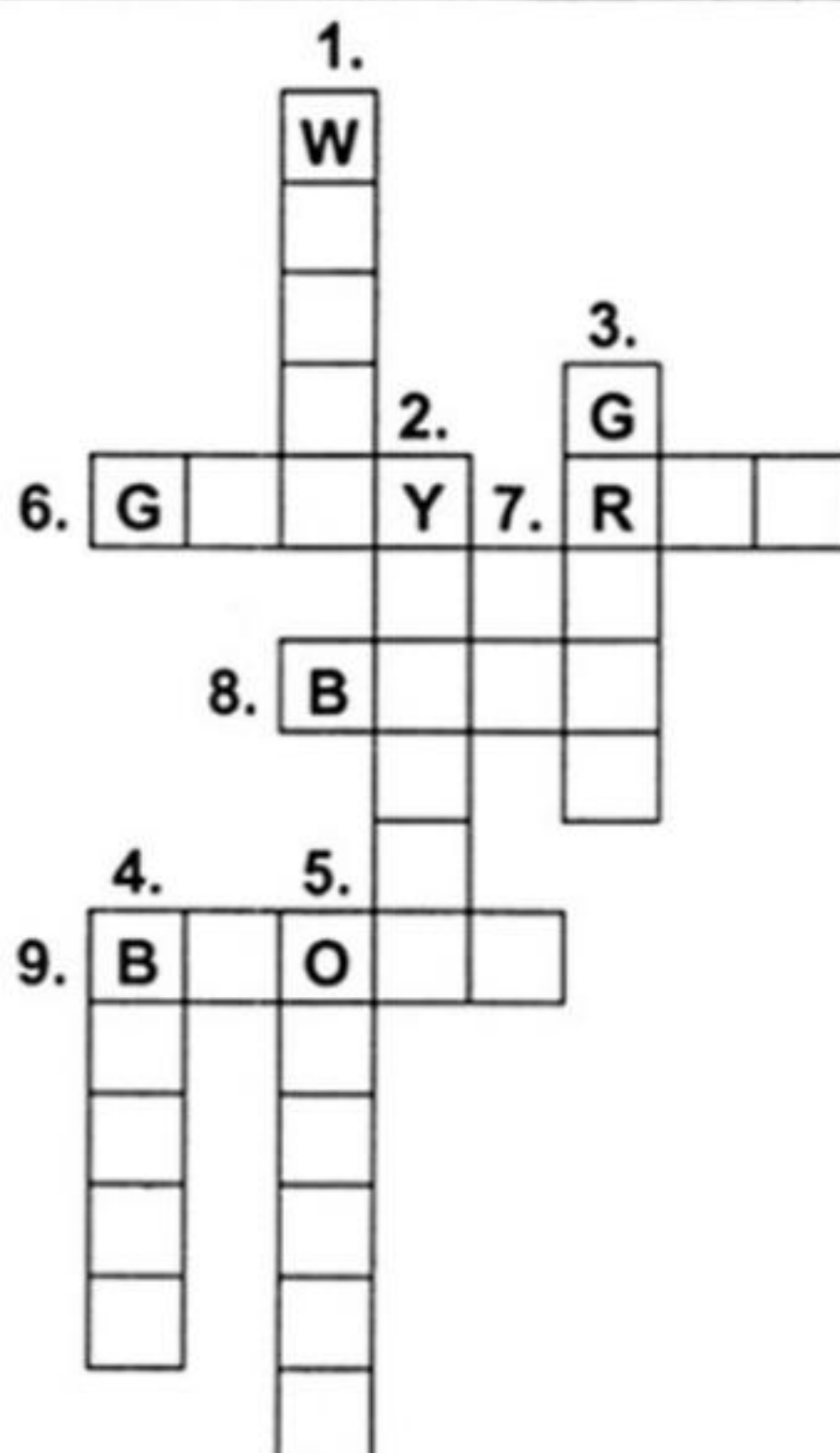
1. Find food and drink!

S	O	U	P	C	H	E	E	S	E	O
A	P	P	L	E	B	U	T	T	E	R
N	P	E	A	G	P	B	H	R	O	A
D	M	A	B	R	E	A	D	I	N	N
W	I	N	E	A	A	N	E	C	I	G
I	L	B	E	P	R	A	F	E	O	E
C	K	C	R	E	D	N	C	M	N	C
H	F	I	S	H	W	A	T	E	R	O
E	G	G	H	A	M	S	E	A	I	K
S	P	O	T	A	T	O	A	T	O	E



2. Put the colors in the box in the right columns.

yellow	grey	white	rose	green
blue	brown	orange	black	red



BÀI 4

TOÁN

CÁC PHÉP TÍNH VỀ PHÂN SỐ. ĐOẠN THẲNG

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

- Số có dạng $\frac{a}{b}$ với $a, b \in \mathbb{Z}$, $b \neq 0$ gọi là phân số.
- Hai phân số bằng nhau : $\frac{a}{b} = \frac{c}{d} \Leftrightarrow a \cdot d = b \cdot c$ ($b \neq 0, d \neq 0$).



- Tính chất cơ bản của phân số :

$$\frac{a}{b} = \frac{a \cdot m}{b \cdot m} \quad (m \in \mathbb{Z}, m \neq 0);$$

$$\frac{a}{b} = \frac{a : n}{b : n} \quad (n \in \text{ƯC}(a; b)).$$

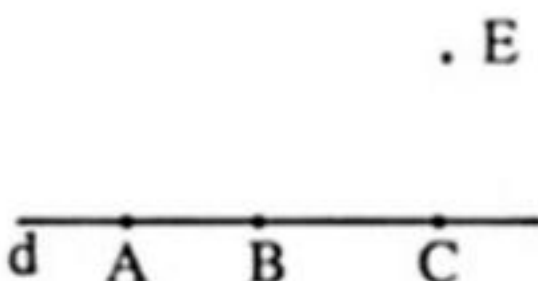
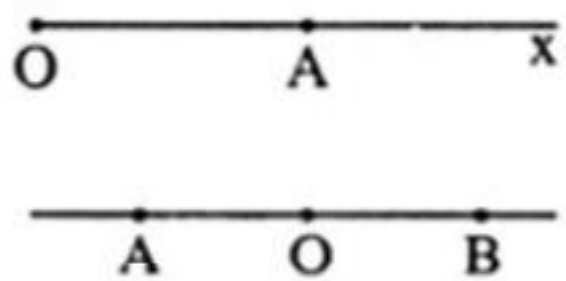
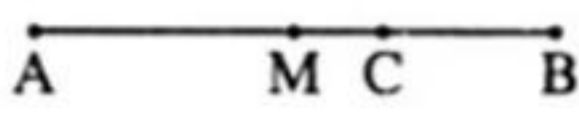
- Để rút gọn một phân số đến tối giản, ta chia cả tử và mẫu cho ƯCLN của chúng.
- Quy đồng mẫu nhiều phân số với mẫu dương :
 - Tìm BCNN của các mẫu ;
 - Tìm thừa số phụ của mỗi mẫu ;
 - Nhân tử và mẫu của mỗi phân số với thừa số phụ tương ứng.

- Các phép tính về phân số

$$\frac{a}{b} \pm \frac{c}{b} = \frac{a \pm c}{b}; \quad \frac{a}{b} + \frac{c}{d} = \frac{ad + bc}{bd}; \quad \frac{a}{b} - \frac{c}{d} = \frac{a}{b} + \left(-\frac{c}{d}\right);$$

$$\frac{a}{b} \cdot \frac{c}{d} = \frac{ac}{bd}; \quad \frac{a}{b} : \frac{c}{d} = \frac{a}{b} \cdot \frac{d}{c} = \frac{ad}{bc}.$$

- Hệ thống kiến thức về điểm, đường thẳng, tia, đoạn thẳng.

Khái niệm	Hình vẽ	Định nghĩa	Một số tính chất
Điểm Đường thẳng		Không định nghĩa	– $A \in d, B \in d, C \in d, E \notin d$ – A, B, C thẳng hàng – Có một và chỉ một đường thẳng đi qua hai điểm A và B.
Tia		Hình gồm điểm O và một phần đường thẳng bị chia ra bởi điểm O là một tia gốc O.	- Điểm O nằm giữa hai điểm A và B thì : – Hai tia OA và OB đối nhau ; – Hai tia AO và AB trùng nhau ; – Hai tia BO và BA trùng nhau.
Đoạn thẳng		Đoạn thẳng AB là hình gồm điểm A, điểm B và tất cả các điểm nằm giữa A và B.	– C nằm giữa A và B $\Leftrightarrow AC + CB = AB$. – M là trung điểm của AB $\Leftrightarrow \begin{cases} M \text{ nằm giữa } A \text{ và } B \\ MA = MB. \end{cases}$

**B. MỘT SỐ VÍ DỤ**

Ví dụ 1. Cho biểu thức $A = \frac{2}{n-1}$ ($n \in \mathbb{Z}$).

a) Số nguyên n phải có điều kiện gì để A là phân số ?

b) Tìm tất cả các giá trị nguyên của n để A là số nguyên.

Giải.

a) Ta có $1 \in \mathbb{Z}$, $n \in \mathbb{Z}$ nên $n - 1 \in \mathbb{Z}$. Để A là phân số cần có điều kiện $n - 1 \neq 0$ hay $n \neq 1$.

b) Để A là số nguyên ta phải có $n - 1$ là ước của 2.

$U(2) = \{-2; -1; 1; 2\}$. Ta có bảng sau :

$n - 1$	-2	-1	1	2
n	-1	0	2	3

Vậy $n \in \{-1; 0; 2; 3\}$.

Ví dụ 2. Lập các cặp phân số bằng nhau từ đẳng thức $3 \cdot 4 = 2 \cdot 6$.

Giải. Từ đẳng thức $3 \cdot 4 = 2 \cdot 6$ (1) ta có $\frac{3}{2} = \frac{6}{4}$.

Viết đẳng thức (1) thành $3 \cdot 4 = 6 \cdot 2$ ta có $\frac{3}{6} = \frac{2}{4}$.

Viết đẳng thức (1) thành $4 \cdot 3 = 2 \cdot 6$ ta có $\frac{4}{2} = \frac{6}{3}$.

Viết đẳng thức (1) thành $4 \cdot 3 = 6 \cdot 2$ ta có $\frac{4}{6} = \frac{2}{3}$.

Ví dụ 3. Cho $\frac{-4}{5} = \frac{-12}{x}$. Tìm số nguyên x theo hai cách.

Cách 1. Áp dụng tính chất cơ bản của phân số ;

Cách 2. Áp dụng định nghĩa phân số bằng nhau.

Giải.

Cách 1 : $\frac{-4}{5} = \frac{-4 \cdot 3}{5 \cdot 3} = \frac{-12}{15}$. Do đó ta có $\frac{-12}{15} = \frac{-12}{x}$ suy ra $x = 15$.

Cách 2 : Từ $\frac{-4}{5} = \frac{-12}{x}$ suy ra $-4 \cdot x = 5 \cdot (-12)$.



$$\text{Do đó } x = \frac{5 \cdot (-12)}{-4} = 15.$$

Ví dụ 4. Rút gọn các phân số sau :

$$\text{a) } \frac{44}{77}; \quad \text{b) } \frac{-40}{56}; \quad \text{c) } \frac{143}{-195}; \quad \text{d) } \frac{-2121}{3434}.$$

Giải.

$$\text{a) } \frac{44}{77} = \frac{44 : 11}{77 : 11} = \frac{4}{7};$$

$$\text{b) } \frac{-40}{56} = \frac{-40 : 8}{56 : 8} = \frac{-5}{7};$$

$$\text{c) } \frac{143}{-195} = \frac{143 : (-13)}{-195 : (-13)} = \frac{-11}{15};$$

$$\text{d) } \frac{-2121}{3434} = \frac{-2121 : 101}{3434 : 101} = \frac{-21}{34}.$$

Ví dụ 5. So sánh giá trị của hai biểu thức sau :

$$A = \frac{2}{3} + \frac{1}{3} : \left(-\frac{8}{25} \right);$$

$$B = \frac{5}{21} \cdot \frac{4}{11} + \frac{7}{11} \cdot \frac{5}{21} - \frac{2}{3}.$$

Giải.

$$A = \frac{2}{3} + \frac{1}{3} : \left(-\frac{8}{25} \right) = \frac{2}{3} + \frac{1}{3} \cdot \frac{-25}{8} = \frac{2}{3} + \frac{-25}{24} = \frac{16}{24} + \frac{-25}{24} = \frac{-3}{8}.$$

$$\begin{aligned} B &= \frac{5}{21} \cdot \frac{4}{11} + \frac{7}{11} \cdot \frac{5}{21} - \frac{2}{3} = \frac{5}{21} \cdot \left(\frac{4}{11} + \frac{7}{11} \right) - \frac{2}{3} \\ &= \frac{5}{21} \cdot 1 - \frac{2}{3} = \frac{5}{21} - \frac{14}{21} = \frac{5}{21} + \frac{-14}{21} = \frac{-9}{21} = \frac{-3}{7}. \end{aligned}$$

$$\text{Vì } \left| \frac{-3}{8} \right| = \frac{3}{8} < \frac{3}{7} = \left| \frac{-3}{7} \right| \text{ nên } \frac{-3}{8} > \frac{-3}{7}. \text{ Vậy } A > B.$$

Lưu ý : Khi tính giá trị của biểu thức, cần chú ý thứ tự thực hiện các phép tính và áp dụng tính chất các phép tính.

Khi so sánh hai số âm cần nhớ : số nào có giá trị tuyệt đối nhỏ hơn thì số đó lớn hơn.

Ví dụ 6. Tính :

$$\text{a) } 3,5 + 4\frac{1}{3}; \quad \text{b) } 8\frac{2}{3} - 6,25; \quad \text{c) } 5 - 4\frac{1}{7}; \quad \text{d) } 11\frac{2}{7} \cdot 2; \quad \text{e) } 9\frac{3}{11} : 3.$$

Giải.

$$\text{a) } 3,5 + 4\frac{1}{3} = 3\frac{1}{2} + 4\frac{1}{3} = (3 + 4) + \left(\frac{1}{2} + \frac{1}{3} \right) = 7 + \frac{5}{6} = 7\frac{5}{6}.$$



$$b) 8\frac{2}{3} - 6,25 = 8\frac{2}{3} - 6\frac{1}{4} = (8 - 6) + \left(\frac{2}{3} - \frac{1}{4}\right) = 2 + \frac{5}{12} = 2\frac{5}{12}.$$

$$c) \text{Cách 1 : } 5 - 4\frac{1}{7} = 5 - \frac{29}{7} = \frac{35}{7} - \frac{29}{7} = \frac{6}{7}.$$

$$\text{Cách 2 : } 5 - 4\frac{1}{7} = 4\frac{7}{7} - 4\frac{1}{7} = (4 - 4) + \left(\frac{7}{7} - \frac{1}{7}\right) = \frac{6}{7}.$$

$$d) \text{Cách 1 : } 11\frac{2}{7} \cdot 2 = \frac{79}{7} \cdot 2 = \frac{158}{7} = 22\frac{4}{7};$$

$$\text{Cách 2 : } 11\frac{2}{7} \cdot 2 = \left(11 + \frac{2}{7}\right) \cdot 2 = 22 + \frac{4}{7} = 22\frac{4}{7}.$$

$$e) \text{Cách 1 : } 9\frac{3}{11} : 3 = \frac{102}{11} \cdot \frac{1}{3} = \frac{34}{11} = 3\frac{1}{11}.$$

$$\text{Cách 2 : } 9\frac{3}{11} : 3 = \left(9 + \frac{3}{11}\right) : 3 = 3 + \frac{1}{11} = 3\frac{1}{11}.$$

Ví dụ 7. Cho hình 2 :

a) Dùng các kí hiệu $\in$, $\notin$ để viết các điểm nằm trên đường thẳng a, các điểm không nằm trên đường thẳng a.

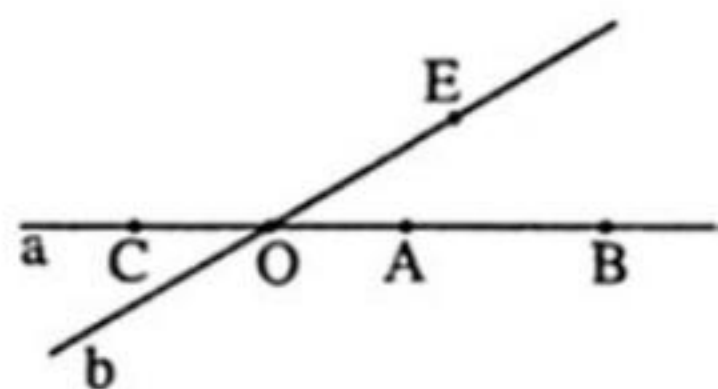
b) Điểm O nằm giữa hai điểm nào ? Điểm A nằm giữa hai điểm nào ?

c) Tìm các điểm nằm cùng phía đối với O.

d) Tìm các điểm nằm khác phía đối với A.

e) Kể tên các tia gốc O đối nhau, không đối nhau.

g) Kể tên các tia gốc A trùng nhau.



Hình 2

Giải.

a) $A \in a$, $B \in a$, $C \in a$, $O \in a$, $E \notin a$.

b) Điểm O nằm giữa C và A, điểm O còn nằm giữa C và B.

Điểm A nằm giữa C và B, điểm A còn nằm giữa O và B.

c) Các điểm A và B nằm cùng phía đối với O.

d) C và B nằm khác phía đối với A ; O và B nằm khác phía đối với A.

e) Các tia gốc O đối nhau là OC và OA, OC và OB.

Các tia gốc O không đối nhau là OE và OC, OE và OA, OE và OB.

g) Các tia gốc A trùng nhau là AO và AC.



Ví dụ 8. Cho bốn điểm M, N, P, Q trong đó ba điểm M, N, P thẳng hàng, ba điểm N, P, Q thẳng hàng. Hỏi bốn điểm M, N, P, Q có thẳng hàng không ? Vì sao ?

Giải. (h. 3)

Cách 1. Ba điểm M, N, P thẳng hàng nên chúng cùng nằm trên một đường thẳng d.



Hình 3

Ba điểm N, P, Q thẳng hàng nên chúng cùng nằm trên một đường thẳng d'.

Hai đường thẳng d và d' có hai điểm chung là N và P nên chúng phải trùng nhau. Suy ra bốn điểm M, N, P, Q thẳng hàng.

Cách 2. Ba điểm M, N, P thẳng hàng nên M thuộc đường thẳng NP (1).

Ba điểm N, P, Q thẳng hàng nên Q thuộc đường thẳng NP (2).

Từ (1) và (2) suy ra M, Q cùng thuộc đường thẳng NP nghĩa là bốn điểm M, N, P, Q thẳng hàng.

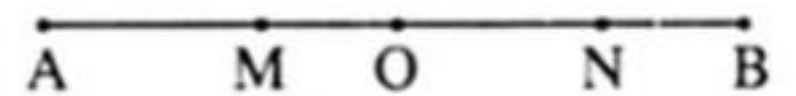
Ví dụ 9. Cho điểm O nằm giữa hai điểm A và B ; điểm M nằm giữa hai điểm A và O ; điểm N nằm giữa hai điểm B và O.

a) Nêu tên các tia trùng nhau gốc O.

b) Chứng tỏ rằng điểm O nằm giữa hai điểm M và N.

Giải. (h. 4)

a) Điểm M nằm giữa hai điểm A và O nên hai tia OM và OA trùng nhau (1). Điểm N nằm giữa hai điểm B và O nên hai tia ON và OB trùng nhau (2).

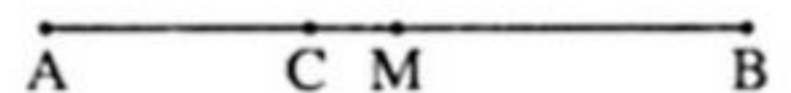


Hình 4

b) Điểm O nằm giữa hai điểm A và B nên hai tia OA và OB đối nhau (3).

Từ (1), (2) và (3) suy ra hai tia OM và ON đối nhau, do đó điểm O nằm giữa hai điểm M và N.

Ví dụ 10. Cho đoạn thẳng AB và trung điểm M của nó. Lấy điểm C nằm giữa hai điểm A và M. Chứng tỏ rằng $CB = CA + 2CM$.



Hình 5

Giải. (h.5) M là trung điểm của AB nên M nằm giữa A và B. Suy ra hai tia MA và MB đối nhau (1).

C nằm giữa A và M nên hai tia MA và MC trùng nhau (2). Từ (1) và (2) suy ra hai tia MC và MB đối nhau. Do đó M nằm giữa C và B. Ta có $CM + MB = CB$ (3).

C nằm giữa A và M nên $CM + CA = AM$ (4).

Cộng theo từng vế (3) và (4) ta được $2CM + CA + MB = CB + AM$ (5).

M là trung điểm của AB nên $MB = AM$ (6).

Từ (5) và (6) suy ra $CB = CA + 2CM$.

**C. BÀI TẬP**

1. Hãy tìm một phân số có tử số nhỏ hơn mẫu số, nhưng khi quay 180° theo chiều kim đồng hồ hoặc ngược lại, ta được một phân số mới vẫn bằng phân số cũ.
2. Hãy biểu diễn số 100 bằng 10 chữ số khác nhau (cùng với các phép tính).
3. Hãy tìm các cặp phân số có tính chất : hiệu của hai phân số cũng bằng hiệu các bình phương của hai phân số ấy.

Ví dụ : Cặp phân số $\frac{2}{3}$ và $\frac{1}{3}$ có $\frac{2}{3} - \frac{1}{3} = \frac{1}{3}$ và $\left(\frac{2}{3}\right)^2 - \left(\frac{1}{3}\right)^2 = \frac{4}{9} - \frac{1}{9} = \frac{3}{9} = \frac{1}{3}$.

4. *Đố vui* : Thầy giáo ghi lên bảng bốn số 3 ; 6 ; 9 ; 12 và tổ chức cho cả lớp chơi trò chơi "Tính trung bình cộng của 3 số" như sau : Lần lượt từng bạn lên viết 4 số mà mỗi số là trung bình cộng của 3 trong 4 số vừa được viết trên bảng.

Bạn đầu tiên viết các số 9 ; 8 ; 7 ; 6.

Bạn thứ hai viết các số 7 ; $\frac{22}{3}$; $\frac{23}{3}$; 8.

Ai cũng tính rất giỏi và được thầy khen đúng.

Đến lượt bạn Tuấn vừa ghi xong 4 số $\frac{17}{9}$; $\frac{13}{9}$; 10 ; $\frac{47}{3}$ thì "bị" thầy nói ngay là sai.

Đố em biết có cách nào kiểm tra nhanh kết quả.

5. Vì sao chỉ cần đánh lưới hai lần là có thể ước đoán trong ao có bao nhiêu cá ?

Để ước lượng trong một ao nuôi cá có bao nhiêu cá, em có thể làm như sau :

Trước hết, em dùng một cái lưới có cỡ mắt nhất định rồi quăng xuống ao. Một lát sau kéo lưới lên, giả sử lần đầu đánh được 30 con, em hãy đánh dấu từng con một rồi thả tất cả xuống ao. Lại đánh lần thứ hai, giả sử đánh được 40 con và trong số đó có hai con có đánh dấu. Lúc ấy chỉ cần tính toán đơn giản, em cũng có thể biết được trong ao có khoảng bao nhiêu con cá.

Em có biết vì sao không ?

6. Kết quả của phép nhân $5 \cdot \frac{1}{3}$ là :

(A) $\frac{1}{15}$; (B) $\frac{5}{3}$; (C) $\frac{5}{15}$; (D) $\frac{16}{3}$.

Hãy chọn phương án đúng.



7. Giá trị của biểu thức $\frac{1}{3} + \frac{2}{3} \cdot \frac{-9}{20}$ là :

- (A) $\frac{-9}{20}$; (B) $\frac{-17}{63}$; (C) $\frac{1}{30}$; (D) $\frac{-2}{13}$.

Hãy chọn phương án đúng.

8. Tính giá trị của mỗi biểu thức sau :

$$A = \frac{1}{7} \cdot 2,5 : (0,125 : \frac{3}{8}) ; \quad B = \left(\frac{1}{4,5 - 1} - \frac{1}{7,5 - 2} \right) : \frac{40}{77}.$$

9. Hãy tìm cách trồng 9 cây thành 8 hàng, mỗi hàng 3 cây và vẽ hình để thể hiện điều đó.

10. Vẽ hai tia chung gốc và không đối nhau Ox, Oy. Trên tia Ox lấy hai điểm A và B (điểm A nằm giữa O và B). Trên tia Oy lấy hai điểm M và N sao cho OM = OA, ON = OB.

a) Chứng tỏ rằng điểm M nằm giữa O và N.

b) So sánh AB với MN.

c) Lấy C là một điểm nằm giữa O và B (C không trùng A). Biết OC = AB, hãy so sánh OA với BC.

NGŨ VĂN

A. VĂN BẢN

1. Những động tác thả sào, rút sào rập ràng nhanh như cắt. Thuyền cố lặn lên. Dượng Hương Thư như một pho tượng đồng đúc, các bắp thịt cuồn cuộn, hai hàm răng cắn chặt, quai hàm bạnh ra, cặp mắt nảy lửa ghì trên ngọn sào giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ. Dượng Hương Thư đang vượt thác khác hẳn dượng Hương Thư ở nhà, nói năng nhỏ nhẹ, tính nết nhu mì, ai gọi cũng vâng vâng dạ dạ.

(Võ Quảng, trích *Quê nội*)

2. *Con sẽ như giọt nắng
trước hiên bà mùa đông.*



*Giọt nắng tìm kim
giọt nắng quét nhà
giọt nắng sún răng lò cò quanh cửa
giọt nắng i eo theo bà đi chợ
lẽ mề khiêng cả chiếc bánh đa tròn.*

(Theo Tuyết Nga, trích *Nói với con về bà ngoại*)

B. BÀI TẬP

I. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Văn bản 1 được viết theo phương thức nào ?

- | | |
|------------|----------------|
| A. Miêu tả | B. Biểu cảm |
| C. Tự sự | D. Thuyết minh |

2. Nhân vật dựng Hương Thư được khắc hoạ ở những phương diện nào ?

- | | |
|--------------|---------------|
| A. Hoạt động | B. Ngoại hình |
| C. Lời nói | D. Cả A và B |

3. Tác giả đã sử dụng biện pháp và thủ pháp nghệ thuật nào khi miêu tả dựng Hương Thư ?

- | | |
|------------|--------------|
| A. So sánh | B. Ẩn dụ |
| C. Đối lập | D. Cả A và C |

4. Qua phép so sánh không ngang bằng và thủ pháp đối lập ở câu văn sau, tác giả muốn khẳng định điều gì ?

Dựng Hương Thư đang vượt thác khác hẳn dựng Hương Thư ở nhà, nói năng nhỏ nhẹ, tính nết nhu mì, ai gọi cũng vâng vâng dạ dạ.

5. Vì sao ở văn bản 2, người mẹ lại dùng hình ảnh "giọt nắng" để gọi đứa con thân yêu ?

- | |
|---|
| A. Em bé rất ngộ nghĩnh : <i>sún răng, lò cò quanh cửa, lẽ mề khiêng bánh đa...</i> |
| B. Em bé rất đáng yêu : <i>tìm kim, quét nhà cho bà.</i> |
| C. Em bé ngây thơ, hồn nhiên và hay nhõng nhẽo : <i>i eo theo bà đi chợ.</i> |
| D. Cả A, B và C. |



6. Người mẹ nói với đứa con thân yêu bằng giọng điệu như thế nào ?

- A. Giọng nhẹ nhàng, ấm áp
- B. Giọng âu yếm, trìu mến
- C. Giọng tràn ngập hạnh phúc, yêu thương
- D. Cả A, B và C

7. Phân tích tình cảm của người mẹ dành cho đứa con trong đoạn thơ trên.

II. TIẾNG VIỆT

1. Câu thơ sau sử dụng phép tu từ nào ? Hãy phân tích tác dụng của phép tu từ đó.

Giọt nắng tìm kim

giọt nắng quét nhà

2. Phân tích giá trị của phép so sánh sau : dương Hương Thư "giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ".

3. Dòng nào sau đây **không** phải là một cụm danh từ ?

- A. *dậm đà hương vị thiên nhiên*
- B. *cái màu xanh cần lao ấy*
- C. *một đường trăng lung linh dát vàng*
- D. *báu vật của biển khơi*

4. Gạch chân vị ngữ của các câu văn sau và cho biết chúng được cấu tạo như thế nào.

– *Hiền tài là nguyên khí của quốc gia.* (Thân Nhân Trung)

– *Trong nhà nhỏ mấy ông cụ già khăn áo chỉnh tề.* (Ngô Tất Tố)

– *Cá chim hai vây xoè. Cá mòi vẩy trắng li ti như bạc mới. Cá gúng rìa trê dài vênh lên.* (Nguyễn Thị Cẩm Thanh)

– *Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc.* (Hồ Chí Minh)

5. Viết thêm chủ ngữ, vị ngữ để hình thành câu trần thuật đơn :

- a) *Từ xa nhìn lại, cây bàng.....*
- b) *Mùa xuân,rít rít gọi nhau bay về.*
- c) *Trên thảm lúa xanh, những cánh cò.....*
- d) *Những dãy nhà cao tầng*



III. TẬP LÀM VĂN

1. Hãy tả một người thân mà em yêu quý.
2. Làm một đoạn thơ hoặc một bài thơ bốn chữ theo nội dung, vần và nhịp tự chọn.

TIẾNG ANH

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

- Present simple tense (Review)
- Present progressive tense (Review)
- Adjectives, Adverbs of frequency (Review)
- The use of *a, an, some, any* (Review)
- How much, How many, How often

1. Câu hỏi với **How much, How many, How often** :

a) "**How much**" (bao nhiêu)

- "How much" được dùng để đặt câu hỏi với danh từ không đếm được.
 - *How much sugar is there in the box? (Trong hộp có bao nhiêu đường?)*
 - *How much water is there in the bottle? (Trong chai có bao nhiêu nước?)*
- "How much" được dùng để đặt câu hỏi về giá cả
 - *How much is this picture? (Bức tranh này giá bao nhiêu?)*
 - *It's 200 USD. (Giá 200 đô la Mỹ).*

b) **How many** (bao nhiêu)

- "How many" được dùng để đặt câu hỏi với danh từ đếm được ở số nhiều.
 - How many pens do you have? (Bạn có bao nhiêu cái bút?)*
 - How many notebooks does she have? (Cô ấy có bao nhiêu quyển vở?)*

c) "**How often**" (bao lâu):

- Dùng để đặt câu hỏi về mức độ thường xuyên làm một việc gì đó.
- Để trả lời cho câu hỏi này, ta thường dùng các trạng từ chỉ tần suất như: *usually* (thường xuyên), *often* (thường), *occasionally* (thỉnh thoảng), *rarely* (ít khi), *never* (không bao giờ), *always* (luôn luôn)... và đặt sau chủ ngữ.



- *How often* do you go to English club?
(*Bạn thường đến câu lạc bộ tiếng Anh không?*)
- I go to English club *twice a week*. (*Tôi đến câu lạc bộ tiếng Anh 2 buổi một tuần.*)
- *How often* does she go to her grandparents' house?
(*Cô ấy có thường đến nhà ông bà không?*)
- She *usually* goes to their house. (*Cô ấy thường xuyên đến nhà ông bà.*)

2. Câu hỏi miêu tả: "What ... like?" (như thế nào)

- "What ... like" dùng để miêu tả người hoặc vật

What +	$\left\{ \begin{array}{c} \text{is} \\ \text{are} \end{array} \right\}$	+ S + like?
--------	---	-------------

- What is the weather like? (*Thời tiết như thế nào?*)
- It's sunny. (*Trời nắng.*)
- What are these cities like? (*Các thành phố đó như thế nào?*)
- They are very big and exciting. (*Các thành phố đó rất lớn và sôi động.*)

3. Đại từ "It"

- "It" không chỉ là đại từ nhân xưng mà còn là đại từ vô nhân xưng thường được dùng để chỉ các hiện tượng tự nhiên như thời tiết, thời gian hay khoảng cách.
- *It's* sunny. (*Trời nắng.*)
- *It is* 10 a.m now. (*Bây giờ là mười giờ sáng.*)
- *It's* 5 kilometres from my house to Peter's house.
(*Từ nhà tôi đến nhà của Peter là 5 km.*)

B. BÀI TẬP MINH HOẠ

I. Choose the best option A, B, C or D to complete the sentence.

1. Mary wants _____ cooking oil. There isn't any at home.
A. a box of B. a dozen C. a bottle of D. a bottle
2. I would like to buy a _____ of chocolates.
A. can B. bar C. tube D. bottle
3. We would like _____ iced tea.
A. a B. some C. any D. those
4. Remember to buy five _____ of bread when you go to the supermarket.
A. bottles B. bars C. cans D. loaves



5. Lan wants to buy _____ eggs.
A. a kilo B. a dozen C. a dozen of D. a can of
6. My mother wants to buy _____ beef.
A. a half kilo of B. a half kilo C. half a kilo of D. half a kilo
7. How _____ sugar does your sister need?
A. any B. much C. many D. some
8. Peter bought me a _____ of lemon juice.
A. can B. tube C. glass D. box
9. Cheese, butter and cream are _____.
A. drinks B. vegetables C. meat D. dairy products
10. There is _____ fruit juice in the fridge.
A. some B. any C. a D. an
11. Lan doesn't like fish. She _____ eats fish with meals.
A. always B. never C. often D. usually
12. Ba _____ goes to the zoo. He goes about three times a year.
A. sometimes B. always C. never D. often
13. Jack and Tim _____ to the movies once a week.
A. go B. goes C. are going D. to go
14. How often are you late _____ school?
A. at B. for C. to D. on
15. They _____ go camping because they don't have a tent.
A. always B. usually C. often D. never
16. Is the table _____? - No, it's small.
A. tall B. short C. big D. small
17. We _____ to Thong Nhat Park. Do you want to join us?
A. go B. going C. are going D. are go
18. An and Huong _____ to the movie theatre now.
A. are walking B. walks C. walk D. is walking
19. I _____ to school every morning.
A. rides B. am riding C. is riding D. ride
20. They _____ walk to school and they are _____ late.
A. usually/ very B. sometimes/ x C. never/ always D. always/ never



II. Fill in the blanks with *How much*, *How many* or *How often*.

1. _____ oranges do you want?
2. _____ do they go fishing?
3. _____ students are there in your team?
4. _____ cheese does your sister want to buy?
5. _____ do the children play soccer?
6. _____ beef does he need?
7. _____ sugar do they need for a big cake?
8. _____ does she listen to music a week?
9. _____ money do you ask your mother for?
10. _____ does your father go jogging?

III. Choose the best answer A, B, C or D to complete the passage.

Lam likes jogging very much. Every morning he often (1) _____ with his father. When it is warm, Lam goes (2) _____ in a small river with his brother. Lam travels a lot. (3) _____ summer, he (4) _____ going to visit Da Lat with his family. He is going to stay in a small guesthouse (5) _____ two weeks and then come back home.

- | | | | |
|----------------|------------|------------|------------|
| 1. A. jog | B. jogging | C. jogs | D. jogged |
| 2. A. shopping | B. dancing | C. jogging | D. fishing |
| 3. A. Those | B. This | C. That | D. These |
| 4. A. are | B. am | C. will | D. is |
| 5. A. for | B. into | C. on | D. at |

IV. Use *always*, *usually*, *often*, *sometimes*, *never* to write sentences to tell friends about your habits.



C. GÓC ĐỒ VUI

1. Months and seasons search

A	B	P	X	G	N	I	R	P	S	T	I	O	R
F	F	R	D	O	F	T	E	V	E	R	G	K	E
E	J	E	I	A	O	C	W	D	N	E	M	T	B
R	Z	B	G	G	U	C	O	Q	U	B	H	L	M
J	G	M	Y	Q	L	G	T	K	J	M	K	P	E
W	L	E	H	R	G	X	U	O	R	E	F	L	T
I	R	V	Q	C	A	C	H	S	B	C	L	X	P
N	E	O	Y	N	R	U	H	I	T	E	Z	Z	E
T	M	N	R	F	Y	A	R	J	L	D	R	V	S
E	M	F	A	L	F	R	M	B	G	T	L	D	Z
R	U	L	U	R	N	C	U	G	E	M	H	S	O
A	S	J	N	U	L	L	L	A	F	F	O	O	I
Y	I	K	A	J	R	P	A	T	Z	K	T	P	U
A	I	S	J	I	O	M	A	Y	A	P	R	I	L

Circle and then put the words you find in the correct column.

Spring	Summer	Autumn	Winter



2. Game of Hidden English Words : Vegetables

Each sentence below has a vegetable hidden in it. Find it out!

1. There is a silver teapot at our aunt's home.
2. Aunt Hilda has kept a bowl of macaroni on the dining table.
3. Stacy is a very ambitious journalist.
4. The boy with the air pump kindly agreed to inflate the tires.
5. We dug our dry farm to sow the seeds.
6. The car rotated due to the impact of the accident.
7. You will now be answering a set of multiple-choice questions.
8. Is it possible to find a wasp in a chestnut tree?
9. There is an egg planted firmly on the juggler's hat.
10. The performing troupe aspired to be the best of all.



BÀI 5

TOÁN

BA BÀI TOÁN CƠ BẢN VỀ PHÂN SỐ. GÓC

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

1. Ba bài toán cơ bản về phân số :

a) Tìm $\frac{m}{n}$ của số b cho trước : $x = b \cdot \frac{m}{n}$ ($m, n \in \mathbb{N}, n \neq 0$).

b) Tìm một số biết $\frac{m}{n}$ của nó bằng a : $x = a : \frac{m}{n}$ ($m, n \in \mathbb{N}^*$).

c) Tìm tỉ số của hai số a và b : $a : b$ hay $\frac{a}{b}$.

2. Ba bài toán cơ bản về tỉ số phần trăm :

a) Tìm $p\%$ của số a : $x = a \cdot \frac{p}{100} = \frac{a \cdot p}{100}$;

b) Tìm một số biết $p\%$ của nó là a : $x = a : \frac{p}{100} = \frac{a \cdot 100}{p}$;

c) Tìm tỉ số phần trăm của hai số a và b : $\frac{a}{b} = \frac{a \cdot 100}{b} \%$.

3. Ba bài toán cơ bản về tỉ lệ xích :

Gọi tỉ lệ xích là T , khoảng cách giữa hai điểm trên bản vẽ là a , khoảng cách giữa hai điểm tương ứng trên thực tế là b thì ta có ba bài toán cơ bản sau :

a) Tìm T biết a và b : $T = \frac{a}{b}$;

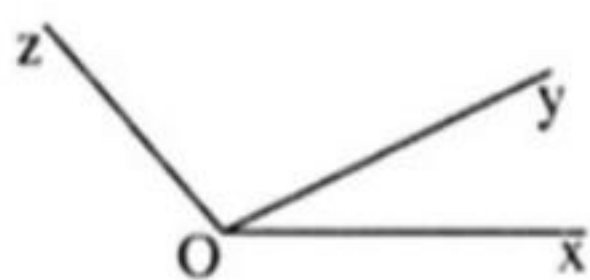
b) Tìm a biết T và b : $a = b \cdot T$;

c) Tìm b biết T và a : $b = \frac{a}{T}$.

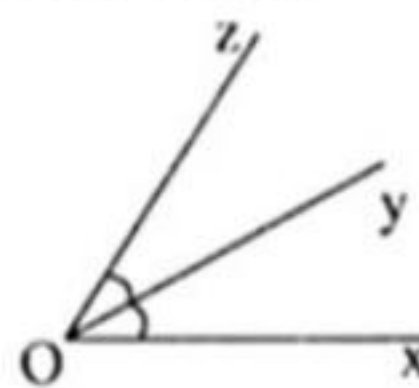
Chú ý : a và b phải cùng đơn vị đo.

4. Góc

- Góc là hình gồm hai tia chung gốc.
- Mỗi góc có một số đo. Số đo của mỗi góc không vượt quá 180° .
- Tia Oy nằm giữa hai tia $Ox, Oz \Leftrightarrow \widehat{xOy} + \widehat{yOz} = \widehat{xOz}$ (h.6).



a)



b)

Hình 6

$$\begin{aligned} \text{Oy là tia phân giác của } \widehat{xOz} &\Leftrightarrow \begin{cases} \text{Oy nằm giữa Ox, Oz} \\ \widehat{xOy} = \widehat{yOz} \end{cases} \\ &\Leftrightarrow \begin{cases} \text{Oy nằm giữa Ox, Oz} \\ \widehat{xOy} = \frac{1}{2} \widehat{xOz} \end{cases} \\ &\Leftrightarrow \widehat{xOy} = \widehat{yOz} = \frac{1}{2} \widehat{xOz}. \end{aligned}$$



B. MỘT SỐ VÍ DỤ

Ví dụ 1. Một lớp học có 40 học sinh trong đó $\frac{2}{5}$ là học sinh nữ. Hỏi lớp đó có bao nhiêu học sinh nam ?

Giải.

Cách 1. Số học sinh nữ là : $40 \cdot \frac{2}{5} = 16$ (học sinh).

Số học sinh nam là : $40 - 16 = 24$ (học sinh).

Cách 2. Số học sinh nam chiếm : $1 - \frac{2}{5} = \frac{3}{5}$ (số học sinh cả lớp).

Số học sinh nam là : $40 \cdot \frac{3}{5} = 24$ (học sinh).

Ví dụ 2. Mẹ bạn Minh gửi tiết kiệm 10 triệu đồng tại một ngân hàng theo thể thức "có kì hạn 6 tháng" với lãi suất 12% một năm. Hỏi hết thời hạn 6 tháng mẹ bạn Minh được lấy ra cả vốn lẫn lãi bao nhiêu tiền ?

Giải. Số tiền lãi trong 6 tháng là : $10\,000\,000 \cdot 12\% : 2 = 600\,000$ (đồng).

Số tiền cả vốn lẫn lãi trong 6 tháng :

$$10\,000\,000 + 600\,000 = 10\,600\,000 \text{ (đồng).}$$

Ví dụ 3. Trong đậu đen nấu chín, tỉ lệ đạm chiếm 24%. Tính số kilôgam đậu đen phải nấu chín để có 6kg chất đạm.

Giải. Số kilôgam đậu đen phải nấu chín để có 6kg chất đạm là : $6 : 24\% = 25$ (kg).

Ví dụ 4. Khối 6 của một trường có $\frac{1}{9}$ số học sinh đạt học lực giỏi, $\frac{1}{6}$ số học sinh đạt học lực khá, $\frac{2}{3}$ số học sinh xếp loại học lực trung bình, còn lại là xếp loại học lực yếu. Biết rằng tổng số học sinh khá và giỏi là 50 học sinh. Tính số học sinh xếp loại học lực yếu.

Giải. Tổng số học sinh đạt học lực khá và giỏi bằng :

$$\frac{1}{9} + \frac{1}{6} = \frac{5}{18} \text{ (số học sinh cả khối hay 50 học sinh).}$$

Số học sinh khối 6 là : $50 : \frac{5}{18} = 180$ (học sinh).

Số học sinh xếp loại học lực yếu là :

$$1 - \left(\frac{1}{9} + \frac{1}{6} + \frac{2}{3} \right) = \frac{1}{18} \text{ (số học sinh cả khối).}$$



Vậy số học sinh xếp loại học lực yếu là :

$$180 \cdot \frac{1}{18} = 10 \text{ (học sinh).}$$

Chú ý. Sau khi tìm được số học sinh khối 6 là 180, có thể tính số học sinh xếp loại trung bình là :

$$180 \cdot \frac{2}{3} = 120 \text{ (học sinh).}$$

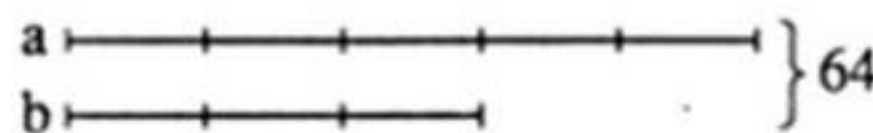
Số học sinh xếp loại yếu là :

$$180 - (50 + 120) = 10 \text{ (học sinh).}$$

Ví dụ 5. Tỉ số của hai số a và b là $1\frac{2}{3}$. Tìm hai số đó biết rằng tổng của chúng bằng 64.

Giải. Ta có $1\frac{2}{3} = \frac{5}{3}$.

Cách 1. Theo đề bài thì $a : b = 5 : 3$. Ta có sơ đồ :



Theo sơ đồ trên ta tính được :

$$a = \frac{64}{5+3} \cdot 5 = 40; \quad b = \frac{64}{5+3} \cdot 3 = 24.$$

Cách 2. $\frac{a}{b} = \frac{5}{3}$ nên $a = \frac{5}{3}b$. Do đó

$$a + b = \frac{5}{3}b + b = \left(\frac{5}{3} + 1\right) \cdot b = \frac{8}{3}b.$$

Nhưng $a + b = 64$ nên $\frac{8}{3}b = 64$ suy ra

$$b = 64 : \frac{8}{3} = 64 \cdot \frac{3}{8} = 24.$$

$$a = 64 - b = 64 - 24 = 40.$$

Ví dụ 6. Khoảng cách Hà Nội – Thái Nguyên là 80km. Hỏi trên bản đồ tỉ lệ xích 1 : 2 000 000, khoảng cách đó là bao nhiêu xăngtimét ?

Giải. Ta có $80\text{km} = 8\,000\,000\text{cm}$.

Từ công thức $T = \frac{a}{b}$ ta suy ra $a = b \cdot T$.

Vậy khoảng cách Hà Nội – Thái Nguyên trên bản đồ là:

$$8\,000\,000 \cdot \frac{1}{2\,000\,000} = 4 \text{ (cm).}$$



Ví dụ 7. Có 500g dung dịch có nồng độ muối 1%.

a) Tính lượng muối trong dung dịch.

b) Nếu lượng nước bay hơi đi là 300g thì dung dịch đó có nồng độ muối là bao nhiêu phần trăm ?

Giải.

a) Lượng muối trong dung dịch : $500 \cdot 1\% = 5 \text{ (g)}$.

b) Lượng dung dịch còn lại : $500 - 300 = 200 \text{ (g)}$.

Nồng độ muối lúc sau : $5 : 200 = \frac{5 \cdot 100}{200}\% = 2,5\%$.

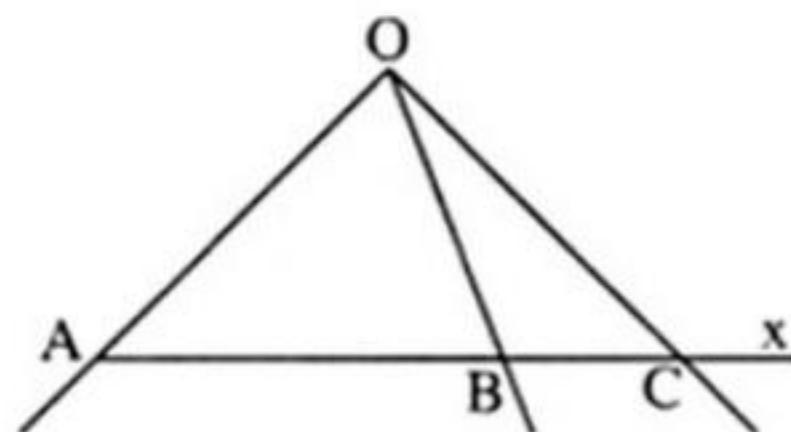
Ví dụ 8. Trên tia Ax lấy hai điểm B và C sao cho $AB = 2\text{cm}$, $AC = 3\text{cm}$. Lấy điểm O ở ngoài đường thẳng chứa tia Ax. Vẽ các tia OA, OB, OC. Giả sử $\widehat{AOB} = 80^\circ$, $\widehat{AOC} = 110^\circ$. Tính số đo $\widehat{BOC}$.

Giải. (h.7) Hai điểm B và C nằm trên tia Ax mà $AB < AC$ ($2 < 3$) nên điểm B nằm giữa hai điểm A và C, suy ra tia OB nằm giữa hai tia OA và OC. Do đó :

$$\widehat{AOB} + \widehat{BOC} = \widehat{AOC}$$

$$\text{hay } 80^\circ + \widehat{BOC} = 110^\circ.$$

$$\text{Vậy } \widehat{BOC} = 110^\circ - 80^\circ = 30^\circ.$$



Hình 7

Ví dụ 9. Trên đường thẳng AB lấy một điểm O. Vẽ tia OC sao cho $\widehat{AOC} - \widehat{COB} = 40^\circ$.

a) Tính số đo các góc $\widehat{AOC}$, $\widehat{COB}$;

b) Vẽ tia OD nằm giữa các tia OA, OC sao cho $\widehat{AOD} = 40^\circ$. Hãy chứng tỏ rằng tia OC là tia phân giác của $\widehat{BOD}$.

Giải. (h. 8)

a) Vì các góc AOC và COB kề bù nên

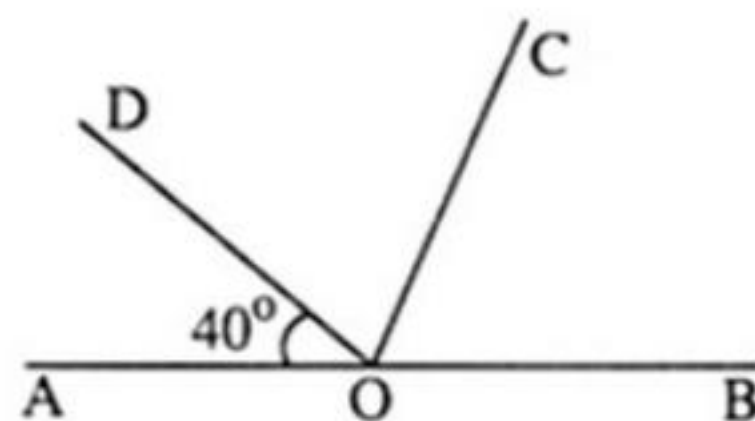
$$\widehat{AOC} + \widehat{COB} = 180^\circ. \quad (1)$$

Theo đề bài ta có $\widehat{AOC} - \widehat{COB} = 40^\circ \quad (2).$

Từ (1) và (2) suy ra :

$$\widehat{AOC} = (180^\circ + 40^\circ) : 2 = 110^\circ ;$$

$$\widehat{COB} = 180^\circ - 110^\circ = 70^\circ.$$



Hình 8



b) Vì các góc AOD và BOD kề bù nên $\widehat{AOD} + \widehat{BOD} = 180^\circ$ hay

$$40^\circ + \widehat{BOD} = 180^\circ \text{ suy ra } \widehat{BOD} = 180^\circ - 40^\circ = 140^\circ.$$

Tia OD nằm giữa hai tia OA, OC nên $\widehat{AOD} + \widehat{COD} = \widehat{AOC}$ hay

$$40^\circ + \widehat{COD} = 110^\circ \text{ suy ra } \widehat{COD} = 110^\circ - 40^\circ = 70^\circ.$$

Hai tia OC và OD cùng thuộc nửa mặt phẳng bờ chứa tia OB mà $\widehat{BOC} < \widehat{BOD}$ ($70^\circ < 140^\circ$) nên tia OC nằm giữa hai tia OB và OD (3).

Ta lại có $\widehat{BOC} = \widehat{COD}$ ($= 70^\circ$) (4).

Từ (3) và (4) suy ra tia OC là tia phân giác của $\widehat{BOD}$.

Ví dụ 10. Cho tam giác ABC. Trên cạnh BC lấy các điểm D, E sao cho D nằm giữa B và E, E nằm giữa D và C. Kẻ các tia AD, AE.

- Tia AE nằm giữa hai tia nào ?
- Kể tên các cặp góc kề bù.
- Kể tên các tam giác nhận AE là cạnh.

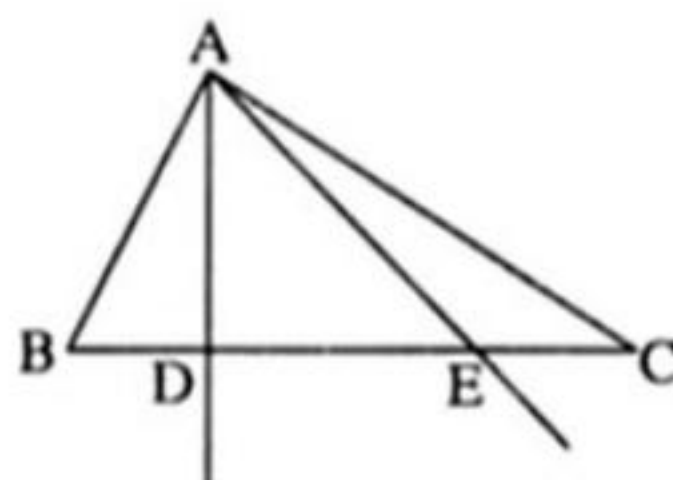
Giải. (h. 9)

- Tia AE nằm giữa hai tia AB, AC.
Tia AE còn nằm giữa hai tia AD, AC.

b) Các cặp góc kề bù là :

$$\widehat{ADB} \text{ và } \widehat{ADC} ; \widehat{AEB} \text{ và } \widehat{AEC}.$$

c) Các tam giác nhận AE là cạnh gồm : AEC, AED, AEB.



Hình 9

C. BÀI TẬP

1. Tính nhẩm :

- a) 104% của 50 ; b) 240% của 25 ; c) 80% của 12,5 ;

2. Biết rằng $6,797 \cdot 3 = 20,391$ và $20,391 : 7 = 2,913$. Hãy tìm $\frac{3}{7}$ của 6,797 và $\frac{7}{3}$ của 2,913 mà không cần tính toán.



3. Một cửa hàng giảm giá 15% các mặt hàng A, B và C. Giá cũ của các mặt hàng A, B, C theo thứ tự là 120 000 đồng, 180 000 đồng và 200 000 đồng. Tính giá trị mới của các mặt hàng này.
4. Biết rằng $9,36 \cdot 9 = 84,24$ và $84,24 : 4 = 21,06$. Không cần làm phép tính, hãy :
 - a) Tìm một số biết $\frac{4}{9}$ của nó bằng 9,36 ;
 - b) Tìm một số biết 225% của nó bằng 21,06.
5. Tỷ lệ chất bột trong ngô là 68%. Muốn có 85kg chất bột, cần bao nhiêu kilôgam ngô ?
6. *Đoán tuổi.* (Toán cổ nước Nga)

Con gái hỏi bố bao nhiêu tuổi. Bố trả lời : "Tuổi con bằng $\frac{2}{5}$ tuổi bố bây giờ.

Cách đây 4 năm, tuổi con bằng $\frac{1}{3}$ tuổi bố hiện nay".

Đố em tính được tuổi của hai bố con.

7. Khoảng cách từ điểm cực bắc của tỉnh Hà Giang đến mũi Cà Mau là 1620 km. Trên bản đồ Việt Nam tỉ lệ xích 1 : 10 000 000, khoảng cách ấy là bao nhiêu xăngtimét ?
8. Trong một ngày đêm, kim giờ và kim phút tạo thành góc vuông bao nhiêu lần ?
9. Một học sinh đo góc bằng thước đo góc (chia từ 0° đến 180°), đáng lẽ phải đọc con số ở vòng cung phía trong lại đọc nhầm sang con số ở vòng cung phía ngoài nên số đo của góc đó đã tăng thêm 10° . Tính số đo của góc đó.
10. Trên đường thẳng AB lấy một điểm O. Vẽ tia OC sao cho $\widehat{AOC} = 90^\circ$. Vẽ tia OD nằm trong góc BOC sao cho $\widehat{BOD} = 60^\circ$. Trên nửa mặt phẳng bờ AB không chứa tia OD, vẽ tia OE sao cho $\widehat{BOE} = 30^\circ$.
 - a) Kể tên các góc nhọn, vuông, tù, bẹt trong hình vẽ.
 - b) Vẽ tia OF nằm trong góc AOC sao cho $\widehat{AOF} = 60^\circ$. Chứng tỏ rằng tia OD là tia phân giác của $\widehat{BOF}$.



NGŨ VĂN

A. VĂN BẢN

Buổi sớm nắng sáng. Những cánh bướm nâu trên biển được nắng chiếu vào hồng rực lên như đàn bướm múa lượn giữa trời xanh.

Lại đến một buổi chiều, gió mùa đông bắc vừa dừng. Biển lặng, đỏ đục, đầy như mâm bánh đúc, loáng thoáng những con thuyền như những hạt lạc ai đem rắc lên trên.

Rồi một ngày mưa rào. Mưa dăng dăng bốn phía. Có quầng nắng xuyên xuống biển óng ánh đủ màu : xanh lá mạ, tím phớt, hồng, xanh biếc,... Có quầng thâm sì, nặng trĩu. Những cánh bướm ra khỏi cơn mưa, ướt đầm, thẫm lại, khoẻ nhẹ bối hối, như ngực áo bác nông dân cày xong thửa ruộng về bị ướt.

Có buổi nắng sớm mờ, biển bốc hơi nước, không nom thấy đảo xa, chỉ một màu trắng đục. Không có thuyền, không có sóng, không có mây, không có sắc biếc của da trời.

Một buổi chiều lạnh, nắng tắt sớm. Những đảo xa lam nhạt pha màu trắng sữa. Không có gió mà sóng vẫn vỗ đều đều, rì rầm. Nước biển dâng đầy, quánh đặc một màu bạc trắng, lấm tấm như bột phấn trên da quả nhót.

Chiều nắng tàn, mát dịu. Biển xanh veo màu mảnh trai. Đảo xa tím pha hồng. Những con sóng nhẹ nhẹ liếm trên bãi cát, bọt sóng màu bưởi đào.

Mặt trời xế trưa bị mây che lỗ đố. Những tia nắng dát vàng một vùng biển tròn, làm nổi bật những cánh bướm duyên dáng, như ánh sáng chiếc đèn sân khấu khổng lồ đang chiếu cho các nàng tiên trên biển múa vui.

(Vũ Tú Nam, dẫn theo *Ngũ văn 6*, tập hai, tr.47)

B. BÀI TẬP

I. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản trên là gì ?

A. Tự sự

B. Miêu tả

C. Thuyết minh

D. Biểu cảm

2. Biển được miêu tả ở những thời điểm nào ?

A. Sáng sớm nắng sáng, nắng mờ

B. Xế trưa, chiều, chiều lạnh, chiều nắng tàn

C. Ngày mưa rào

D. Cả A, B và C



3. Tác giả tập trung miêu tả những đặc điểm gì của biển trong những thời điểm ấy ?

- | | |
|---------------------|------------------|
| A. Màu sắc của biển | B. Sóng biển |
| C. Những cánh buồm | D. Những hòn đảo |

4. Vẻ đẹp kì diệu của biển được tạo nên từ đâu ?

- | | |
|-------------|-----------------|
| A. Mây | B. Trời |
| C. Ánh sáng | D. Cả A, B và C |

5. Nhận xét việc sử dụng các tính từ chỉ màu sắc của tác giả trong đoạn văn.

6. Vì sao tác giả lại tỏ ra "kĩ tính" trong việc chọn lựa thời điểm để miêu tả biển ?

II. TIẾNG VIỆT

1. Tìm các phép so sánh trong đoạn văn trên. Phân tích tác dụng của phép so sánh đó.

2. Các từ in đậm trong các câu sau đây thuộc loại từ nào ?

A	B
(1) Tôi ngồi trên đệm xe, đùi áp đùi mẹ tôi, đầu ngả vào cánh tay mẹ tôi. (Nguyễn Hồng)	a) Tính từ
(2) Trông lão cười như mếu và đôi mắt lão ầng ậng nước. (Nam Cao)	b) Danh từ
(3) Để Choắt là tên tôi đã đặt cho nó một cách chế giễu và trịch thượng thế. (Tô Hoài)	c) Chỉ từ
(4) Mỗi khi Hoà Mi tung ra những tiếng hét vang lừng, mọi vật như có sự đổi thay kì diệu. (Võ Quảng)	d) Phó từ
(5) Núi kia ai đắp nên cao Sông kia biển nọ ai đào mà sâu ? (Ca dao)	e) Động từ

3. Xác định thành phần chính và thành phần phụ của các câu sau. Cho biết cấu tạo của các thành phần đó.

– Những cánh buồm nâu trên biển được nắng chiếu vào hồng rực lên như đàn bướm múa lượn giữa trời xanh.



- Những đảo xa lam nhạt pha màu trắng sữa.
- Chiều xuống, ráng chiều nhuộm tím không gian, ánh lên sắc phượng cả khối màu thời gian tím ngắt.
- Mưa giăng.
- Mưa Đà Lạt không khác sương là mấy.

4. Điền tiếp phần tương ứng vào chỗ trống trong bảng sau :

Câu văn	Kiểu câu
(1) Hoà bình trên thế giới là ước mơ của toàn nhân loại.	Câu trần thuật đơn có từ "là", câu đánh giá.
(2)	Câu trần thuật đơn không có từ "là", câu miêu tả.
(3) Lá cây phải mỏng dày như chiếc bánh bích quy.	
(4) Hoa hồng là loài hoa có hương thơm quyến rũ và quý phái nhất.	
(5)	Câu trần thuật đơn có từ "là", câu giới thiệu.

5. Lựa chọn và điền từ ngữ còn thiếu vào chỗ trống trong đoạn văn sau : rực rỡ, biến ảo, mặt nắng, hoàng hôn, bỗng bệnh, đặc biệt, ngàn hoa cỏ.

Đà Lạt như một nàng công chúa khoác trên mình chiếc áo vô cùng ...(1)... và ...(2)... Chiếc áo ấy rực rỡ bởi muôn sắc của ...(3)... Chiếc áo ấy đặc biệt bởi màu sắc của nó ...(4)... cùng cỏ cây, tiết trời. Bình minh, nàng công chúa tỉnh khời trong chiếc áo choàng trắng ...(5)... mây và mưa bụi. Khi mặt trời đã lên cao, chiếc áo ấy bỗng phủ đầy ...(6)... khiến cho tất cả sắc màu đều ánh lên như thủy tinh. Thế rồi cả tấm áo lại như mềm đi dưới màu tím ngắt, màu huyết dụ khi ...(7)... buông xuống. Tấm áo nhung lụa ấy đâu dễ tìm thấy trên thế gian này ?

6. Viết tiếp chủ ngữ hoặc vị ngữ vào các câu sau để có câu trần thuật đơn có từ là hoặc không có từ là :

- a) Mùa thu
- b) lênh đênh trên ngọn sóng.



c) *Đẹp biết bao*

d) *thành phố du lịch nổi tiếng ở Việt Nam.*

e) *Chiếc xe đạp này*

7. Nhận xét về giá trị của các phó từ phủ định trong đoạn văn sau :

Có buổi nắng sớm mờ, biển bốc hơi nước, không nom thấy đảo xa, chỉ một màu trắng đục. Không có thuyền, không có sóng, không có mây, không có sắc biếc của da trời.

III. TẬP LÀM VĂN

1. Trong giấc mơ, em thấy mình lạc vào một thành phố lạ. Hãy viết bài văn miêu tả thành phố đó.

2. Hãy miêu tả về một miền quê theo tưởng tượng của em.

TIẾNG ANH

A. KIẾN THỨC CƠ BẢN

- Present simple tense (Review)
- Present progressive tense (Review)
- Adjectives (Review)
- Comparatives and superlatives
- The use of *a lot of, lots of*
- The use of *should/ shouldn't*

1. Comparatives and superlatives

a) So sánh hơn (Comparatives)

So sánh hơn là để so sánh giữa hai người hoặc vật/ sự vật.

Jiro is *taller* than Yukio.

Yukio is tall, but Jiro is *taller*.

b) So sánh hơn nhất (Superlatives)

So sánh hơn nhất là để so sánh nhiều hơn hai người hoặc vật. Thông thường các câu so sánh hơn nhất có THE, bởi chỉ có một thứ là nhất.



Masami is *the tallest* in the class.

Yukio is tall, and Jiro is taller, but Masami is *the tallest*.

Các quy tắc của dạng so sánh với tính từ:

Tính từ (Adjective form)	So sánh hơn (Comparative)	So sánh hơn nhất (Superlative)
Tính từ một âm tiết kết thúc là -e <i>wide, fine, cute</i>	thêm -r: → <i>wider, finer, cuter</i>	thêm -st: → <i>widest, finest, cutest</i>
Tính từ có một âm tiết nhưng kết thúc bằng một nguyên âm và một phụ âm <i>hot, big, fat</i>	nhân đôi phụ âm cuối và thêm -er: → <i>hotter, bigger, fatter</i>	nhân đôi phụ âm cuối và thêm -est: → <i>hottest, biggest, fattest</i>
Tính từ có một âm tiết kết thúc bằng một nguyên âm, và nhiều hơn một phụ âm. <i>light, neat, fast</i>	thêm -er: → <i>lighter, neater, faster</i>	thêm -est: → <i>lightest, neatest, fastest</i>
Tính từ có hai âm tiết kết thúc bằng y <i>happy, silly, lonely</i>	chuyển y thành i sau đó thêm -er: → <i>happier, sillier, lonelier</i>	chuyển y thành i sau đó thêm -est: → <i>happiest, silliest, loneliest</i>

2. Much, many, a lot of và lots of

a) Many hoặc much thường đứng trước danh từ. *Many* đi với danh từ đếm được và *much* đi với danh từ không đếm được:

She didn't eat *much* breakfast.

(Cô ta không ăn sáng nhiều.)

There aren't *many* large glasses left.

(Không còn lại nhiều cốc lớn.)

* **Many và much** dùng nhiều trong câu phủ định và câu nghi vấn, trong câu khẳng định có thể dùng các loại từ khác như *plenty of, a lot, lots of...* để thay thế.

How much money have you got? I've got *plenty*.

He got *lots of* men friends, but he doesn't know *many* women.



b) A lot of + uncountable noun + singular verb

Lots of + plural noun + plural verb

A lot of time is needed to learn a language.

Lots of us think it's time for an election.

c) Should do something/ Shouldn't do something.

Bạn có thể dùng **should** để cho lời khuyên hay đưa ra ý kiến.

You look tired. You *should* go to bed now. (*Anh mệt rồi. Anh nên đi ngủ đi.*)

"Should we invite Susan to the party?" "Yes, I think we *should*."

"Chúng ta có nên mời Susan đến dự tiệc không?" "Có, tôi nghĩ là chúng ta nên mời."

You *shouldn't* do that. (*Bạn không nên làm điều đó.*)

You *shouldn't* waste electricity. (*Bạn không nên lãng phí điện.*)

B. BÀI TẬP MINH HOẠ

I. Choose the best option A, B, C or D to complete the sentence.

1. I don't know _____ people.

A. many B. much C. a lot D. few

2. Would you like some sugar?

- Yes, please, just _____.

A. few B. little C. a few D. a little

3. They say he has _____ money.

A. a lot of B. plenty C. lots D. many

4. _____ your brother spend Christmas with you?

A. Do B. Does C. Have D. Has

5. I think she _____ letters in her room now.

A. is typing B. has typed C. typed D. types

6. I get a letter _____ my boyfriend every day.

A. of B. off C. from D. out

7. Can I _____ you a question?

A. put B. make C. pose D. ask

8. Jane is the _____ of the two sisters.

A. elder B. eldest C. oldest D. older

9. I am glad so many people have passed the test. In fact, there were _____ who haven't.

A. little B. a little C. few D. a few



10. Chicago is a large city, _____?
A. aren't it B. doesn't it C. won't it D. isn't it
11. How much money did he borrow _____ the bank?
A. to B. of C. off D. from
12. We saw _____ wild animals on vacation.
A. quite a few B. quite much C. quite many D. quite some
13. John eats _____ meat, a lot of rice and _____ vegetables.
A. little/ a few B. a lot/ few C. a little/ a few D. a little/ few
14. We should _____ lights before going out.
A. switch off B. switch on C. switch D. to switch off
15. The Mekong River is _____ than the Red River.
A. shorter B. longer C. long D. short
16. The Nile River is _____ river in the world.
A. longest B. longer C. the longer D. the longest
17. Which is _____ mountain in Vietnam?
A. the highest B. the higher C. highest D. the high
18. We have _____ beautiful beaches. It is _____ country.
A. lot of/ a great B. lot of/ great C. lots of/ a great D. lots of/ great
19. We are wasting _____ power, oil and gas.
A. too B. too much C. much too D. many
20. The population of the world is growing. More people _____ food and land.
A. need more B. more need C. want more D. need

II. Write the correct word for each object.



1. a _____ of lemonade



2. a _____ of cake



3. a _____ of bread



4. A _____ of chocolates



5. a _____ of peas



6. a _____ of chocolate



7. a _____ of Coca-Cola



8. a _____ of jam



9. a _____ of cigarettes



10. a _____ of bread



11. a _____ of milk



12. a _____ of toothpaste

III. There is one mistake in each sentence. Find out, underline and correct it.

	Your corrections
1. Nam usually gets up at 6 a.m and take a shower.	_____
2. Trung don't have English on Monday and Thursday.	_____
3. Does she brushes her teeth every morning?	_____
4. On the street, there are a restaurant, a bookstore and a cafeteria.	_____
5. The movie theater is among the bakery and the drugstore.	_____
6. What color is her eyes?	_____
7. There are some oranges and some banana on the table.	_____
8. How many rice do you want?	_____
9. How often do you go to the zoo a week?	_____
- I go to the zoo one a week.	_____
10. What are you going do this summer vacation?	_____
11. They are going to stay at a hotel in Ha Noi for three days.	_____
12. Phanxipang is highest mountain in Vietnam.	_____
13. We collect waste paper, scrap metal, old plastic and recycle it.	_____
14. What does factories do with waste and scrap?	_____
15. Why do the world need more food?	_____



C. GÓC ĐỒ VUI

Game of Hidden English Words : Animals



Each sentence below has a animal hidden in it. Find it!

1. There were two million dollars in the bank.
2. The police inspectors were trying to locate the robbers.
3. The cook was grating the cheese.
4. Kevin has been advised to do good reading for the test.
5. Andrew entered the cafeteria in the evening.



LỜI GIẢI – HƯỚNG DẪN – ĐÁP SỐ

BÀI 1

TOÁN

1. a) 26 ; 27 ; 28. b) 15 ; 16 ; 17. c) 90 ; 91 ; 92. d) $a + 1$; $a + 2$; $a + 3$.

2. Các tập hợp phải tìm là :

$$A = \{26 ; 27 ; 28 ; 29\} ; B = \{27 ; 28 ; 29 ; 30\} ; C = \{28 ; 29 ; 30 ; 31\}.$$

3. Chọn (C).

4. Kết quả sai là (D).

5. a) $28 \cdot 25 = (7 \cdot 4) \cdot 25 = 7 \cdot (4 \cdot 25) = 7 \cdot 100 = 700$.

b) $125 \cdot 72 = 125 \cdot (8 \cdot 9) = (125 \cdot 8) \cdot 9 = 1000 \cdot 9 = 9000$.

c) $99 + 59 = (99 + 1) + (59 - 1) = 100 + 58 = 158$.

d) $457 - 98 = (457 + 2) - (98 + 2) = 459 - 100 = 359$.

Lưu ý. Khi thực hiện tính nhẩm như trên, ta đã áp dụng các tính chất sau :

– Tính chất kết hợp của phép nhân (câu a) và câu b).

– Tổng của hai số không đổi nếu ta thêm vào ở số hạng này và bớt đi ở số hạng kia cùng một số đơn vị.

– Hiệu của hai số không đổi nếu ta thêm vào số bị trừ và số trừ cùng một số đơn vị.

6. *Cách 1* : $600 : 12 = (60 \cdot 10) : 12 = (60 : 12) \cdot 10 = 5 \cdot 10 = 50$.

Cách 2 : $600 : 12 = 600 : (3 \cdot 4) = (600 : 3) : 4 = 200 : 4 = 50$.

Cách 3 : $600 : 12 = (480 + 120) : 12 = 480 : 12 + 120 : 12 = 40 + 10 = 50$.

Lưu ý : Trong các cách nhẩm trên, ta đã áp dụng các tính chất của phép chia.

Cách 1 : Tính chất một tích chia cho một số :

$$(a \cdot b) : c = (a : c) \cdot b = a \cdot (b : c)$$

Cách 2 : Tính chất một số chia cho tích :

$$a : (b \cdot c) = (a : b) : c = (a : c) : b.$$

Cách 3 : Tính chất một tổng chia cho một số :

$$(a + b) : c = a : c + b : c$$



7. Bé Nam đã làm phép chia như sau :

$$40 : 8 = (32 + 8) : 8 = 32 : 8 + 8 : 8 = 4 + 1.$$

Nhưng vì bé đã viết không đúng khi tính đơn vị của số hạng thứ nhất, bé đã đưa sang hàng chục nên $4 + 1$ đã thành $4 \cdot 10 + 1 = 41$. Sai lầm là ở chỗ đó.

8. Sai lầm từ chỗ đưa thừa số chung ra ngoài dấu ngoặc :

$4 : 4$ không phải là $4 \cdot (1 : 1)$ mà là $4 \cdot (1 : 4)$.

$$\text{Thật vậy } 4 : 4 = \frac{4}{4} = 4 \cdot \frac{1}{4} = 4 \cdot (1 : 4).$$

9. *Cách 1 :* $33 \cdot 3 + 3 : 3 = 99 + 1 = 100.$

Cách 2 : $111 - 11 = 100.$

Cách 3 : $5 \cdot (5 + 5 + 5 + 5) = 5 \cdot 20 = 100.$

Cách 4 : $5 \cdot 5 \cdot 5 - 5 \cdot 5 = 125 - 25 = 100.$

Cách 5 : $99 + 9^{9-9} = 99 + 9^0 = 99 + 1 = 100.$

10. a) Tổng số ống thép là $\frac{(1 + 30) \cdot 30}{2} = 465.$

b) Tổng số ống thép là $\frac{(17 + 30) \cdot 14}{2} = 329.$

NGŨ VĂN

I. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	A	C	B	D	D

6. Một số truyền thuyết khác:

- *Con Rồng cháu Tiên*: kể về nguồn gốc giống nòi của dân tộc Việt.

- *Thánh Gióng* : kể về cuộc kháng chiến chống ngoại xâm (giặc Ân) từ buổi đầu lịch sử của dân tộc (thời Hùng Vương thứ sáu).

- *Sự tích Hồ Gươm* : kể về Lê Lợi và cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (thế kỉ XV).

Qua đó, truyền thuyết cũng giải thích tên hồ Hoàn Kiếm.

...

7*. Truyền thuyết thường chứa đựng trong nó cái lõi sự thật lịch sử. Tuy nhiên, cái lõi lịch sử đó khi đi vào trong truyền thuyết đã được dân gian *huyền thoại hoá* bằng cách thêm vào những chi tiết tưởng tượng kì ảo khiến cho câu chuyện trở nên



hấp dẫn, sinh động, các nhân vật mang vẻ đẹp thần thánh. Qua đó, thể hiện thái độ ngợi ca, suy tôn đối với các nhân vật lịch sử.

II. TIẾNG VIỆT

1. Đọc lại phần về cấu tạo từ trong SGK để nhận diện từ ghép và từ láy trong số các từ đã cho rồi phân loại.

– Từ ghép : giữa các tiếng trong từ có quan hệ với nhau về nghĩa. Ví dụ : *trông nom, ngẫm nghĩ,...*

– Từ láy : giữa các tiếng trong từ có quan hệ với nhau về âm thanh (lặp lại âm thanh). Ví dụ : *hiềm hoi, chăm chỉ,...*

2. C

3. *Tuấn tú* : (người con trai) có vẻ mặt đẹp, sáng sủa, thông minh.

4. Học sinh có thể tạo cả từ ghép chính phụ và đẳng lập từ các tiếng sẵn có. Ví dụ :

– Từ ghép chính phụ : *học sinh, xe đạp, giáo viên, bơi ếch,...*

– Từ ghép đẳng lập : *học hành, xe cộ, giáo dục, bơi lội,...*

5. HS tự làm theo mẫu. Có thể tra *Từ điển tiếng Việt* (Viện Ngôn ngữ học, NXB Đà Nẵng) để biết nghĩa chuyển của những từ in đậm.

6. (1) *gia nhập* (2) *khởi nghĩa* (3) *chủ tướng*
(4) *sáng rực* (5) *Thuận Thiên* (6) *báu vật*

7. 1–c ; 2–d ; 3–e ; 4–a ; 5–b

8. Phân tích giá trị của các từ láy trong đoạn thơ dựa theo gợi ý sau :

– Đoạn thơ miêu tả cảnh gì ?

– Con người trong khung cảnh ấy được miêu tả thế nào ?

– Các từ láy có giá trị gì trong việc biểu hiện từng đối tượng (những thằng cu, vài cụ già, cô yếm thắm) về dáng vẻ, điệu bộ, tâm trạng... ?

9. Đọc kĩ từng câu, phát hiện các từ dùng sai và sửa lại cho đúng. Tham khảo cách làm sau :

a) *Nếu học hành chăm chỉ các em sẽ có một tương lai **sáng lạng**.* (Từ *sáng lạng* là từ dùng sai. Phải sửa thành : *xán lạn*)

III. TẬP LÀM VĂN

1. Yêu cầu :

– Kiểu bài : kể chuyện tóm tắt.

– Nội dung : tóm tắt truyền thuyết *Sơn Tinh, Thủy Tinh*.



- Kĩ năng :
- + Đọc kĩ, nắm được nội dung văn bản.
- + Liệt kê và lựa chọn những sự kiện, chi tiết chính của văn bản.
- + Sắp xếp các nội dung theo một trình tự hợp lí.
- + Trình bày thành đoạn văn.

2. Yêu cầu :

- Kiểu bài : kể chuyện tưởng tượng (đóng vai một nhân vật trong truyện).
- Nội dung : trận chiến giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh.
- Kĩ năng :

+ Nắm chắc nội dung câu chuyện và diễn biến của trận chiến.

+ Người kể chuyện là người đã tham gia vào sự kiện, do đó trong lời kể cần thể hiện được thái độ của người kể đối với sự việc, sự kiện. Người nghe là một công chúa (vợ mới cưới của Sơn Tinh – người kể chuyện), do đó, lời kể cũng cần thể hiện được chính hình ảnh và sức mạnh của Sơn Tinh để gợi dậy lòng cảm phục của Mị Nương.

– Hình thức : ngôi kể thứ nhất, bộc lộ thái độ, cảm xúc của người kể. HS có thể xen miêu tả, đối thoại cho lời kể sinh động.

TIẾNG ANH

B. BÀI TẬP MINH HOẠ

I. Choose the best option A, B, C or D to complete the sentence.

- | | | | | |
|-------------|-------------|--------------|------------|-------------|
| 1. C. is | 2. B. is | 3. B. to | 4. D. are | 5. C. am |
| 6. A. old | 7. B. am | 8. C. is | 9. D. your | 10. A. name |
| 11. B. do | 12. A. on | 13. B. spell | 14. B. How | 15. D. Is |
| 16. A. That | 17. A. this | 18. A. What | 19. B. her | 20. D. many |

II. Put *a* or *an* before these words.

- | | |
|-----------------------|------------------------|
| 1. <i>a</i> notebook | 6. <i>a</i> bookshelf |
| 2. <i>a</i> classroom | 7. <i>a</i> desk |
| 3. <i>an</i> armchair | 8. <i>a</i> stereo |
| 4. <i>a</i> student | 9. <i>an</i> eraser |
| 5. <i>a</i> school | 10. <i>an</i> engineer |



III. Fill in the blanks with the question words.

- | | | | | |
|---------|---------|--------|---------|-----------|
| 1. What | 2. How | 3. How | 4. How | 5. What |
| 6. Who | 7. What | 8. How | 9. What | 10. Where |

IV. Fill in the blanks with the given words and then answer the questions below.

- | | | | | |
|-------|--------|-----------|---------|-------|
| 1. of | 2. are | 3. people | 4. They | 5. of |
|-------|--------|-----------|---------|-------|
6. There are four people in his family.
 7. They are in their living room.
 8. His father is thirty-eight.
 9. He is a doctor.
 10. His sister studies at Thang Long Primary School.

C. GÓC ĐỒ VUI

1. Find as many words you know as possible.

ACROSS: THIS, HI, IS, SEE, ON, NEW, AM, WHERE, HER, ME, HELLO, OLD, DO, SPELL, IN, NUMBER, GOOD MORNING, STAND UP, KEEP, GOOBYE, BOOK

DOWN: NAME, HE, ME, MEET, NO, HOW, WHO, HELP, FINE, THANK, EVENING, SQUARE, OPEN, PEN

2. Write the numbers from zero to twelve in words in the suitable blanks. Each blank fills one letter.





BÀI 2

TOÁN

- Vì $14 \div 7, 35 \div 7, 63 \div 7$ nên $A \div 7$.
 Vì $21 \div 7, 42 \div 7, 50 \div 7$ nên $B \div 7$.
 Ta viết $C = 17 + 31 + 57 = (17 + 4) + (31 - 3) + (57 - 1)$
 $= 21 + 28 + 56$.
 Vì $21 \div 7, 28 \div 7, 56 \div 7$ nên $C \div 7$.
- a) a chia hết cho 6.
 b) a không chia hết cho 9.
- $A \div 9, B \div 9, C = 134 - 98 = (134 + 1) - (98 + 1)$
 $= (135 - 99) \div 9$.
- Chọn (C).
- (A) sai ; (B) đúng ; (C) sai ; (D) đúng.
- Đó là các số 11 ; 17 và 71 ; 37 và 73 ; 79 và 97.
- Chọn (C).
- Số 4025 là một số lẻ. Nếu tổng của hai số nguyên tố bằng 4025 thì một trong hai số nguyên tố phải là 2. Khi đó số kia là $4025 - 2 = 4023$ mà 4023 là hợp số (vì lớn hơn 3 và chia hết cho 3). Vậy tổng của hai số nguyên tố không thể là 4025.
- 403 chia cho x dư 12 nên $(403 - 12) \div x$ hay $391 \div x$ và $x > 12$ (1).
 217 chia cho x dư 13 nên $(217 - 13) \div x$ hay $204 \div x$ và $x > 13$ (2).
 Từ (1), (2) suy ra $x \in \text{ƯC}(391 ; 204)$ và $x > 13$.
 $\text{ƯCLN}(391, 204) = 17$.
 $x \in \text{Ư}(17)$ và $x > 13$. Vậy $x = 17$.
- Số trứng trong rổ bớt đi 1 quả là bội chung của 10, 12 và 15.
 $\text{BCNN}(10 ; 12 ; 15) = 60$. Vì số trứng chưa đến 100 nên số trứng trong rổ là $60 + 1 = 61$ (quả).

NGŨ VĂN

I. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

Câu	1	2	3	4
Đáp án	B	A	D	B



5. Chân, tay, tai, mắt, miệng là các bộ phận trong cơ thể con người. Mỗi bộ phận ấy đều có chức năng riêng. Chúng gắn kết và tương trợ với nhau để tạo nên một cơ thể khoẻ mạnh. Nếu một bộ phận nào đó không thực hiện được chức năng của mình thì sẽ gây ảnh hưởng xấu đến các bộ phận khác và toàn bộ cơ thể. Mối quan hệ giữa Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng trong truyện ngụ ngôn này cũng giống như mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng. Mỗi cá nhân trong cộng đồng khác nhau về tuổi tác, giới tính, công việc... nhưng sự hợp tác giữa các cá nhân khác nhau đó làm nên xã hội. Để xã hội phát triển, để có được cộng đồng tốt thì mỗi cá nhân phải thực hiện chức năng và làm tròn nhiệm vụ của mình, đồng thời phải biết tương trợ, đoàn kết với những cá nhân khác.

6. Một số truyện ngụ ngôn :

– *Ếch ngồi đáy giếng* : Khuyến con người cố gắng mở rộng tầm hiểu biết của mình, không nên chủ quan, kiêu ngạo.

– *Con Ve và con Kiến* : Khuyến con người chăm chỉ lao động, không ỷ lại vào người khác.

7. Một số câu tục ngữ, ca dao khuyến răn con người đoàn kết, tương trợ lẫn nhau :

- *Một cây làm chẳng nên non*
Ba cây chụm lại nên hòn núi cao.
- *Bầu ơi thương lấy bí cùng*
Tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn.
- *Cả bè hơn cây nứa.*

II. TIẾNG VIỆT

1. Các từ *chân, tay, tai, mắt, miệng* được viết hoa vì đây là những danh từ chỉ các bộ phận cơ thể con người được dùng làm tên riêng của nhân vật trong truyện.

2. B

3. – *Ăn không ngồi rồi* : chỉ ăn, không làm ; sống không lao động.

– Một số câu thành ngữ có nội dung tương tự : *ăn dương ở nể, ăn dương ngồi rồi...*

4. A

5. Câu văn bị bỏ dấu phẩy :

Tiếng bom nổ tiếng rít của máy bay phản lực tiếng đò máy chạy ngoài sông tiếng trời chuyển kéo dài... tất cả đều dậy lên rồi chìm đi ngay trong khoảng không bao la của buổi ban trưa.

HS tự khôi phục dấu phẩy đã bị bỏ.



6. Chỉ từ *ấy* : xác định rõ sự vật đã được nêu trong chuỗi câu.

7. – Cụm danh từ : *ngọn dừa, bẹ lá, gió và nắng trên cao, mắt nó, những tiếng ấy,...*

– Cụm động từ : *lại leo lên ngọn dừa, đứng hẳn lên một bẹ lá, dòm ra xa, đã làm mắt nó long lanh ướt,...*

– Cụm tính từ : *long lanh ướt, chắc như tiếng chày nện đất,...*

Học sinh tìm tiếp các cụm từ còn lại và phân tích cấu tạo theo mẫu đã cho. Ví dụ :

Phần trước	Phần trung tâm	Phần sau
<i>những</i>	<i>tiếng</i>	<i>ấy</i>
<i>lại</i>	<i>leo</i>	<i>lên / ngọn dừa</i>
	<i>long lanh</i>	<i>ướt</i>

8. – Các động từ chỉ hoạt động của con thuyền trong đoạn văn trên là : *chèo thoát (qua), đổ (ra), xuôi (về)*.

– Trật tự các động từ này là hợp lí, không thể thay đổi được bởi đó là các hoạt động của con thuyền xuôi theo dòng chảy : từ kênh Bọ Mắt → ra sông Cửa Lớn → xuôi dòng về Năm Căn.

III. TẬP LÀM VĂN

1. Yêu cầu :

– Kiểu bài : kể chuyện.

– Nội dung : một truyện ngụ ngôn.

– Kỹ năng :

+ Đọc kĩ để nắm được nội dung và những tình tiết của truyện.

+ Kể lại truyện bằng lời văn của mình. Có thể sáng tạo ở phần đầu và phần cuối truyện. Thêm các chi tiết miêu tả để làm nổi rõ các nhân vật trong truyện. Chú ý thể hiện cảm xúc cho lời văn thêm sinh động.

– Hình thức : Bài văn diễn đạt sự việc bằng lời văn của cá nhân, linh hoạt, trong sáng.

2. Yêu cầu :

– Kiểu bài : kể chuyện đời thường.



– Nội dung : một bài học mà em học được từ trong cuộc sống. Đó có thể là bài học về sự cần cù, chăm chỉ ; bài học về sự tha thứ, tình yêu thương ; bài học về tính trung thực, lòng dũng cảm,...

– Kỹ năng : Lựa chọn được câu chuyện cần kể. Hình dung và nhớ lại diễn biến của câu chuyện. Các chi tiết trong chuyện phải trung thực và sắp xếp hợp lí. Rút ra được bài học cho bản thân từ sau câu chuyện ấy.

– Hình thức : Kể ở ngôi thứ nhất, lời kể phải thể hiện được thái độ, cảm xúc của bản thân và khắc sâu được bài học rút ra từ câu chuyện đó.

TIẾNG ANH

B. BÀI TẬP MINH HOẠ

I. Choose the best option A, B, C or D to complete the sentence.

- | | | | | |
|---------------|----------------|------------|-----------------|-------------|
| 1. B. has | 2. D. on | 3. C. does | 4. B. What | 5. B. near |
| 6. C. in | 7. D. In front | 8. B. on | 9. D. doing | 10. A. Are |
| 11. D. cannot | 12. C. To | 13. A. a | 14. B. there is | 15. C. What |

II. Put the verbs in brackets in the right tense form. (Present simple or present progressive tense.)

- | | | |
|-----------------------|--------------------------|-----------------------|
| 1. is doing – does | 2. teaches – is teaching | 3. use – am not using |
| 4. are playing – play | 5. is living – lives | |

III. Make up the question for the underlined words in each sentence.

- What is your mother doing now?
- Where do your grandparents live?
- How does Mr. Hung go to work every day?
- How many classrooms are there in your school?
- How old is your sister?

IV. Fill in each blank with a suitable word.

- | | | | | |
|------------|----------|-------|---------|----------|
| 1. in | 2. on | 3. To | 4. Next | 5. there |
| 6. between | 7. front | 8. an | 9. a | 10. must |



C. GÓC ĐỒ VUI

1. Put the meaning of each road sign under the right picture.



No stopping



No left turn



No entry



No right turn



Traffic lights



Parking area



Men at work



Children



No cycling

2. 007 is a spy. Read the secret message and help him find the codes by replacing the picture with the suitable word.

JAMES BOND



007

Go by Train and On foot.

There is a message on the Motorbike at the station. Then go to the Airport by Taxi. Go by Plane, Underground and Bicycle. Tom is waiting for you.

Where is Tom waiting? (Look at the first letter of each word)

TOM is waiting AT the PUB.



BÀI 3

TOÁN

1. a) Đ ; b) S ; c) S ; d) Đ.
2. a) - 4 ; b) - 3 ; c) 7 ; d) 0.
3. a) 12 ; b) 3 ; c) 28 ; d) 5.
4. Nếu $a > 0$ thì từ $a + |a| = 4$ ta có $a + a = 4 \Rightarrow 2a = 4 \Rightarrow a = 2$.
 Nếu $a < 0$ thì từ $a + |a| = 4$ ta có $a - a = 4 \Rightarrow 0 = 4$ (vô lí).
 Nếu $a = 0$ thì từ $a + |a| = 4$ ta có $0 + 0 = 4 \Rightarrow 0 = 4$ (vô lí).
 Vậy $a = 2$.
5. Vì $x \in \mathbb{Z}$ và $-10 < x < 12$ nên
 $x \in \{-9; -8; -7; -6; -5; -4; -3; -2; -1; 0; 1; 2; 3; 4; 5; 6; 7; 8; 9; 10; 11\}$
 Tổng của chúng là :
 $[(-9) + 9] + [(-8) + 8] + [(-7) + 7] + [(-6) + 6] + [(-5) + 5] + [(-4) + 4] + [(-3) + 3] + [(-2) + 2] + [(-1) + 1] + 0 + (10 + 11) = 0 + 21 = 21$.
6. $A = (879 - 2879) - (1876 - 1865) = -2000 - 11 = -2011$.
 $B = (6 - 7 - 8 + 9) - (10 - 11 - 12 + 13) + (14 - 15 - 16 + 17) - 18$
 $= 0 - 0 + 0 - 18 = -18$.
7. Tích $x \cdot (x + 3) < 0$ nên x và $x + 3$ trái dấu nhau mà $x < x + 3$ nên $x < 0$ và $x + 3 > 0$ tức là $-3 < x < 0$, $x \in \mathbb{Z}$. Vậy $x \in \{-2; -1\}$.
8. Ta biết rằng hai số đối nhau có tổng bằng 0.
 Ta lại có $1 + 2 + 3 + \dots + 12 = 78$. Do đó, chỉ cần chia 12 số thành hai nhóm, mỗi nhóm có tổng bằng 39, sau đó ta đặt dấu "+" trước các số của một nhóm và đặt dấu "-" trước các số của nhóm kia.
Chẳng hạn : Một nhóm là $(+1, +2, +3, +4, +6, +11, +12)$, nhóm kia là $(-5, -7, -8, -9, -10)$.
 Hoặc một nhóm là $(-1, -2, -3, -4, -6, -11, -12)$, nhóm kia là $(+5, +7, +8, +9, +10)$.
 Em hãy tìm thêm các cách khác.
9. Không thể chia hai vế của đẳng thức cho $3b - 2a$ vì $3b - 2a = 0$ do $3b = 2a$.
10. Không thể chia hai vế của đẳng thức cho $a - b - c$ vì $a - b - c = 0$ do $a = b + c$.



NGŨ VĂN

I. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

Câu	1	2	3	4	5
Đáp án	B	D	C	D	D

6. Nhận xét dựa trên những gợi ý sau :

- Trong đoạn văn đầu, màu xanh được miêu tả thế nào ? Tại sao tác giả không gọi tên cụ thể màu xanh đó ?
- Trong đoạn sau, màu xanh được miêu tả cụ thể như thế nào ? Tại sao tác giả có thể gọi tên được các màu xanh ở đây ?
- Việc miêu tả các sắc xanh như thế cho thấy vẻ đẹp gì của Cà Mau ?

II. TIẾNG VIỆT

1. – HS đọc kĩ và tìm những cụm từ so sánh có trong đoạn văn.

– Nhận xét sự liên tưởng, so sánh của tác giả dựa trên gợi ý sau :

- + Những hình ảnh so sánh ấy có đặc điểm gì ? (xác thực, giàu chất gợi hình...)
- + Những hình ảnh so sánh ấy có phù hợp với điểm nhìn, vị trí quan sát không ?
- + Phép so sánh đó giúp thể hiện sự hùng vĩ của sông nước Cà Mau như thế nào ?

2.

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
c	a	d	a	e	b

3. Tham khảo cách làm sau :

- *Tối như hũ nút, tối như bưng, tối như đêm ba mươi...*
- *Mong như mong mẹ về chợ, mong như trời hạn mong mưa...*

4. Đọc kĩ từng câu văn, tìm các lỗi sai và xác định xem chúng thuộc loại nào : sai về cấu tạo (thiếu thành phần chính), sai về cách dùng từ hay sai lỗi chính tả,... Sau đó, sửa lại câu cho đúng. Tham khảo gợi ý sau :

a) Câu văn sai về cấu tạo (thiếu thành phần chính là chủ ngữ). Có thể sửa lại như sau :

Qua bài thơ "Lượm", Tố Hữu đã khắc hoạ thành công hình ảnh của một chú bé liên lạc hồn nhiên, yêu đời và dũng cảm.



5. a). Đọc lại SGK *Ngữ văn 6*, tập hai, bài *Phó từ* để thực hiện bài tập này. Tham khảo gợi ý sau :

À, trời vừa mưa xong. Ở những mặt sân đất, sỏi bong bóng. Trong các lỗ, giun ngấp nước quẩn quại tồi lên.

b) Những từ in đậm trong đoạn văn trên chủ yếu là tính từ (có hai từ *tồi* và *nhoi* là động từ) và đa số chúng là từ láy. Việc lựa chọn những từ ngữ gợi hình như vậy đã thể hiện được một cách sinh động hoạt động cũng như đặc điểm của các loài vật. Kết hợp với cách so sánh đầy hình ảnh, Tô Hoài đã vẽ nên được một bức tranh sống động, nhộn nhịp sau trận mưa rào.

6. Phép nhân hoá được tạo ra bằng cách lấy từ ngữ chỉ hoạt động của con người (*ôm*) dùng cho vật (rừng được).

Tác dụng : Tạo nên sự quán quýt, vui vầy giữa rừng được với dòng Năm Căn. Cảnh tượng đó vừa gợi vẻ êm đềm vừa gợi sự hiền hoà, ấm áp của Cà Mau.

III. TẬP LÀM VĂN

1. Yêu cầu :

– Kiểu bài : miêu tả (tả con vật).

– Nội dung : miêu tả đặc điểm hình dáng bề ngoài hoặc hoạt động, thói quen của một con vật. Cũng có thể miêu tả con vật vào thời điểm mà nó có những biểu hiện đáng yêu nhất (con mèo lúc sưởi nắng, con chó con lúc bú mẹ, con gà con lúc mới nở...).

– Kỹ năng : Cần chọn lựa được đối tượng cần miêu tả. Quan sát, tìm những chi tiết thể hiện được nét đáng yêu của con vật. Dùng lời văn trong sáng, kết hợp quan sát, tưởng tượng và so sánh để miêu tả và thể hiện được thái độ của người viết đối với con vật đó.

– Hình thức : đoạn văn ngắn, có hình ảnh, cảm xúc, có sử dụng các biện pháp tu từ sinh động.

2. * Yêu cầu :

– Kiểu bài : miêu tả (tả cảnh).

– Nội dung : miêu tả quang cảnh nơi em ở vào một buổi sáng đẹp trời.

– Kỹ năng : Lựa chọn được đối tượng cần miêu tả. Cần tả theo trình tự không gian và thời gian. Trong quá trình miêu tả, cần đưa ra được nhận xét khái quát về buổi sáng hôm đó. Kết hợp quan sát, tưởng tượng và so sánh để làm rõ những đặc điểm nổi bật của quang cảnh buổi sáng : bầu trời, cây cối, con đường, hoạt động của con người,...



– Hình thức : bài văn hoàn chỉnh, có hình ảnh, có cảm xúc, sử dụng các biện pháp tu từ một cách sinh động.

* *Dàn ý tham khảo :*

– Mở bài :

+ Giới thiệu khung cảnh nơi em ở vào một buổi sáng đẹp trời.

+ Nêu cảm nhận chung của em về buổi sáng đó.

– Thân bài :

+ Lúc mặt trời mới lên :

• Bầu trời : sắc trời, mây, mặt trời... như thế nào ?

• Không khí chung của buổi sáng ra sao ?

• Cây cối, cảnh vật bỗng tỉnh giấc như thế nào ?

• Cảnh sinh hoạt của con người có đặc điểm gì nổi bật ?

+ Lúc mặt trời đã lên cao : Sự khác biệt về sắc trời, không khí, cảnh vật và cảnh sinh hoạt của con người so với lúc mặt trời mới lên như thế nào ?

– Kết bài : Cảm nghĩ về buổi sáng thanh bình ở quê em.

TIẾNG ANH

B. BÀI TẬP MINH HOẠ

I. Choose the best option A, B, C or D to complete the sentence.

- | | | | |
|----------------|-----------------|----------------|-----------------------|
| 1. B. tall | 2. A. are | 3. A. up | 4. B. long black hair |
| 5. D. are | 6. C. tall | 7. B. strong | 8. B. hungry |
| 9. C. some | 10. B. drink | 11. B. any | 12. D. some |
| 13. C. has | 14. C. a little | 15. C. weak | 16. B. dentist |
| 17. D. you are | 18. D. on | 19. A. gymnast | 20. C. for |

II. Put the adjectives in the box into six groups: eyes, hair, face, lips, build, appearance.

eyes	hair	face	lips	build	appearance
blue round big small black	blond gray short long black	round oval	full thin	short fat tall big small thin heavy light	beautiful young old good-looking



III. Put *a, an, some* or *any* in each space to complete the following sentences.

1. some 2. a - any 3. some - any 4. any – any 5. any
6. any 7. some - A 8. some 9. some 10. any - some

IV. Fill in the blanks with the given words and then answer the questions.

1. matter 2. is 3. needs 4. some 5. want
6. She is feeling cold. 7. She needs some hot water.
8. No, she wouldn't. 9. She is tired. 10. No, she doesn't.

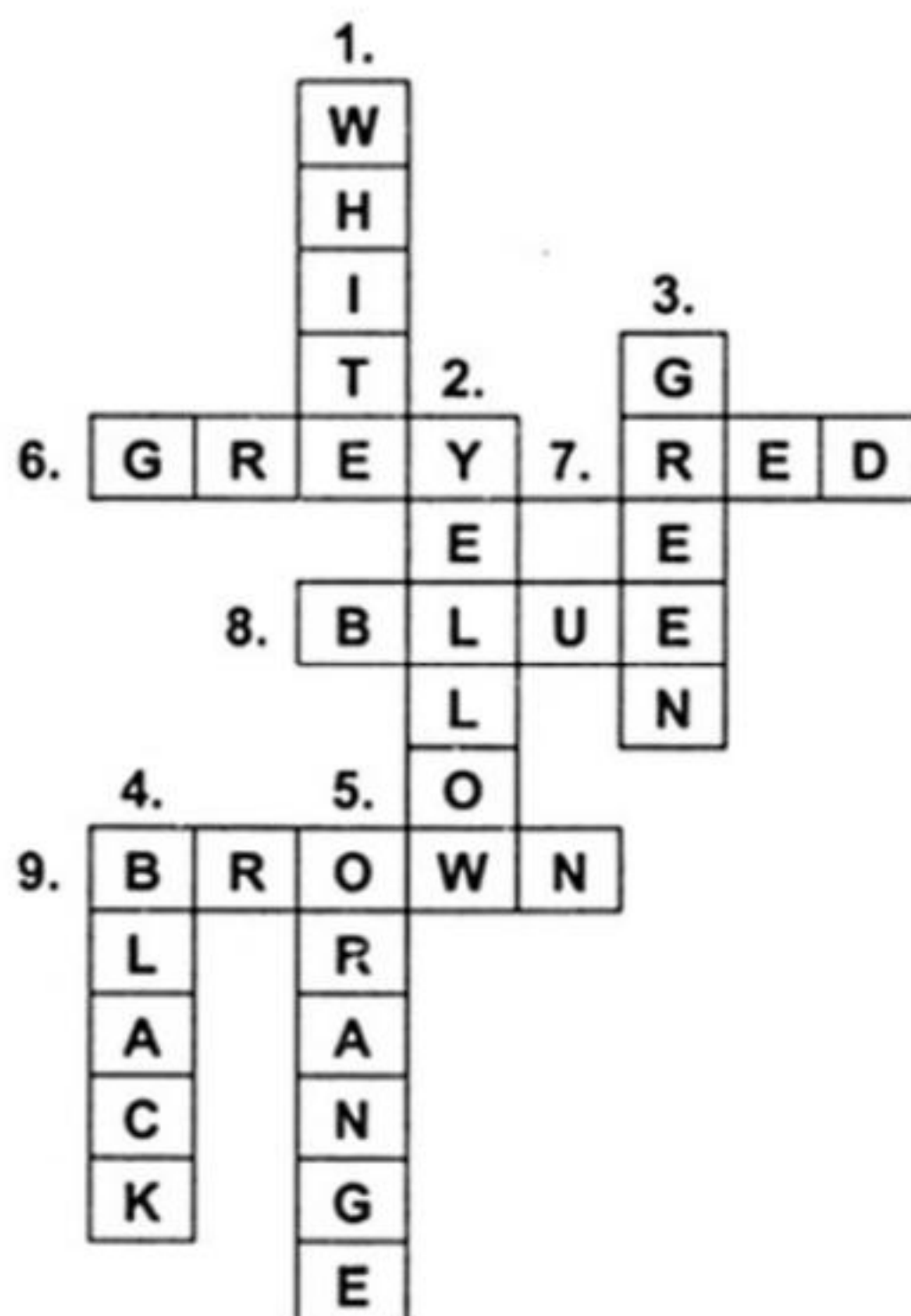
C. GÓC ĐỒ VUI

1. Find food and drink!

ACROSS: SOUP, CHEESE, APPLE, BUTTER, PEA, BREAD, WINE, FISH, WATER, EGG, HAM, POTATO

DOWN: SANDWICHES, MILK, BEER, GRAPE, PEAR, BANANAS, TEA, RICE, MEAT, ONION, ORANGE, COKE

2. Put the colors in the box in the right columns.





BÀI 4

TOÁN

1. Phân số $\frac{6}{9}$.

2. Cách 1. $\frac{1}{2} + 49 + 50 + \frac{38}{76} = 100$.

Cách 2. $5 + 24 + 70 + \frac{9}{18} + \frac{3}{6} = 100$.

Cách 3. $19 + 80 + \frac{3}{6} + \frac{27}{54} = 100$.

Cách 4. $3 + 9 + 87 + \frac{4}{5} + \frac{12}{60} = 100$.

3. Có vô số cặp phân số thoả mãn yêu cầu của đầu bài. Đó là những cặp phân số bằng nhau và những cặp phân số có tổng bằng 1. Bạn hãy giải thích vì sao.

Chẳng hạn : cặp $\frac{2}{4}$ và $\frac{1}{2}$, cặp $\frac{7}{11}$ và $\frac{4}{11}$, cặp $\frac{5}{8}$ và $\frac{3}{8}$.

4. Giả sử cho trước 4 số a, b, c, d.

Nếu tính trung bình cộng của 3 số bất kì trong 4 số trên thì ta có 4 số trung bình cộng sau $\frac{a+b+c}{3}$, $\frac{a+b+d}{3}$, $\frac{a+c+d}{3}$, $\frac{b+c+d}{3}$.

Tổng của 4 số trung bình cộng là :

$$\frac{a+b+c}{3} + \frac{a+b+d}{3} + \frac{a+c+d}{3} + \frac{b+c+d}{3} = \frac{(a+b+c+d) \cdot 3}{3} = a+b+c+d.$$

Do đó, tổng của 4 số ở bất kì lần viết nào cũng bằng tổng của 4 số ban đầu và là $3 + 6 + 9 + 12 = 30$. Tổng của 4 số bạn Tuấn viết là

$$\frac{17}{9} + \frac{13}{9} + 10 + \frac{47}{3} = 29.$$

Như vậy, bạn Tuấn chắc chắn đã tính sai.

(Theo Nguyễn Đức Tấn. "Ảo thuật và đồ vui toán học". NXB Giáo dục – 2004).

5. Số cá có đánh dấu bắt được lần thứ hai chiếm $\frac{2}{40} = \frac{1}{20}$ số cá bắt được. Giả sử số cá có đánh dấu được phân bố đều toàn bộ số cá trong ao là n con thì 30 con



cá có đánh dấu cũng phải chiếm $\frac{1}{20}$ toàn bộ số cá n (con) tức là $\frac{30}{n} \approx \frac{1}{20}$. Do đó $n \approx 30 \cdot 20 = 600$ (con).

n chỉ là một số gần đúng vì chưa tính số cá nhỏ hơn mắt lưới, mắt lưới càng nhỏ thì số cá ước đoán càng chính xác.

(Theo Dương Vinh Tường và các tác giả khác, "Mười vạn câu hỏi phần Toán – Tập 2". NXB Khoa học – 1964).

6. Chọn (B).

7. Chọn (C).

$$8. A = \frac{1}{7} \cdot \frac{5}{2} : \left(\frac{1}{8} : \frac{3}{8} \right) = \frac{5}{14} : \frac{1}{3} = \frac{15}{14} = 1\frac{1}{14}.$$

$$B = \left(\frac{1}{3,5} - \frac{1}{5,5} \right) : \frac{40}{77} = \left(\frac{2}{7} - \frac{2}{11} \right) \cdot \frac{77}{40} = \frac{8}{77} \cdot \frac{77}{40} = \frac{1}{5}.$$

9. (h.10).

10. (h.11).

a) A nằm giữa O và B nên $OA < OB$ mà $OM = OA$, $ON = OB$

nên $OM < ON$. Hai điểm M, N cùng thuộc tia Oy suy ra M nằm giữa O và N.

b) Ta có $OA + AB = OB$. (1)

$OM + MN = ON$. (2)

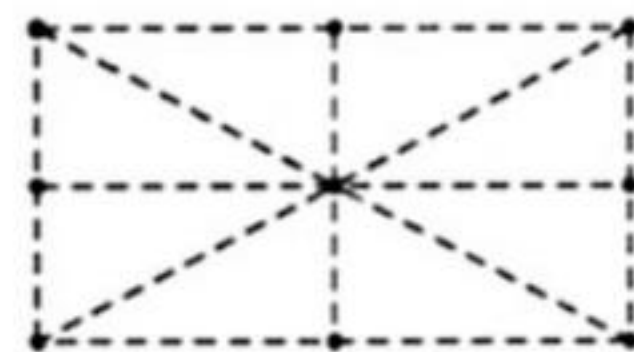
Ta lại có $OA = OM$, $OB = ON$ nên từ (1) và (2) suy ra $AB = MN$.

c) A nằm giữa O và B nên $OA + AB = OB$ (1)

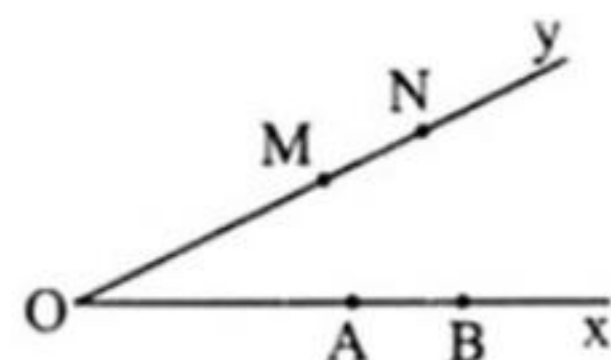
C nằm giữa O và B nên $OC + CB = OB$ (2)

Từ (1) và (2) suy ra : $OA + AB = OC + CB (= OB)$ (3)

Trong đẳng thức (3) ta có $OC = AB$ suy ra $OA = CB$.



Hình 10



Hình 11



NGŨ VĂN

I. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

Câu	1	2	3	5	6
Đáp án	A	D	D	D	D

4. Phép so sánh không ngang bằng (*khác hẳn*) và thủ pháp đối lập hình ảnh dương Hương Thư khi vượt thác (*giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ*) với dương Hương Thư lúc ở nhà (*nhỏ nhẹ, tính nết nhu mì, ai gọi cũng vâng vâng dạ dạ*) nhằm khẳng định những phẩm chất đáng quý của người lao động : hiền lành, khiêm tốn, giản dị trong đời thường nhưng lại vô cùng dũng mãnh, nhanh nhẹn, quyết liệt trong cuộc đối đầu với thử thách của thiên nhiên.

7. Để phân tích tình cảm của người mẹ dành cho đứa con trong đoạn thơ, cần làm rõ :

- Cách người mẹ gọi đứa con thân yêu của mình là *giọt nắng*.
- Hình ảnh đứa con hiện lên thế nào dưới ánh mắt hiền từ của người mẹ ? (hồn nhiên, ngây thơ, ngộ nghĩnh, đáng yêu...)
- Giọng điệu của người mẹ khi nói về đứa con (nhẹ nhàng, trù mến, hạnh phúc và ngập tràn yêu thương...).

II. TIẾNG VIỆT

1. Câu thơ đã sử dụng hình ảnh nhân hoá gợi vẻ đẹp sinh động, tinh nghịch như trẻ thơ của nắng và gợi tình cảm gắn bó của em bé với bà : em là giọt nắng, là ánh sáng, niềm hi vọng của cuộc đời bà.

2. Hình ảnh so sánh dương Hương Thư "*giống như một hiệp sĩ của Trường Sơn oai linh hùng vĩ*" gợi liên tưởng đến vẻ đẹp huyền thoại của những người anh hùng xưa với tầm vóc và sức mạnh phi thường. Những phẩm chất ấy như đang sống lại trong vẻ đẹp dũng mãnh và đầy sức mạnh của những con người lao động bình thường trong công cuộc chinh phục tự nhiên.

3. A

4. – Hiền tài là nguyên khí của quốc gia. (Vị ngữ : là + cụm danh từ)
- Trong nhà lô nhô mấy ông cụ già khăn áo chỉnh tề. (Vị ngữ : tính từ)
- Cá chim hai vây // xoè. Cá mòi vẩy // trắng li ti như bạc mới. Cá gùg rìa trê // dài vênh lên. (Vị ngữ : cụm chủ – vị)
- Chúng ta phải ghi nhớ công lao của các vị anh hùng dân tộc. (Vị ngữ : cụm động từ)



III. TẬP LÀM VĂN

1. * Yêu cầu :

- Kiểu bài : miêu tả (tả người).
- Nội dung : tả một người thân mà em yêu quý.
- Kỹ năng : Cần xác định được đối tượng mà em định chọn để miêu tả (ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em,...). Vận dụng các phương pháp tả người, quan sát, lựa chọn các chi tiết về ngoại hình, tính cách, hành động tiêu biểu của người đó để miêu tả. Các chi tiết phải chân thực, làm nổi bật được chân dung người cần tả và được sắp xếp, trình bày theo thứ tự hợp lý.
- Hình thức : Bài viết ngắn gọn, thể hiện được tình cảm của người viết đối với đối tượng được miêu tả. Lời văn trong sáng.

* Tham khảo dàn ý cho bài văn tả bố :

Mở bài :

- Giới thiệu về bố.
- Nêu tình cảm của em với bố.

Thân bài :

- Những chi tiết miêu tả về ngoại hình :
 - + Khuôn mặt : vuông chữ điền, góc cạnh...
 - + Đôi mắt : sáng, ánh lên những ánh nhìn ấm áp...
 - + Vầng trán : cao, có những nếp nhăn...
 - + Nước da : sạm đen, nâu sẫm răn rỏi...
 - + Dáng vóc : khoẻ khoắn, săn chắc,...
- Những chi tiết về tính cách, hành động :
 - + Những việc làm của bố : chăm sóc, dạy dỗ con cái, giúp mẹ những việc nặng,...
 - + Quan hệ của bố với những người xung quanh : thân thiện, cởi mở...
- Bố đã mang lại sự ấm áp, bình yên cho gia đình.

Kết bài : Tình cảm của em đối với bố.

2. * Yêu cầu :

- Kiểu bài : tập làm thơ bốn chữ.
- Nội dung : tự chọn.
- Kỹ năng : Vận dụng phương pháp làm thơ bốn chữ : cách gieo vần, tạo nhịp... để sáng tác đoạn thơ hoặc bài thơ bốn chữ theo nội dung tự chọn. Yêu cầu bài thơ phải gieo đúng vần, có nội dung tư tưởng.



* Tham khảo bài thơ sau :

TIẾNG VÕNG KÊU

Kêu cà kêu kệt
Kêu cà kêu kệt
Tay em đưa đều
Ba gian nhà nhỏ
Đầy tiếng võng kêu

Kêu cà kêu kệt
Mênh mang trưa hè
Chim co chân ngủ
Lim dim cành tre

Kêu cà kêu kệt
Cây na thiu thiu
Mắt na hé mở
Nhìn trời trong veo

Kêu cà kêu kệt
Võng em chao đều
Chim ngoài cửa sổ
Mổ tiếng võng kêu

Kêu cà kêu kệt
Xưa mẹ ru em
Cũng tiếng võng này
Cánh cò trắng muốt
Bay bay bay bay

Kêu cà kêu kệt
Bé Giang ngủ rồi
Tóc bay phơ phất
Vương vương nụ cười...

Trong giấc em mơ
Có gặp con cò
Lặn lội bờ sông
Có gặp cánh bướm
Mênh mông, mênh mông
Có gặp bóng mẹ
Lom khom trên đồng



*Gặp chú pháo thủ
Canh trời nắng trong*

*Em ơi cứ ngủ
Tay anh đưa đều
Ba gian nhà nhỏ
Đẩy tiếng võng kêu
Kèo cà kèo kẹt
Kèo cà kèo kẹt
Kèo cà... kèo kẹt...*

(Trần Đăng Khoa)

TIẾNG ANH

B. BÀI TẬP MINH HOẠ

I. Choose the best option A, B, C or D to complete the sentence.

- | | | |
|-------------------|----------------------|----------------------|
| 1. C. a bottle of | 2. B. bar | 3. B. some |
| 4. D. loaves | 5. B. a dozen | 6. C. half a kilo of |
| 7. B. much | 8. C. glass | 9. D. dairy products |
| 10. A. some | 11. B. never | 12. A. sometimes |
| 13. A. go | 14. B. for | 15. D. never |
| 16. C. big | 17. C. are going | 18. A. are walking |
| 19. D. ride | 20. D. always/ never | |

II. Fill in the blanks with *How much*, *How many* or *How often*.

- How *many* oranges do you want?
- How *often* do they go fishing?
- How *many* students are there in your team?
- How *much* cheese does your sister want to buy?
- How *often* do the children play soccer?
- How *much* beef does he need?
- How *much* sugar do they need for a big cake?
- How *often* does she listen to music a week?
- How *much* money do you ask your mother for?
- How *often* does your father go jogging?



III. Choose the best answer A, B, C or D to complete the passage.

1. C. jogs 2. D. fishing 3. B. This 4. D. is 5. A. for

IV. Use *always, usually, often, sometimes, never* to write sentences to tell friends about your habits.

Example:

I sometimes go to the zoo with my sister. I often go to the park after school with my little dog. I like playing sports. I usually play soccer with my friends every Sunday afternoon. I never go camping because my mother doesn't want me to go far away. I always walk to school. I usually get up early so I am never late for school.

C. GÓC ĐỒ VUI

1. Months and seasons search

Months		Seasons
January	February	Spring
March	April	Summer
May	June	Fall/Autumn
July	August	Winter
September	October	
November	December	

Put the words you find in the correct column

Spring	Summer	Autumn	Winter
February	May	August	November
March	June	September	December
April	July	October	January

2. Game of Hidden English Words : Vegetables

1. potato - There is a silver tea**POT AT** Our aunt's home.
2. Onion - Aunt Hilda has kept a bowl of macar**ONI ON** the dining table.
3. Yam - Stacy is a ver**Y AM**bitious journalist.
4. Pumpkin - The boy with the air **PUMP KIN**dly agreed to inflate the tires.
5. Gourd - We du**G OUR** Dry farm to sow the seeds.



6. Carrot -The **CAR ROT**ated due to the impact of the accident.
7. Beans -You will now **BE ANS**wering a set of multiple-choice questions.
8. Spinach - Is it possible to find a wa**SP IN A CH**estnut tree?
9. Eggplant - There is an **EGG PLANT**ed firmly on the juggler's hat.
10. Peas - The performing trou**PE AS**pired to be the best of all.

BÀI 5

TOÁN

1. a) 104% của 50 bằng 50% của 104 nên ta có $104 \cdot \frac{1}{2} = 52$.
 b) 240% của 25 bằng 25% của 240 tức là bằng $240 \cdot \frac{1}{4} = 60$.
 c) 80% của 12,5 bằng 12,5% của 80 tức là bằng $80 \cdot \frac{1}{8} = 10$.
2. Để tìm $\frac{3}{7}$ của 6,797 ta lấy $6,797 \cdot 3$ rồi chia cho 7 tức là :

$$(6,797 \cdot 3) : 7 = 20,391 : 7 = 2,913.$$
 Để tìm $\frac{7}{3}$ của 2,913 ta lấy $2,913 \cdot 7$ rồi chia cho 3 tức là :

$$(2,913 \cdot 7) : 3 = 20,391 : 3 = 6,797.$$
3. Giá mới bằng 85% giá cũ.
 Đáp số : A : 102 000 đồng, B : 153 000 đồng, C : 170 000 đồng.
4. Ta đã biết $9,36 \cdot 9 = 84,24$ (1)
 $84 : 24 : 4 = 21,06$ (2).
 a) Số phải tìm bằng $9,36 : \frac{4}{9} = 9,36 \cdot \frac{9}{4} = \frac{84,24}{4}$ (theo (1))
 $= 21,06$ (theo (2)).
 b) Số phải tìm bằng $21,06 : 225\% = 21,06 : \frac{9}{4}$
 $= 21,06 \cdot \frac{4}{9} = \frac{84,24}{9}$ (suy từ (2))
 $= 9,36$ (suy từ (1)).
5. 125kg ngô.



6. Tuổi con gái hiện nay bằng $\frac{2}{5}$ tuổi bố hiện nay, trước đây 4 năm, tuổi con gái bằng $\frac{1}{3}$ tuổi bố hiện nay nên 4 năm chính là $\frac{2}{5} - \frac{1}{3} = \frac{1}{15}$ (tuổi bố).

Vậy hiện nay tuổi bố là $4 : \frac{1}{15} = 60$ (tuổi), tuổi con gái là $60 \cdot \frac{2}{5} = 24$ (tuổi).

7. Trên bản đồ khoảng cách phải tìm là :

$$162\,000\,000 \cdot \frac{1}{10\,000\,000} = 16,2 \text{ (cm)}.$$

8. Trong một ngày đêm, kim phút quay được 24 vòng, kim giờ quay được 2 vòng. Suy ra kim phút phải vượt kim giờ 22 lần và giữa hai lần vượt các kim tạo thành góc vuông hai lần.

Vậy tất cả có $22 \cdot 2 = 44$ (lần) kim giờ và kim phút tạo thành góc vuông.

9. Hai con số ứng với cùng một vạch chia độ ở vòng cung phía trong và phía ngoài luôn có tổng là 180 (độ). Mặt khác, hiệu hai số này là 10 (độ) nên số đo của góc phải tìm là : $(180 - 10) : 2 = 85$ (độ).

10. (h. 12)

- a) Các góc AOC và COB kề bù nên

$$\widehat{COB} = 180^\circ - \widehat{AOC} = 180^\circ - 90^\circ = 90^\circ.$$

Tia OD nằm trong góc BOC nên tia OD nằm giữa hai tia OB, OC. Ta có :

$$\widehat{BOD} + \widehat{DOC} = \widehat{BOC} \text{ hay } 60^\circ + \widehat{DOC} = 90^\circ$$

$$\Rightarrow \widehat{DOC} = 90^\circ - 60^\circ = 30^\circ.$$

Các góc nhọn là : $\widehat{BOE}$, $\widehat{BOD}$, $\widehat{DOC}$;

Các góc vuông là : $\widehat{AOC}$, $\widehat{BOC}$, $\widehat{DOE}$;

Các góc tù là : $\widehat{AOD}$, $\widehat{COE}$, $\widehat{AOE}$.

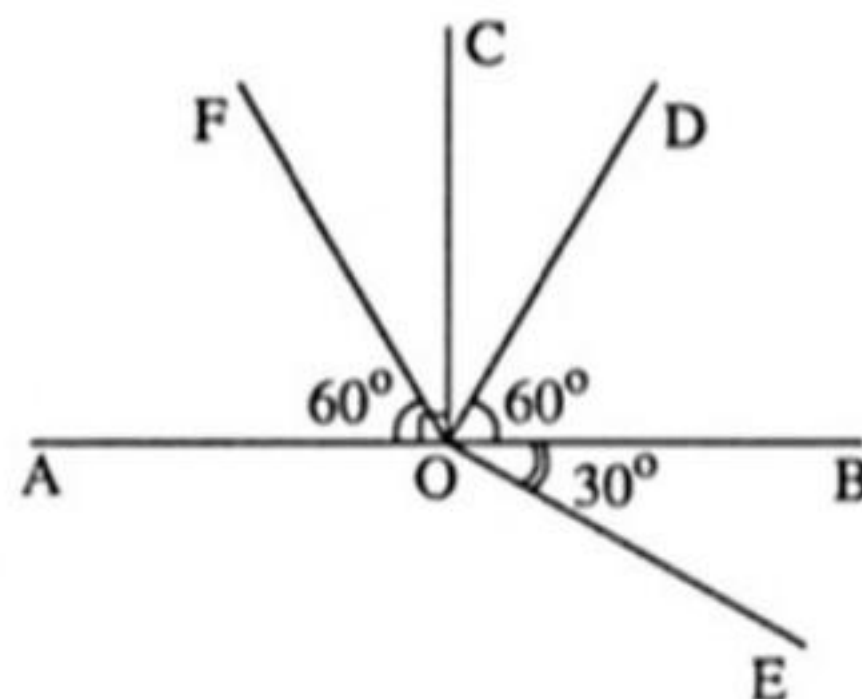
Góc bẹt là $\widehat{AOB}$.

- b) Các góc AOF và BOF kề bù nên $\widehat{BOF} = 180^\circ - \widehat{AOF} = 180^\circ - 60^\circ = 120^\circ$.

Các tia OD, OF cùng thuộc nửa mặt phẳng bờ AB mà $\widehat{BOD} < \widehat{BOF}$ ($60^\circ < 120^\circ$) nên tia OD nằm giữa hai tia OB, OF (1). Ta lại có

$$\widehat{BOD} = \frac{1}{2} \widehat{BOF} \quad (60^\circ = \frac{1}{2} \cdot 120^\circ) \quad (2).$$

Từ (1) và (2) suy ra tia OD là tia phân giác của $\widehat{BOF}$.



Hình 12



NGŨ VĂN

I. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

Câu	1	2	3	4
Đáp án	B	D	A	D

5. Nhận xét dựa trên những gợi ý sau :

- Số lượng các tính từ chỉ màu sắc được huy động thế nào ?
- Những màu sắc đó có phù hợp với các thời điểm miêu tả không ?
- Những màu sắc ấy làm nên vẻ đẹp như thế nào của biển ?

6. Trả lời dựa theo gợi ý sau :

- Tác giả đã chọn những thời điểm nào, thời điểm đó có đặc điểm gì ? (thời gian và đặc điểm thời tiết đi kèm)
- Việc lựa chọn các thời điểm ấy có theo trình tự thời gian không ? Vì sao ?
- Lựa chọn các thời điểm "khát khe" như vậy có tác dụng gì trong việc miêu tả vẻ đẹp của biển ?

II. TIẾNG VIỆT

1. HS tìm các cụm từ so sánh trong đoạn văn và nêu giá trị của các so sánh đó.

2.

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
d	e	b	a	c

3. Đọc lại phần kiến thức về các thành phần câu để xác định chúng trong các câu cụ thể. Đồng thời, nhớ lại phần kiến thức về các từ loại, về các loại cụm từ để xác định được cấu tạo của các thành phần trong câu. Tham khảo gợi ý sau :

<i>Chiều xuống,</i>	<i>ráng chiều</i>	<i>nhuộm tím không gian,</i>	<i>ánh lên sắc phượng cả khối màu thời gian tím ngắt.</i>
Trạng ngữ C – V	Chủ ngữ Danh từ	Vị ngữ 1 Cụm động từ	Vị ngữ 2 Cụm động từ

5.

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
<i>rực rỡ</i>	<i>đặc biệt</i>	<i>ngàn hoa cỏ</i>	<i>biển ảo</i>	<i>bóng bễnh</i>	<i>mặt nắng</i>	<i>hoàng hôn</i>



7. Các phó từ phủ định đứng trước các động từ tồn tại *có* để phủ định sự tồn tại của những danh từ đi sau động từ đó : *đảo, thuyền, sóng, mây, sắc biếc của da trời*. Phủ định hàng loạt sự tồn tại của các sự vật ấy nhằm hướng tới khẳng định rằng : màu trắng đục đã bao trùm toàn bộ không gian.

III. TẬP LÀM VĂN

1. Yêu cầu :

– Kiểu bài : miêu tả sáng tạo.

– Nội dung : miêu tả một thành phố lạ trong giấc mơ (thành phố ô tô, thành phố rô-bốt, thành phố búp bê...). Cần lựa chọn các chi tiết tiêu biểu để làm nổi bật được nét lạ của thành phố đó so với các thành phố khác mà em đã từng đặt chân đến, từng biết đến trong hiện thực. Phát biểu được cảm nghĩ của em về cuộc sống trong thành phố kì lạ ấy.

– Hình thức : Ngôn ngữ, lời văn trong sáng, thể hiện trí tưởng tượng phong phú, sự sáng tạo và có cảm xúc.

2. Yêu cầu :

– Kiểu bài : miêu tả sáng tạo.

– Nội dung : miêu tả một miền quê.

– Kỹ năng : Xác định được :

+ Miền quê đó ở đâu ? Em biết đến khi nào, bằng cách nào ?

+ Miền quê đó có gì nổi bật ? (cảnh vật, con người, nhịp sống...)

+ Cảm xúc của em thế nào khi biết đến miền quê đó ?

– Hình thức : Bài văn thể hiện được thái độ chân thành, những suy nghĩ tưởng tượng nhưng hợp lí. Lời văn trong sáng, tả xen lẫn phát biểu cảm xúc để bài văn thêm hấp dẫn.

TIẾNG ANH

B. BÀI TẬP MINH HOẠ

I. Choose the best option A, B, C or D to complete the sentence.

1. A. many

2. D. a little

3. A. a lot of

4. B. Does

5. A. is typing

6. C. from

7. D. ask

8. A. elder

9. C. few

10. D. isn't it

11. D. from

12. A. quite a few

13. C. a little/ a few

14. A. switch off

15. B. longer

16. D. the longest

17. A. the highest

18. C. lots of/ a great

19. B. too much

20. A. need more



II. Write the correct word for each object.

- | | | | | | |
|-----------|----------|-----------|----------|------------|----------|
| 1. bottle | 2. piece | 3. slice | 4. box | 5. tin | 6. bar |
| 7. can | 8. jar | 9. packet | 10. loaf | 11. carton | 12. tube |

III. There is one mistake in each sentence. Find out, underline and correct it.

	Your corrections
1. Nam usually gets up at 6 a.m. and <u>take</u> a shower.	takes
2. Trung <u>don't</u> have English on Monday and Thursday.	doesn't
3. Does she <u>brushes</u> her teeth every morning?	brush
4. On the street, there <u>are</u> a restaurant, a bookstore and a cafeteria.	is
5. The movie theater is <u>among</u> the bakery and the drugstore.	between
6. What color <u>is</u> her eyes?	are
7. There are some oranges and some <u>banana</u> on the table.	bananas
8. <u>How many</u> rice do you want?	How much
9. How often do you go to the zoo a week?	
- I go to the zoo <u>one</u> a week.	once
10. What are you going <u>do</u> this summer vacation?	to do
11. They are going to stay <u>at</u> a hotel in Ha Noi for three days.	in
12. Phanxipang is <u>highest</u> mountain in Vietnam.	the highest
13. We collect waste paper, scrap metal, old plastic and recycle <u>it</u> .	them
14. What <u>does</u> factories do with waste and scrap?	do
15. Why <u>do</u> the world need more food?	does

C. GÓC ĐỒ VUI

Game of Hidden English Words : Animals

- lion - There were two mil**LION** dollars in the bank.
- cat - The police inspectors were trying to lo**CATe** the robbers.
- rat - The cook was g**RAT**ing the cheese.
- dog - Kevin has been advised to **DO** Good reading for the test.
- ewe (Con cừu) - Andr**EW** Entered the cafeteria in the evening.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	3
BÀI 1	4
Toán.....	4
Ngữ văn	10
Tiếng Anh.....	14
BÀI 2	19
Toán.....	19
Ngữ văn	24
Tiếng Anh.....	27
BÀI 3	34
Toán.....	34
Ngữ văn	40
Tiếng Anh.....	44
BÀI 4	49
Toán.....	49
Ngữ văn	56
Tiếng Anh.....	59
BÀI 5	64
Toán.....	64
Ngữ văn	71
Tiếng Anh.....	74
LỜI GIẢI - HƯỚNG DẪN - ĐÁP SỐ	80

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch Hội đồng Thành viên kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI

Tổng biên tập kiêm Phó Tổng Giám đốc NGUYỄN QUÝ THAO

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung :

Phó Tổng biên tập PHAN XUÂN THÀNH

Giám đốc CTCP Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội PHAN KẾ THÁI

Biên tập lần đầu và sửa bản in :

Phần Toán : LÊ THỊ THANH HẰNG

Phần Ngữ văn : NGUYỄN THỊ LAN

Phần Tiếng Anh : ĐẶNG ĐỨC TRUNG

Biên tập tái bản và sửa bản in :

Phần Toán : NGUYỄN THỊ NGUYỄN THUY

Phần Ngữ văn : NGUYỄN THỊ LAN

Phần Tiếng Anh : VŨ THỊ LAI

Biên tập kỹ thuật :

NGUYỄN THÀNH TRUNG

Trình bày bìa :

THÁI THANH VÂN

Chế bản :

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Công ty cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội –
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam giữ quyền công bố tác phẩm

ÔN TẬP HÈ: TOÁN - NGỮ VĂN - TIẾNG ANH LỚP 6

Mã số: T6T80h3 - NBE

Số đăng ký KHXB : 197 - 2013/CXB/6 - 173/GD

In 1.500 bản (QĐ.35TK); khổ 17 x 24 cm; Tại Công ty Cổ phần In và Vật tư Hải Dương.

Số in: 20; In xong và nộp lưu chiểu tháng 7 năm 2013.